

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP HỒ CHÍ MINH**



PHẠM THÁI

**KHỞI TỐ VỤ ÁN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ
VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

**KHỞI TỐ VỤ ÁN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ
VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 62 38 01 04

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học:
PGS.TS. Trần Văn Độ

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN	7
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ	22
1.1. Khởi tố vụ án hình sự - giai đoạn độc lập của tố tụng hình sự.....	22
1.2. Mối quan hệ giữa giai đoạn khởi tố vụ án hình sự với các giai đoạn tố tụng khác.....	36
1.3. Lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án hình sự.....	40
1.4. Quy định về khởi tố vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự một số quốc gia trên thế giới.....	46
Kết luận Chương 1	63
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VÀ BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ	65
2.1. Chủ thể khởi tố vụ án hình sự.....	65
2.2. Thủ tục tố tụng trong khởi tố vụ án hình sự	77
2.3. Các quyết định tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự	97
2.4. Thời hạn khởi tố vụ án hình sự.....	112
2.5. Hoạt động kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.....	114
Kết luận Chương 2	123

CHƯƠNG 3. THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU

QUẢ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ.....126

3.1. Thực tiễn khởi tố vụ án hình sự từ năm 2011 đến năm 2017.....126

3.2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế hiệu quả khởi tố vụ án hình sự.....133

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả khởi tố vụ án hình sự.....157

Kết luận Chương 3.....181

KẾT LUẬN.....185

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ gốc
BLHS	: Bộ luật Hình sự
BLTTHS	: Bộ luật Tố tụng hình sự
TAND	: Tòa án nhân dân
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
VKSNDTC	: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Khi có một tội phạm được thực hiện, việc giải quyết vụ án hình sự nhanh chóng, chính xác nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi phạm tội và người thực hiện tội phạm là nhiệm vụ của tố tụng hình sự. Việc giải quyết vụ án hình sự có thể trải qua nhiều giai đoạn tố tụng khác nhau, trong đó giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu tiên của tố tụng hình sự, mở đầu cho quá trình chứng minh vụ án. Trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, các cơ quan có thẩm quyền sẽ xác định sự việc xảy ra có hay không có dấu hiệu tội phạm để ra quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự.

Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng rất quan trọng, đóng vai trò tiền đề cho các giai đoạn tố tụng tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Việc khởi tố vụ án hình sự sẽ tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động tố tụng tiếp theo và hầu hết các hoạt động tố tụng hình sự chỉ có thể được tiến hành sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự. Nếu việc khởi tố vụ án hình sự được thực hiện một cách kịp thời, có căn cứ và đúng pháp luật sẽ góp phần đảm bảo cho phát hiện và xử lý tội phạm được nhanh chóng, tránh tình trạng truy cứu trách nhiệm hình sự oan sai đối với người vô tội. Ngược lại, nếu việc khởi tố vụ án hình sự không kịp thời sẽ có thể dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm, còn việc khởi tố vụ án không chính xác thì sẽ dẫn đến oan sai cho người vô tội, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tính nghiêm minh của pháp luật cũng như trật tự xã hội. Vì vậy, việc khởi tố vụ án hình sự cần phải đáp ứng được những yêu cầu chung về bảo vệ an toàn các hoạt động trong trật tự quản lý nhà nước và quản lý xã hội, nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện, điều tra, xử lý kịp thời, bảo vệ được những quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động này.

Khởi tố vụ án hình sự là một trong những vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng trong khoa học Luật tố tụng hình sự. Quy định này được pháp điển hóa lần đầu tiên trong BLTTHS năm 1988, tiếp tục được bổ sung, phát triển trong BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015. BLTTHS quy định trình tự, thủ tục khởi tố vụ án hình sự khá đầy đủ và cụ thể, trở thành cơ sở pháp lý quan trọng, đã và đang phát huy vai trò tích cực trong thực tiễn. Tuy nhiên, sau một thời gian dài áp dụng, các quy định về khởi tố vụ án hình sự cũng dần bộc lộ những vướng mắc, bất cập nhất định do còn nhiều điểm chưa hợp lý và thiếu đồng bộ, thống nhất; chưa dự liệu và điều chỉnh hết những trường hợp xảy ra trong thực tiễn tố tụng hình sự; chưa thực sự đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự. Những hạn chế này gây không ít khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc nhận thức và áp dụng quy định pháp luật, dẫn đến tình trạng khởi tố oan sai người vô tội hoặc bỏ sót trong việc phát hiện và xử lý tội phạm.

Mặc dù là một trong những vấn đề trọng tâm của khoa học Luật tố tụng hình sự, lại là vấn đề phức tạp trong công tác thực hiện pháp luật, nhưng lý luận về khởi tố vụ án hình sự lại chưa được các chuyên gia pháp lý hình sự nghiên cứu chuyên sâu. Cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về khởi tố vụ án hình sự. Lý luận về khởi tố vụ án hình sự so với các vấn đề khác của tố tụng hình sự vẫn chưa phát triển, mang tri thức về đề tài này hiện còn rất nhiều hạn chế dẫn đến việc nhận thức chưa có sự thống nhất. Do hạn chế về mặt lý luận nên các quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự còn nhiều bất cập, từ đó thực tiễn khởi tố vụ án hình sự gặp không ít khó khăn, vướng mắc. Chính vì vậy, việc nghiên cứu một cách toàn diện và chuyên sâu về quy định khởi tố vụ án hình sự là một yêu cầu khách quan và cần thiết, nhằm lý giải một cách khoa học những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra hiện nay.

Bên cạnh đó, nước ta đang trong tiến trình cải cách tư pháp nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, triển khai thực hiện Hiến pháp 2013 về quyền con người, về tổ chức bộ máy nhà nước. Đảng và Nhà nước ta khẳng định quyết tâm chính trị mạnh mẽ của mình trong việc thực hiện chủ trương và triển khai các nhiệm vụ cải cách tư pháp. Một trong những phương hướng hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp được Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đưa ra là: *Hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người*. Do vậy hoàn thiện các quy định về khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam là vấn đề hết sức cần thiết nhằm bảo vệ có hiệu quả các quyền và lợi ích hợp pháp không chỉ của người bị hại mà còn cả người thực hiện hành vi phạm tội trong tố tụng hình sự.

Tình hình như trên đặt ra nhu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn là cần phải có một công trình nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống về vấn đề khởi tố vụ án hình sự. Do đó, tác giả đã chọn đề tài: ***“Khởi tố vụ án trong tố tụng hình sự Việt Nam”*** làm Luận án Tiến sĩ luật học của mình nhằm nghiên cứu các vấn đề lý luận về khởi tố vụ án hình sự và thực tiễn áp dụng, xác định những bất cập còn tồn tại và đưa ra những giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về vấn đề này.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án xác định mục đích nghiên cứu là đề ra các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về khởi tố vụ án hình sự, góp phần nâng cao hiệu quả thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu nêu trên, Luận án đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu như sau:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam;

- Phân tích và đánh giá quy định của pháp luật hiện hành về khởi tố vụ án hình sự; những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thực hiện các quy định này trong việc giải quyết vụ án hình sự;

- Nghiên cứu so sánh pháp luật tố tụng hình sự một số quốc gia trên thế giới, rút ra những điểm khác biệt và kinh nghiệm cho Việt Nam về quy định khởi tố vụ án hình sự;

- Đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về khởi tố vụ án hình sự và nâng cao hiệu quả khởi tố vụ án hình sự.

3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu

3.1. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận về khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới, thực tiễn thực hiện các quy định về khởi tố vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu về thời gian là các văn bản pháp luật có liên quan đến quy định khởi tố vụ án hình sự, chủ yếu là văn bản pháp luật tố tụng hình sự ban hành từ năm 1988 đến nay; số liệu giải quyết án được phân tích và đánh giá từ năm 2011 đến 2017.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Xuất phát từ mục đích nghiên cứu của luận án, tác giả xác định đối tượng nghiên cứu là:

- Các quan điểm lý luận về khởi tố vụ án hình sự;
- Quy định khởi tố vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và pháp luật một số nước thế giới;
- Thực tiễn khởi tố vụ án; những khó khăn, vướng mắc, bất cập, tồn tại để làm cơ sở cho việc đề ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn.

4. Những điểm mới của luận án

Luận án là công trình chuyên sâu ở cấp độ Luận án tiến sĩ nghiên cứu toàn diện, hệ thống về khởi tố vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Điểm mới của Luận án thể hiện trong các điểm sau:

- Luận án đã làm rõ khái niệm khởi tố vụ án hình sự theo hướng khẳng định khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng mở đầu cho quá trình tố tụng hình sự, cơ sở lý luận và thực tiễn của quy định khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam.
- Luận án đã khái quát quá trình hình thành, phát triển và phân tích các quy định hiện hành về khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam, rút ra những kế thừa cần thiết cho việc tiếp tục hoàn thiện quy định này.
- Luận án nghiên cứu khái quát quy định pháp luật tố tụng hình sự về vấn đề khởi tố vụ án hình sự của một số quốc gia trên thế giới như Liên bang Nga, Trung Quốc, Pháp, Đức... là những nước mà pháp luật Việt Nam có ảnh hưởng nhất định và từ đó rút ra những kinh nghiệm cho Việt Nam.
- Luận án đã phân tích thực tiễn khởi tố vụ án hình sự, những hạn chế, vướng mắc trong khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan có thẩm quyền và các nguyên nhân cụ thể dẫn đến những hạn chế này.
- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và đánh giá thực tiễn, Luận án đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự

trong tố tụng hình sự Việt Nam cũng như những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng quy định này trong thực tiễn.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- *Về mặt khoa học*: Luận án góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam và đề ra giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án hình sự.

- *Về mặt thực tiễn*: Các kết quả nghiên cứu của Luận án là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, vận dụng trong quá trình hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự. Đồng thời qua việc phát hiện những tồn tại trong thực tiễn khởi tố vụ án hình sự, Luận án đề ra những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn khởi tố vụ án hình sự.

Ngoài ra, những kết quả nghiên cứu của Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo về pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Hiện nay, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu về khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam được công bố ở nước ngoài.

Vấn đề khởi tố vụ án hình sự chưa thực sự thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học trên thế giới nên số lượng công trình còn ít so với các vấn đề khác của tố tụng hình sự. Sau đây là một số công trình nghiên cứu ở nước ngoài có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến đề tài:

– *“Human rights in the criminal trial - Human rights in criminal procedure”* (tạm dịch là *Quyền con người trong phiên tòa hình sự - Quyền con người trong tố tụng hình sự*) của tác giả John M. Andrew (United Kingdom National Committee of Comparative Law, 1982), đây là cuốn sách chủ yếu phân tích những yêu cầu đảm bảo quyền con người của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự. Nội dung sách phân tích các quyền của bị can, bị cáo trong quá trình bị truy cứu trách nhiệm hình sự từ giai đoạn khởi tố đến giai đoạn mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự tại Vương quốc Anh (có sự so sánh với một số quốc gia Tây Âu) như: Quyền được giữ im lặng, quyền kiểm tra các chứng cứ, các cáo buộc, quyền đối chất nhân chứng chéo, quyền có một phiên tòa công bằng và thẩm phán không thiên vị, phải có sự tham gia của bồi thẩm đoàn,... Trong đó, tác giả cũng tập trung phân tích hai quá trình then chốt đó là *“inquisitorial procedures”* (tố tụng thẩm vấn) và *“accusatorial procedures”* (tố tụng tranh tụng). Tác giả phân tích rằng hai quá trình tố tụng này đều phụ thuộc vào những người tiến hành tố tụng, nếu quyền của người bị buộc tội không được đảm bảo thì quyền con người cũng sẽ không được đảm bảo.

– *“The guarantees for accused person under Article 6 of the European Convention on Human Rights”* (tạm dịch là *Đảm bảo quyền của người bị buộc*

tội theo Điều 6 của Công ước Châu Âu về Nhân quyền) của tác giả Stephanos Stavros (NXB Sweet & Maxwell, Anh quốc, năm 1993). Công trình nghiên cứu này phân tích và so sánh một cách đầy đủ cách hiểu và áp dụng Điều 6 Công ước Châu Âu về nhân quyền của các quốc gia nằm trong khối EU, việc áp dụng đảm bảo quyền của người bị buộc tội trong quá trình tố tụng hình sự phụ thuộc vào truyền thống và sự phù hợp đối với pháp luật quốc gia của mỗi thành viên. (Điều 6 của Công ước nói về quyền được coi là không có tội khi chưa có sự phán quyết của tòa án và những quyền khác của người bị buộc tội).

– “*Criminal Procedure systems in the European Community*” (tạm dịch là *Những hệ thống tố tụng hình sự ở Cộng đồng Châu Âu*) của tác giả Christine Van Den Wyngaert (NXB Butterworth & Co Ltd, 1993) đây là bài viết giới thiệu về những hệ thống tố tụng hình sự ở Châu Âu như Anh, Đức, Nga, Thụy Điển..., có sự so sánh các hệ thống tố tụng đó trong khuôn khổ các quốc gia Châu Âu. Trong bài viết có nêu rõ về những trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng có thể khởi tố vụ án, các quyền của người bị buộc tội có trong quá trình tố tụng...

– “*Criminal Prosecution Rationalization of Criminal Justice*”, (tạm dịch là *Sự lý giải về truy tố hình sự của tư pháp hình sự*, Final Report, National Institute of Justice, US. Department of Justice, 1991), bài viết này gồm có 4 chương, bao gồm: tố tụng hình sự trong xã hội tự do; sự phát triển của tố tụng hình sự ở Hy Lạp, Rome, Giáo hội, Chế độ La Mã và những hệ thống thẩm vấn hiện đại; sự phát triển của tố tụng hình sự ở Anh, Scotland và Mỹ; những hệ thống tố tụng hình sự. Bài viết đã tập trung bàn về sự phát triển của hệ thống tố tụng hình sự ở một số quốc gia.

– “*Principle of Criminal Procedure*” (tạm dịch là *Nguyên tắc của tố tụng hình sự*) của nhóm tác giả Russell L. Weaver, Leslie W. Abramson, John M Burkott, Catherine Hancock (NXB Thomson West, 2004) viết về vấn đề đảm bảo quyền của người bị buộc tội. Trong quá trình bị buộc tội từ giai đoạn khởi tố đến

khi bị xét xử, các cơ quan có thẩm quyền cần tuân thủ các nguyên tắc của tố tụng hình sự để đảm bảo các quyền của người buộc tội như: quyền im lặng, quyền có luật sư tham gia kể từ thời điểm bị khởi tố...

– *Russia’s Criminal Procedure Code Five Years Out* (2007) (tạm dịch là *BLTTHS nước Nga sau 5 năm áp dụng*) của tác giả William Burnham và Jeffery Kahn, bài viết này nhận xét về nhiều sự thay đổi trong tố tụng hình sự của nước Nga sau 5 năm áp dụng BLTTHS năm 2001, trong đó quy định cụ thể về các căn cứ buộc tội cũng như thừa nhận người bị hại trở thành một bên buộc tội chính thức trong tố tụng hình sự.

– Cuốn sách “*Seeking Justice through the Criminal Justice System*” (tạm dịch là *Tìm kiếm công lý trong hệ thống tư pháp hình sự*) do Bộ tư pháp Mỹ công bố trong chương trình khảo sát thực trạng của việc bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia vào quá trình tố tụng hình sự (2010). Cuốn sách này phân tích và nghiên cứu về quá trình tham gia tố tụng hình sự của người bị buộc tội, người bị hại và phản ứng tâm lý của họ về những quyền họ có thể có trong suốt quá trình tìm đến con đường chân lý của vụ án.

– “*Criminal process and human rights*” (tạm dịch là *Tố tụng hình sự và các quyền con người*) của tập thể tác giả Jeremy Gans, Terese Henning, Jill Hunter và Kate Wamer (NXB New South Wales, Australia, 2011), các tác giả là những giáo sư, phó giáo sư của trường Đại học Luật tại Melbourne. Nội dung của bài viết xoay quanh vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự gắn liền với thực thi quyền con người tại Australia, đặc biệt là trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, những yêu cầu về việc bảo đảm những quyền tự do của con người như: quyền trong việc bắt, giam, giữ, xét xử, quyền được giữ im lặng, quyền được xét xử một cách công bằng cũng được phân tích một cách kỹ lưỡng.

– “*Protecting the right to a fair trial under the European Convention on Human Rights*” (Tạm dịch là *Bảo đảm quyền được xét xử công bằng theo*

Công ước châu Âu về quyền con người) của tác giả Dovydas Vitkauskas Grigoriy Dikov (Europe human rights handbooks, Strasbourg, 2012). Hai tác giả là những luật sư có kinh nghiệm làm việc ở nước Nga và Anh, họ cũng từng làm việc cho Tòa án quyền con người Châu Âu, bài viết đã giới thiệu Điều 6 Công ước Châu Âu về nhân quyền, ghi nhận những quyền của người bị buộc tội khi tham gia vào quá trình tố tụng: Quyền được biết lý do bị buộc tội, biết các chứng cứ buộc tội, trong đó có nhấn mạnh quyền bào chữa của người bị buộc tội, quyền kiểm tra nhân chứng, quyền được xét xử công bằng...

Ngoài ra, còn có một số bài viết khác liên quan đến vấn đề khởi tố vụ án hình sự như:

– *American criminal procedure-case and commentary* (tạm dịch là *Tố tụng hình sự Mỹ, vụ án và bình luận*) của tác giả Stephen A.Saltzburg (West Publishing, 1984).

– *The role of criminal Defense Lawyer in an Inquisitorial Procedure* (tạm dịch: *Vai trò của Luật sư bào chữa trong tố tụng thẩm vấn*), Legal and Ethic Contranst, Hart Publishing, Vol.9, 2006.

– *Hand book on Criminal Procedure* (*Sổ tay tố tụng hình sự*) của tác giả Wayne. R. LaFave & Jerold H. Israel, NXB West Group (2003).

– *Evidentiary Barries to Conviction and Two Models of Criminal Procedure: A Comparative Study* (*Những rào cản về chứng cứ để ra phán quyết và hai mô hình tố tụng hình sự: nghiên cứu so sánh*), tác giả Mirjan R. Damaska, Yale Law School Legal Scholarship Repository.

Các tài liệu nước ngoài rất có giá trị về mặt khoa học và độ tin cậy cao, nhưng vì lý do rào cản ngôn ngữ cũng như sự khó khăn khi tiếp cận tài liệu gốc nên số lượng tìm hiểu còn hạn chế. Đánh giá chung về các công trình trên, có thể nhận thấy rằng xu hướng nghiên cứu có nhiều điểm tương đồng với thực trạng nghiên cứu khoa học về lĩnh vực tố tụng hình sự ở Việt Nam. Các công

trình nghiên cứu nước ngoài thường chủ yếu đề cập đến quyền con người trong tố tụng hình sự nói chung và quyền con người trong quá trình bị buộc tội nói riêng và các quyền này đều dựa vào nền tảng quy định của Công ước Châu Âu về quyền con người.

Theo chúng tôi, ở nước ngoài có ít các tài liệu nghiên cứu về khởi tố vụ án, bởi vì trong tố tụng hình sự đa số các quốc gia không coi khởi tố vụ án như một giai đoạn tố tụng độc lập như ở nước ta; mà chỉ như là một phần của giai đoạn điều tra.

1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Về vấn đề khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam, tính đến thời điểm nghiên cứu mà tác giả tiếp cận, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách toàn diện về khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam dưới hình thức Luận án tiến sĩ luật học.

Trong thời gian gần đây, đã có một số công trình luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ viết về những vấn đề liên quan đến đề tài luận án mà tác giả đang nghiên cứu, cụ thể là:

– Đề tài luận án tiến sĩ: *Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong luật tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn* của tác giả Lê Lan Chi (Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, 2010). Luận án phân tích về những vấn đề lý luận chung của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong luật tố tụng hình sự Việt Nam như: làm rõ khái niệm, nội dung, vị trí của nguyên tắc này trong luật tố tụng hình sự Việt Nam. Đồng thời, tác giả còn so sánh các quan điểm, các quy định về nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong lịch sử pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cũng như luật tố tụng hình sự của một số quốc gia khác trên thế giới. Cuối cùng, tác giả đánh giá tính hiệu quả của hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội ở Việt Nam từ sau thời điểm BLTTHS năm 2003 có

hiệu lực đến nay để đưa ra các giải pháp từ pháp luật đến các giải pháp về cơ chế kiểm sát, giám sát, các giải pháp về vấn đề con người, về tổ chức thực hiện để hoàn thiện nguyên tắc này.

– Đề tài luận án tiến sĩ *Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại* của tác giả Nguyễn Đức Thái (Đại học Luật TPHCM, 2015). Luận án đã phân tích khái niệm khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại, cơ sở lý luận và thực tiễn của quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam, khái quát quá trình hình thành, phát triển và quy định hiện hành về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại. Đồng thời, Luận án đánh giá khái quát pháp luật các nước trên thế giới, đi sâu nghiên cứu pháp luật của Cộng hòa Liên bang Đức, Nga, Trung Quốc, những nước pháp luật Việt Nam có ảnh hưởng nhất định để từ đó rút ra những kinh nghiệm cho Việt Nam. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, Luận án đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam để góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

– Đề tài luận án tiến sĩ *Guarantee of the accused person's right to defense counsel- a comparative study of Vietnamese, German and American criminal procedure laws* (tạm dịch là *Đảm bảo quyền có người bào chữa của người bị buộc tội, so sánh Luật tố tụng hình sự của Việt Nam, Đức và Mỹ*) của tác giả Lương Thị Mỹ Quỳnh (Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh và Đại học Lund, Thụy Điển, năm 2011). Nội dung của luận án xoay quanh vấn đề tìm hiểu quyền bào chữa của người bị buộc tội qua pháp luật tố tụng hình sự của Việt Nam, Mỹ và Đức, đưa ra sự so sánh giữa bối cảnh lịch sử về việc đảm bảo quyền có người bào chữa của người bị buộc tội và làm sáng tỏ nền tảng lý luận về quyền này trong tố tụng hình sự, từ đó, tác giả đưa ra những kiến nghị phù hợp để góp phần bảo đảm quyền có người bào chữa của người bị buộc tội giai đoạn khởi tố đến lúc xét xử vụ án hình sự.

– Đề tài luận án tiến sĩ *Các chức năng trong tổ tụng hình sự Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn* của tác giả Nguyễn Mạnh Hùng (Hà Nội, 2012). Luận án làm rõ cơ sở lý luận của việc xác định chức năng tố tụng, ý nghĩa, nội hàm, phạm vi và giới hạn của từng chức năng trong tố tụng hình sự. Luận án cũng xác định rõ mối liên hệ giữa chức năng của tố tụng hình sự với mô hình tố tụng hình sự, trong đó trọng tâm là mối liên hệ với các yếu tố như mục đích của tố tụng hình sự, các nguyên tắc của tố tụng hình sự,... Đồng thời, luận án cũng xác định chủ thể thực hiện các chức năng tương ứng trong tố tụng hình sự, trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp đổi mới và hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự, về tổ chức và hoạt động của các chủ thể tham gia tố tụng, xây dựng mô hình tố tụng hình sự Việt Nam theo hướng tiếp thu các yếu tố hợp lý của mô hình tranh tụng và mô hình thẩm vấn.

– Đề tài luận văn thạc sĩ *Khởi tố vụ án hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* của tác giả Phan Văn Tuyên (Thành phố Hồ Chí Minh, 2009). Luận văn phân tích một số vấn đề lý luận về khởi tố: Khái niệm khởi tố vụ án; căn cứ, cơ sở khởi tố; chủ thể tiến hành tố tụng hình sự trong giai đoạn khởi tố; phạm vi chứng minh trong giai đoạn khởi tố; trình tự khởi tố. Đồng thời, tác giả cũng phân tích các quy định của BLTTHS 2003 về khởi tố hình sự, từ đó chỉ ra những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi trên cơ sở đối chiếu với thực trạng hoạt động khởi tố vụ án tại khu vực TPHCM. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp, kiến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động khởi tố trong tố tụng hình sự.

– Đề tài luận văn thạc sĩ *Những căn cứ và cơ sở khởi tố vụ án hình sự* của tác giả Phạm Văn Huân (Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, 2010). Tác giả đã phân tích những vấn đề lý luận về những cơ sở và căn cứ khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự theo quy định của BLTTHS năm 2003. Đồng thời thông qua việc phân tích, đánh giá thực trạng việc thực hiện chế định: những cơ sở và căn cứ khởi tố vụ án hình sự, xác định những nguyên nhân của kết

quả cũng như hạn chế, từ đó tác giả kiến nghị đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chế định khởi tố vụ án hình sự đảm bảo đúng pháp luật.

Bên cạnh đó, trong Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của các cơ sở đào tạo luật ở nước ta và các cuốn sách Bình luận khoa học BLTTHS của một số tác giả, khi đề cập đến quy định khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam chỉ nêu khái quát và ngắn gọn về cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hình thành quy định này, phạm vi áp dụng, chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố, việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại cũng như hậu quả pháp lý của việc rút yêu cầu khởi tố và một số vấn đề khác có liên quan.

Những tài liệu nghiên cứu về đề tài này chỉ có một số bài viết trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật như: *Bàn về việc khởi tố và không khởi tố vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS*, tác giả Mai Văn Minh, tạp chí Kiểm sát (Số 5/2005); *Những trường hợp không được khởi tố vụ án hình sự nhìn từ góc độ lý luận và thực tiễn*, tác giả Phạm Hồng Hải, tạp chí Kiểm sát (Số 2/2007); *Bàn về "tội phạm hoặc người phạm tội mới" và thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án*, tác giả Nguyễn Hiền Khanh, tạp chí Tòa án nhân dân (Số 9/2002); *Áp dụng BLTTHS năm 2003: Một số vấn đề vướng mắc trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can*, tác giả Lê Thị Huyền Trang, tạp chí Khoa học pháp lý (số 02/2009); *Căn cứ không khởi tố vụ án hình sự và một số quy định liên quan*, tác giả Phan Thị Thanh Mai, tạp chí Luật học (số 07/2010); *Hoàn thiện thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, tác giả Đỗ Ngọc Quang, tạp chí Kiểm sát (số 08/2012); *Thực tiễn và những khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố*, tác giả Trương Văn Chung, tạp chí Kiểm sát (số 10/2015); *Một số vấn đề lý luận về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại*, tác giả Trần Quang Tiệp, Tạp chí Kiểm sát (số 01/2006); *Người bị hại đã yêu cầu khởi tố trình bày lời buộc tội tại phiên tòa theo trình tự, thủ*

tục nào và Cần sửa đổi các quy định liên quan đến quyền khởi tố theo yêu cầu của người bị hại trong BLTTHS năm 2003, tác giả Hoàng Thị Liên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (số 8/2006) và Tạp chí Kiểm sát (số 2/2008); *Một số vướng mắc khi giải quyết vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại*, tác giả Lê Văn Cân, Tạp chí Kiểm sát (số 4/2008); *Vấn đề người bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án tại phiên tòa trong một số vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại*, tác giả Võ Hồng Sơn, Tạp chí Nghề Luật (số 2/2012); *Bàn về một số vấn đề về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại*, tác giả Phạm Thái, Tạp chí Khoa học pháp lý (số 5/2012)... Những bài viết này chủ yếu thảo luận về vai trò và tính chất của khởi tố vụ án hình sự, các căn cứ khởi tố vụ án hình sự, vấn đề khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại, phân tích một số khó khăn, vướng mắc, bất cập liên quan đến căn cứ và thủ tục khởi tố, trên cơ sở đó kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Nhìn chung, đề tài “Khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam” đã được một số nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu và những người làm công tác thực tiễn quan tâm. Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về những vấn đề lý luận liên quan đến khởi tố vụ án hình sự cũng như đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định về khởi tố vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, so sánh với pháp luật nước ngoài để đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề còn tồn tại mà Luận án sẽ giải quyết

Qua việc nghiên cứu tổng quan về các nghiên cứu liên quan đến đề tài Luận án, có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

- Thứ nhất, không có tác giả nước ngoài và có rất ít tác giả Việt Nam nghiên cứu toàn diện, hệ thống về vấn đề khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam;

- *Thứ hai*, việc nghiên cứu vấn đề khởi tố vụ án hình sự mới chỉ ở mức độ sơ lược, chủ yếu dưới hình thức bài báo khoa học hoặc Luận văn Thạc sĩ; còn ở cấp độ Tiến sĩ thì chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu và cụ thể về vấn đề này;

- *Thứ ba*, phần lớn nội dung các công trình nghiên cứu về đề tài khởi tố vụ án hình sự chỉ đề cập đến một số khía cạnh của vấn đề, chủ yếu phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật để làm rõ những bất cập của luật thực định và những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, từ đó đưa ra các đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật. Các công trình trên chưa lý giải được cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hình thành quy định khởi tố vụ án hình sự, chưa làm rõ bản chất pháp lý của quy định này và mối liên hệ với các quy định khác của tố tụng hình sự. Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật chưa đặt trong tổng thể mô hình tố tụng hình sự và mối liên hệ với các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự, chưa có sự nghiên cứu, so sánh với pháp luật thế giới để tham khảo, vận dụng vào điều kiện Việt Nam; do vậy chưa đưa ra các giải pháp, kiến nghị một cách đồng bộ và toàn diện.

Những hạn chế trên đã đồng thời mở ra hướng nghiên cứu mới về quy định khởi tố vụ án hình sự.

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích, đánh giá những công trình nghiên cứu đã công bố, cho thấy sự cần thiết phải có công trình chuyên khảo nghiên cứu về quy định khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu đó là:

- *Thứ nhất*, nghiên cứu, phân tích để làm rõ bản chất, nội hàm khái niệm khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam; làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành quy định khởi tố vụ án hình sự;

- *Thứ hai*, nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của quy định khởi tố vụ án hình sự trong lịch sử tố tụng hình sự. Các nội dung cụ thể của

quy định khởi tố vụ án hình sự trong BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015. So sánh với pháp luật tố tụng hình sự một số quốc gia trên thế giới, rút ra những kinh nghiệm có thể tham khảo, vận dụng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam. Đánh giá thực tiễn khởi tố vụ án hình sự để làm cơ sở cho các đề xuất sửa đổi, bổ sung pháp luật về khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam và nâng cao hiệu quả thực hiện.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Làm rõ khái niệm và đặc điểm của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự; Xác định mối quan hệ giữa giai đoạn khởi tố và các giai đoạn tố tụng khác; Trên cơ sở đó phân tích làm rõ bản chất pháp lý và ý nghĩa của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự.

- Làm rõ quá trình hình thành, phát triển và nội dung quy định khởi tố vụ án hình sự hiện nay ở Việt Nam; so sánh với quy định của pháp luật tố tụng hình sự của một số quốc gia trên thế giới.

- Đánh giá thực tiễn khởi tố vụ án hình sự ở Việt Nam trong thời gian qua; xác định những hạn chế còn tồn tại và phân tích nguyên nhân dẫn đến những hạn chế. Trên cơ sở đó, đưa ra các giải pháp, kiến nghị hoàn thiện quy định khởi tố vụ án hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trên thực tế.

3. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý thuyết

3.1.1. Câu hỏi nghiên cứu

Nhằm làm rõ mục tiêu nghiên cứu của đề tài, Luận án đặt ra các câu hỏi nghiên cứu như sau:

- Nội hàm khái niệm khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam? Khởi tố vụ án hình sự bao gồm những hoạt động gì?

- Quan hệ giữa hoạt động khởi tố vụ án hình sự với các hoạt động tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án hình sự?

- Bản chất pháp lý của khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam?

- Nội dung khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam?

- Quy định về khởi tố vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới và kinh nghiệm gì cho Việt Nam?

- Thực tiễn khởi tố vụ án hình sự ở nước ta như thế nào? Có những bất cập, hạn chế nào trong thực tiễn khởi tố vụ án hình sự?

- Việc hoàn thiện quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về khởi tố vụ án hình sự cần dựa trên những yêu cầu, điều kiện gì? Những giải pháp cụ thể nào cho việc hoàn thiện quy định pháp luật tố tụng nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước?

3.1.2. Lý thuyết nghiên cứu

Lý thuyết nghiên cứu (những vấn đề lý thuyết sẽ được đề cập và sử dụng trong đề tài Luận án) bao gồm:

- Học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh về nhà nước và pháp luật;

- Chủ trương, đường lối của Đảng về chính sách hình sự gắn liền với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ đổi mới, bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự;

- Những vấn đề lý luận về khởi tố vụ án hình sự tại Việt Nam và một số quốc gia khác trên thế giới.

3.1.3. Giả thuyết nghiên cứu

Hoạt động khởi tố vụ án hình sự vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế nên dẫn đến tình trạng làm oan người không có tội, bỏ lọt tội phạm. Điều đó là do quy định pháp luật tố tụng hình sự hiện hành vẫn còn nhiều bất cập, thiếu hợp lý, chưa thực sự xuất phát từ các chức năng tố tụng, từ yêu cầu bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án hình sự để khắc phục những bất cập, điều chỉnh các tình huống phát sinh trong thực tế là cần thiết nhằm hoàn thiện quy định khởi tố vụ án hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

3.1.4. Dự kiến kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu của đề tài dù ở mức độ dự kiến cũng sẽ gắn liền với các câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu đã được xác định. Luận án dự kiến đạt được những kết quả sau đây:

- Bổ sung, phát triển lý luận về khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam.
- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện các quy định về khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam.
- Đưa ra những giải pháp hoàn thiện quy định về khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam và nâng cao hiệu quả thực hiện trong thực tiễn.

3.1.5. Nội dung kết cấu Luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan về vấn đề nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục thì Luận án cấu trúc gồm 3 chương:

- Chương 1. Những vấn đề lý luận về khởi tố vụ án hình sự
- Chương 2. Quy định BLTTHS 2003 và BLTTHS 2015 về khởi tố vụ án hình sự

- Chương 3. Thực tiễn khởi tố vụ án hình sự và giải pháp nâng cao hiệu quả khởi tố vụ án hình sự

3.2. Phương pháp nghiên cứu và hướng tiếp cận

3.2.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để phân tích và làm rõ các vấn đề cần nghiên cứu.

Quá trình nghiên cứu đề tài được thực hiện trên cơ sở gắn liền lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Lý luận và phương pháp luận này đòi hỏi quá trình phân tích, đánh giá, so sánh pháp luật Việt Nam và pháp luật các nước, các kết luận đưa ra không thể mang tính chất khen hay chê mà chỉ là sự khác biệt hay tương đồng. Những sự khác biệt hay tương đồng này phải được đánh giá trong bối cảnh lịch sử cụ thể của từng giai đoạn hình thành, phát triển của hiện tượng pháp luật này.

Trong quá trình nghiên cứu, Luận án vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật, những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, về cải cách tư pháp, nhằm bảo đảm các kết quả nghiên cứu và các đề xuất kiến nghị phù hợp với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Các vấn đề trong Luận án được phân tích, lý giải trên cơ sở sử dụng tổng hợp các phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, khảo sát xã hội học, phỏng vấn chuyên gia, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng... nhằm giải quyết các mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án. Các phương pháp phân tích, so sánh tổng hợp được sử dụng khi phân tích các quy định của pháp luật hiện hành, so sánh với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn, từ đó tìm ra ưu điểm cũng như những hạn chế bất cập của chúng, làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật. Các số liệu giải quyết án hàng năm, điều tra xã hội học, thông tin về tình hình giải quyết

án từ báo cáo công tác, thông báo rút kinh nghiệm và phương tiện thông tin đại chúng sẽ được tổng hợp, phân tích, nghiên cứu, làm cơ sở cho đề xuất hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

3.2.2. Hướng tiếp cận của đề tài nghiên cứu

- Luận án kế thừa (có chọn lọc, phân tích, đánh giá) các kết quả nghiên cứu đã được công bố trước đó với mục đích bổ sung, hoàn thiện các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đối tượng nghiên cứu của luận án.

- Luận án tiếp cận nghiên cứu các quy định của luật thực định liên quan đến đề tài để làm rõ những vấn đề lý luận về khởi tố vụ án hình sự cũng như những thiếu sót, hạn chế, vướng mắc của quy định này trong quá trình nhận thức và áp dụng.

- Luận án tiếp cận thực tiễn thông qua việc nghiên cứu số liệu giải quyết án hàng năm, thông tin từ báo cáo công tác và thông báo rút kinh nghiệm trong giải quyết án của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh và Trung ương, thông tin về vụ án đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua khảo sát tại các địa phương và phỏng vấn những người tiến hành tố tụng hoặc trực tiếp nghiên cứu các hồ sơ vụ án.

- Các kết quả nghiên cứu của Luận án sẽ được thực hiện trên cơ sở gắn kết chặt chẽ pháp luật thực định với các lý thuyết khoa học, gắn kết chặt chẽ lý luận và thực tiễn cuộc sống nói chung, thực tiễn áp dụng pháp luật nói riêng. Cách tiếp cận này cho phép đánh giá tính phù hợp, tính tương thích của các quy định pháp luật với lý luận và thực tiễn. Kết cấu các chương mục của Luận án phản ánh hướng tiếp cận này.

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khởi tố vụ án hình sự - giai đoạn độc lập của Tố tụng hình sự

1.1.1. Khái niệm giai đoạn tố tụng hình sự

Nhiệm vụ của tố tụng hình sự là bằng những trình tự và thủ tục luật định phát hiện nhanh chóng, chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội. Đó là nhiệm vụ trọng tâm cũng đồng thời là mục đích của tố tụng hình sự.

Tuy nhiên, hoạt động tố tụng hình sự là hoạt động phức tạp, gắn liền với việc phát hiện, xử lý tội phạm và người phạm tội. Hoạt động đó liên quan trực tiếp đến các quyền, lợi ích hợp pháp của con người. Vì vậy, nhiệm vụ trọng tâm, mục đích của tố tụng hình sự không thể đạt được bằng mọi giá; hoạt động tố tụng hình sự phải được giới hạn trong những phạm vi nhất định. Mục đích tố tụng được thực hiện phải trên cơ sở không chỉ không bỏ lọt tội phạm, mà quan trọng hơn là không làm oan người không có tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy, không ngẫu nhiên mà BLTTHS quy định mục đích, nhiệm vụ của tố tụng hình sự là phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm; phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người không có tội; bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tố tụng, đạt được mục đích tố tụng nêu trên, BLTTHS quy định trình tự, thủ tục toàn bộ quá trình tố tụng qua từng giai đoạn gắn liền với hoạt động phong phú của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng và hoạt động của người tham gia tố tụng khác. Trình tự, thủ tục đó tạo ra khả năng tối ưu cho việc thực hiện mục đích tố tụng đối với việc xử lý vụ án nói chung và mục đích, nhiệm vụ trực tiếp của từng giai đoạn tố tụng nói riêng.

Nghiên cứu BLTTHS nước ta cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, chúng tôi thấy rằng dù cơ cấu của Bộ luật có khác nhau, các phân chia các giai đoạn tố tụng có khác nhau, nhưng có những điểm giống nhau nhất định. Theo pháp luật tố tụng của các quốc gia thì giai đoạn tố tụng được quy định như là một phần độc lập tương đối của tố tụng hình sự, có những đặc điểm sau:

– Thứ nhất, mỗi giai đoạn tố tụng có những nhiệm vụ tố tụng nhất định. Nhiệm vụ chung cơ bản của toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự là phát hiện, xử lý kịp thời, đúng đắn, khách quan, công minh tội phạm. Tuy nhiên, để hoàn thành được nhiệm vụ chung đó, quá trình tố tụng được thực hiện qua các giai đoạn khác nhau; mỗi giai đoạn có nhiệm vụ cụ thể riêng của mình: nhiệm vụ giai đoạn khởi tố vụ án là xác định dấu hiệu tội phạm để ra quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án; nhiệm vụ giai đoạn điều tra là xác định các tình tiết của tội phạm và người phạm tội để ra quyết định khởi tố bị can, kết thúc điều tra đề nghị truy tố hoặc đình chỉ điều tra...

Mỗi giai đoạn tố tụng là một phần độc lập tương đối, nhìn chung được giới hạn bằng thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc. Tuy nhiên, các giai đoạn tố tụng không chỉ nối tiếp nhau một cách đơn thuần, mà có mối liên kết tố tụng qua lại, tạo điều kiện và kiểm tra lẫn nhau một cách hệ thống. Giai đoạn trước là điều kiện làm phát sinh giai đoạn sau; giai đoạn tố tụng tiếp theo chỉ được thực hiện khi nhiệm vụ giai đoạn trước đã được hoàn thành và giai đoạn sau kiểm tra tính đúng đắn, khách quan kết quả tố tụng của giai đoạn tố tụng trước.

– Thứ hai, mỗi giai đoạn có những cơ quan, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng xác định. Khối lượng, phạm vi, quyền và nghĩa vụ tố tụng của các chủ thể quan hệ tố tụng cũng khác nhau trong mỗi giai đoạn.

Trong giai đoạn điều tra vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng chính là cơ quan điều tra, cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra; còn Viện kiểm sát là cơ quan thực hiện việc kiểm sát điều tra. Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm

sát là cơ quan tiến hành tố tụng chính. Trong giai đoạn xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng chính là Tòa án; Viện kiểm sát thực hiện việc kiểm sát xét xử và thực hành quyền công tố tại phiên tòa v.v...

Những người tham gia tố tụng cũng có sự khác nhau trong từng giai đoạn tố tụng: trong giai đoạn khởi tố vụ án có thể chưa có hoặc có người bị nghi thực hiện tội phạm; trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, đặc biệt là giám đốc thẩm, tái thẩm người tham gia tố tụng lại càng hẹp hơn. Ngay đối với cùng một người tham gia tố tụng thì trong các giai đoạn tố tụng khác nhau, địa vị tố tụng cũng khác nhau tùy theo nhiệm vụ, bản chất của mỗi giai đoạn. Ví dụ, người bị tạm giữ có địa vị pháp lý khác với bị can trong giai đoạn điều tra; bị can trong giai đoạn điều tra, truy tố có quyền và nghĩa vụ tố tụng khác với quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị cáo trong giai đoạn xét xử v.v...

Khi nghiên cứu đặc điểm này của giai đoạn tố tụng, chúng tôi thấy một vấn đề cần xem xét là khái niệm bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự. Theo quy định của khoản 1 Điều 50 BLTTHS thì bị cáo là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Như vậy, trong giai đoạn xét xử người bị truy cứu trách nhiệm hình sự vừa là bị can (trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử), vừa là bị cáo. Điều này không thật phù hợp với đặc điểm về chủ thể tố tụng trong giai đoạn tố tụng. Theo chúng tôi, phải chăng nên coi là bị cáo "*là người đã có quyết định truy tố bằng bản cáo trạng*". Điều này không làm thay đổi địa vị pháp lý của người bị truy tố nhưng phù hợp hơn với lý thuyết về giai đoạn tố tụng hình sự.

– Thứ ba, mỗi giai đoạn có một trình tự, thủ tục các hành vi tố tụng riêng. Trình tự, thủ tục đó do bản chất pháp lý, nội dung các nhiệm vụ cần giải quyết và những đòi hỏi cụ thể của các nguyên tắc tố tụng chung được thể hiện trong giai đoạn đó quyết định. Ví dụ, nhiệm vụ trong khởi tố vụ án chỉ là xác định dấu hiệu nào đó của tội phạm; trong khi đó nhiệm vụ của giai đoạn điều tra là xác định đầy đủ, chính xác các dấu hiệu của tội phạm và người phạm tội, cho

nên thủ tục xác minh tin báo về tội phạm trong giai đoạn khởi tố vụ án khác với thủ tục các hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra; tuy cùng là xét xử, nhưng do bản chất pháp lý khác nhau, cho nên thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật (giám đốc thẩm, tái thẩm) khác với thủ tục xét xử phúc thẩm, và lại càng khác thủ tục xét xử sơ thẩm.

– Thứ tư, mỗi giai đoạn được kết thúc bằng văn bản tố tụng khác nhau. Giai đoạn khởi tố vụ án được kết thúc bằng quyết định khởi tố vụ án; giai đoạn điều tra vụ án được kết thúc bằng văn bản kết luận điều tra đề nghị truy tố; giai đoạn truy tố được kết thúc bằng bản cáo trạng; các giai đoạn xét xử kết thúc bằng bản án, quyết định...

Tuy nhiên, các quyết định tố tụng trên thể hiện kết quả hoạt động tố tụng của cả quá trình tố tụng hoàn chỉnh. Nếu vụ án được chấm dứt giữa chừng vì những lí do luật định thì mỗi giai đoạn có thể được kết thúc bằng một quyết định tố tụng khác: Ở giai đoạn khởi tố vụ án có thể là quyết định không khởi tố vụ án; ở giai đoạn quyết định truy tố có thể là quyết định đình chỉ vụ án của Viện kiểm sát; ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm có thể là quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Thẩm phán v.v...

Nội dung cũng như hình thức các văn bản tố tụng trên có sự khác nhau tùy theo bản chất, nhiệm vụ tố tụng của từng giai đoạn cũng như kết quả hoạt động tố tụng đạt được trong từng giai đoạn tố tụng.

– Thứ năm, mỗi giai đoạn tố tụng, các quan hệ tố tụng có những đặc điểm riêng của mình tùy theo chức năng tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, địa vị tố tụng của người tiến hành tố tụng cũng như người tham gia tố tụng. Ví dụ: Mặc dù Viện kiểm sát có chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp, trong đó có hoạt động điều tra và hoạt động xét xử, nhưng mỗi quan hệ của Viện kiểm sát với cơ quan điều tra (chủ thể tiến hành tố tụng chính) trong giai đoạn điều tra khác với quan hệ với Tòa án (chủ thể tiến hành tố tụng chính) trong giai đoạn xét xử. Nếu như trong giai đoạn điều tra vụ án, Viện kiểm sát là cơ

quan chỉ đạo điều tra, có quyền tự mình ra một số quyết định và giao cho cơ quan điều tra thực hiện hoạt động điều tra, có quyền hủy bỏ một số quyết định của cơ quan điều tra, giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Thủ trưởng Cơ quan điều tra...; thì trong giai đoạn xét xử vai trò của Viện kiểm sát trong mối quan hệ với Tòa án hạn chế hơn nhiều, bó gọn trong quyền kiến nghị, yêu cầu đối với hoạt động tố tụng, kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án.

Từ những phân tích trên, có thể định nghĩa: *Giai đoạn tố tụng hình sự là các phần độc lập, liên quan, kế tiếp nhau liên tục, giai đoạn trước là điều kiện, là cơ sở pháp lý làm phát sinh giai đoạn sau, giai đoạn sau thay thế và kiểm tra kết quả của giai đoạn trước, tạo thành một quá trình tố tụng hoàn chỉnh, liên tục; có nhiệm vụ tố tụng cụ thể; có cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tương ứng; có trình tự, thủ tục thực hiện các hành vi tố tụng riêng; các quan hệ tố tụng riêng và những quyết định tố tụng riêng đảm bảo giải quyết vụ án hình sự một cách đúng đắn, khách quan, toàn diện và kịp thời.*

1.1.2. Khái niệm giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

Hiện nay, trong khoa học luật tố tụng hình sự, thuật ngữ “*khởi tố vụ án hình sự*” có thể được hiểu ở nhiều góc độ khác nhau. Trước hết, khởi tố vụ án hình sự được hiểu dưới góc độ là một chế định của luật tố tụng hình sự, bao gồm tập hợp những quy định về trình tự và thủ tục khởi tố vụ án hình sự. Bên cạnh đó, khởi tố vụ án hình sự cũng có thể được hiểu là một quyết định tố tụng mở đầu cho một vụ án hình sự, đó là quyết định khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, thông thường thì thuật ngữ “*khởi tố vụ án hình sự*” được hiểu dưới góc độ là một giai đoạn độc lập của quá trình tố tụng hình sự. Trong những năm qua, định nghĩa về “*khởi tố vụ án hình sự*” đã được nhiều chuyên gia pháp lý hình sự đề cập đến trong các từ điển luật học, các giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam, các công trình nghiên cứu và bài báo khoa học, cụ thể như sau:

– Theo Từ điển Luật học của Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp) thì: *“Khởi tố vụ án hình sự là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng xác định có sự việc phạm tội để tiến hành điều tra phát hiện tội phạm”*¹. Theo quan điểm của tác giả thì định nghĩa này chưa chính xác vì bên cạnh các cơ quan tiến hành tố tụng thì hoạt động khởi tố vụ án hình sự còn được thực hiện bởi một số các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như: Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển... Các cơ quan này sẽ có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự nếu sự việc có dấu hiệu tội phạm xảy ra thuộc trường hợp được quy định tại Điều 111 BLTTHS hiện hành.

– Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội đưa ra định nghĩa như sau: *“Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu của trình tự tố tụng, trong đó cơ quan có thẩm quyền xác định sự việc xảy ra có dấu hiệu của tội phạm hay không để quyết định khởi tố hay quyết định không khởi tố vụ án hình sự”*². Như vậy, theo quan điểm này thì khởi tố vụ án hình sự được xem là giai đoạn đầu tiên, mở đầu cho quá trình tố tụng hình sự. Trong giai đoạn này, nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền là xem xét, xác định một sự việc xảy ra trên thực tế có dấu hiệu của tội phạm hay không để từ đó tiến hành ra một trong hai loại quyết định: khởi tố vụ án hình sự nếu có dấu hiệu của tội phạm hoặc không khởi tố vụ án hình sự nếu không có dấu hiệu của tội phạm.

– Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra định nghĩa khởi tố vụ án hình sự một cách cụ thể hơn: *“Khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn độc lập của quá trình chứng minh vụ án hình sự, trong đó cơ quan có thẩm quyền xác định có hay không dấu hiệu tội phạm để quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án.*

¹ Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.429.

² Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.233;

*Giai đoạn khởi tố bắt đầu từ việc tiếp nhận thông tin về tội phạm hoặc phát hiện dấu hiệu tội phạm và kết thúc bằng một quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự*³. Dựa vào định nghĩa này, có thể hiểu khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng độc lập bắt đầu từ khi cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông tin về tội phạm hoặc phát hiện dấu hiệu tội phạm và kết thúc bằng việc cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố hoặc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Việc ra một trong hai loại quyết định này tùy thuộc vào việc cơ quan có thẩm quyền xác định một sự việc xảy ra trên thực tế có dấu hiệu của tội phạm hay không. Tuy nhiên, khái niệm này cho rằng khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn trong quá trình chứng minh là thiếu chính xác.

– Định nghĩa về khởi tố vụ án hình sự cũng được GS.TSKH Lê Cẩm đưa ra, theo đó: *“Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn tố tụng hình sự đầu tiên mà trong đó cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự tiến hành việc xác định có (hay không) các dấu hiệu của tội phạm trong hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện, đồng thời ban hành quyết định về việc khởi tố (hoặc không khởi tố) vụ án hình sự liên quan đến hành vi đó”*⁴. Trong định nghĩa này, ngoài các yếu tố thuộc về nội hàm của khởi tố vụ án hình sự đã được nêu như trên, GS.TSKH Lê Cẩm còn bổ sung một yếu tố rất quan trọng, đó là các cơ quan tư pháp hình sự phải *“căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự”* khi tiến hành việc xác định có hay không các dấu hiệu của tội phạm. Yếu tố này rất quan trọng, vì hoạt động xác minh không tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng hình sự sẽ không có giá trị chứng minh và không được sử dụng làm chứng cứ. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả thì bên cạnh việc *“căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự”* thì trong khởi tố vụ án hình sự, cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền cần phải căn cứ các quy định của luật nội dung là pháp

³ Trường Đại học Luật TPHCM (2015), Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Hồng Đức, TPHCM, tr.330.

⁴ Lê Cẩm (2004), “Một số vấn đề lý luận chung về các giai đoạn tố tụng hình sự”, Tạp chí Kiểm sát (02), tr.21.

luật hình sự để xác định chính xác hành vi được thực hiện có dấu hiệu của tội phạm hay không. Đồng thời, việc xác định có hay không có các dấu hiệu của tội phạm trong hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện để quyết định về việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự không chỉ thuộc thẩm quyền của các cơ quan tư pháp hình sự mà còn thuộc thẩm quyền của một số cơ quan khác như: Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển... trong một số trường hợp luật định. Ngoài ra, quan điểm cho rằng khởi tố vụ án hình sự do các cơ quan tư pháp hình sự thực hiện là không chính xác theo tinh thần xây dựng Nhà nước pháp quyền của Hiến pháp 2013.

– GS.TS Võ Khánh Vinh đưa ra định nghĩa về Quyết định khởi tố vụ án hình sự, trong đó có bao hàm nội dung của định nghĩa khởi tố vụ án hình sự: *“Quyết định khởi tố vụ án hình sự là hành vi tố tụng hình sự của một pháp nhân (chủ thể tiến hành tố tụng) có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự biểu hiện bằng một văn bản tố tụng hình sự xác định một sự kiện pháp lý xảy ra trong thực tế có dấu hiệu của tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS nhằm khởi phát những quan hệ tố tụng, mở đầu cho việc thực hiện những hành vi tố tụng cần thiết để làm rõ sự thật khách quan về sự kiện đó. Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được bắt đầu từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được tin báo về tội phạm, kết thúc khi cơ quan có thẩm quyền ra được một trong hai quyết định là quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định không khởi tố vụ án hình sự”*⁵. Theo quan điểm của GS.TS Võ Khánh Vinh thì giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được bắt đầu từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được tin báo về tội phạm và kết thúc khi cơ quan có thẩm quyền ra được một trong hai quyết định là quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Quyết định khởi tố vụ án hình sự được đưa ra khi cơ quan có thẩm quyền xác định một sự kiện pháp lý xảy ra trong thực tế có dấu hiệu của một tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS. Đồng thời, việc khởi tố vụ án hình sự sẽ làm khởi

⁵ Võ Khánh Vinh (2004), Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.268, 269.

phát những quan hệ tố tụng, mở đầu cho việc thực hiện những hành vi tố tụng cần thiết để làm rõ sự thật khách quan về sự kiện pháp lý đó.

Như vậy, tuy một số nội dung trong các định nghĩa nêu trên về khởi tố vụ án hình sự vẫn chưa được thống nhất nhưng những định nghĩa này đều có chung nội hàm như sau:

– *Thứ nhất*, khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn tố tụng hình sự đầu tiên, mở đầu cho quá trình tố tụng hình sự.

– *Thứ hai*, trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, các cơ quan có thẩm quyền phải xác định có sự việc phạm tội xảy ra hay không; sự việc đó có dấu hiệu tội phạm hay không?

– *Thứ ba*, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự sau khi xác định hành vi có dấu hiệu của tội phạm hoặc không khởi tố vụ án hình sự sau khi xác định hành vi không có dấu hiệu của tội phạm.

Theo quan điểm của tác giả, bên cạnh những nội dung đã được thống nhất như trên, định nghĩa về khởi tố vụ án hình sự còn phải bao hàm thêm những nội dung sau:

Một là, nêu lên những căn cứ mà các cơ quan có thẩm quyền phải dựa vào để tiến hành việc xác định có hay không các dấu hiệu của tội phạm trong hành vi đã được thực hiện, cụ thể là phải căn cứ vào “*các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự*”.

Hai là, xác định thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Tác giả đồng tình với quan điểm của GS.TS Võ Khánh Vinh và quan điểm được đưa ra trong Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó: “*Giai đoạn khởi tố bắt đầu từ việc tiếp nhận thông tin về tội phạm hoặc phát hiện tội phạm và kết thúc bằng một quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự*”.

Từ những luận điểm như trên, tác giả đưa ra khái niệm như sau: *Khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng hình sự đầu tiên, trong đó cơ quan hoặc người có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự xác định có hay không dấu hiệu tội phạm để quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án. Giai đoạn khởi tố bắt đầu từ khi tiếp nhận thông tin về tội phạm hoặc phát hiện tội phạm và kết thúc khi quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự được ban hành.*

1.1.3. Đặc điểm, ý nghĩa của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

1.1.3.1. Đặc điểm của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

Với tính chất là một giai đoạn tố tụng độc lập, khởi tố vụ án hình sự có những đặc điểm riêng biệt như sau:

Thứ nhất, nhiệm vụ đặc trưng của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là việc các cơ quan có thẩm quyền sẽ xác định một sự việc xảy ra trong thực tế có hay không có dấu hiệu tội phạm để quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự, đảm bảo phát hiện kịp thời, nhanh chóng tội phạm và người phạm tội, xác định sự thật khách quan của vụ án, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội và tránh làm oan người vô tội. Quyết định khởi tố vụ án hình sự là cơ sở pháp lý đầu tiên để các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện những hoạt động tố tụng trong các giai đoạn tố tụng hình sự kế tiếp là điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Giữa các giai đoạn này có mối quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau mà trong đó, giai đoạn tố tụng trước là tiền đề cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ của giai đoạn tố tụng sau còn giai đoạn tố tụng sau sẽ kiểm nghiệm kết quả của giai đoạn tố tụng trước đó.

Thứ hai, chủ thể thực hiện các hoạt động tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự rất đa dạng. Trước hết, theo quy định của BLTTHS hiện hành, các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự bao gồm các cơ quan tiến

hành tố tụng, cụ thể là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Bên cạnh đó, theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, một số cơ quan khác như: Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư, cơ quan khác trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong một số trường hợp luật định.

Để xác định hành vi xảy ra trên thực tế có dấu hiệu tội phạm hay không, các cơ quan này cần căn cứ vào các dấu hiệu pháp lý của tội phạm được quy định trong BLHS. Đồng thời, các cơ quan này cần phải nghiêm chỉnh thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và tuân thủ các thủ tục tố tụng được quy định trong BLTTHS.

Thứ ba, căn cứ khởi tố vụ án hình sự là sự việc được tố giác, thông báo hoặc phát hiện có dấu hiệu của tội phạm. Để khởi tố vụ án hình sự, pháp luật tố tụng hình sự chỉ yêu cầu "*có dấu hiệu của tội phạm*", mà không cần "*có đủ dấu hiệu của tội phạm*". Bởi vì, quyết định khởi tố vụ án chưa có nghĩa là buộc tội bất kỳ một ai, mà chỉ là mở đầu một vụ án để Cơ quan điều tra có căn cứ tiến hành các hoạt động điều tra cụ thể được pháp luật tố tụng hình sự quy định nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án.

Thứ tư, thời hạn tố tụng dành cho giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được luật tố tụng hình sự quy định chặt chẽ để hạn chế việc kéo dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người chịu tác động của hành vi phạm tội, đặc biệt là người bị hại, cũng như sớm lập lại trật tự kỷ cương pháp luật. Thông thường, thời gian dành cho giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là hai mươi ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận được tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Tuy nhiên, trong trường hợp sự việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết có thể dài hơn, nhưng không quá hai tháng. Kết thúc thời gian này, cơ quan có thẩm quyền

phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu xác định có dấu hiệu tội phạm hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự nếu không có dấu hiệu tội phạm. Giai đoạn khởi tố kết thúc có thể là sự khởi đầu của các giai đoạn tố tụng tiếp theo hoặc cũng có thể là sự chấm dứt quá trình tố tụng hình sự.

Thứ năm, hoạt động tố tụng đặc trưng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Các hoạt động này nhằm xác định tiền đề pháp luật về nội dung của việc điều tra vụ án hình sự, tức xác định dấu hiệu tội phạm. Sau khi tiếp nhận thông tin về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn tin, tùy từng sự việc mà đề ra biện pháp kiểm tra, xác minh phù hợp. Qua kiểm tra, xác minh thông tin về tội phạm, xác định có dấu hiệu của tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự phải ra quyết định khởi tố; nếu không có dấu hiệu tội phạm thì ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Thứ sáu, các quyết định tố tụng kết thúc giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Quyết định khởi tố vụ án hình sự được các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự đưa ra khi xác định sự việc có dấu hiệu của tội phạm. Quyết định khởi tố vụ án hình sự là văn bản pháp lý kết thúc giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, mở ra giai đoạn tố tụng tiếp theo là giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Quyết định này là văn bản pháp lý làm cơ sở để tiến hành một cách hợp pháp các hoạt động tiếp theo nhằm làm rõ vụ án hình sự và là cơ sở pháp lý trực tiếp của các quan hệ pháp luật tố tụng hình sự phát sinh liên quan đến việc giải quyết vụ án. Với giá trị pháp lý và các quy định chặt chẽ trong việc ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự nên giai đoạn khởi tố kết thúc bằng việc ra quyết định khởi tố vụ án hình sự đã xác định tiền đề pháp luật về hình thức của việc điều tra vụ án hình sự.

Quyết định không khởi tố vụ án hình sự được các cơ quan có thẩm quyền đưa ra khi xác định sự việc không có đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự hoặc khi xác định được một trong những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự, gồm: Không có sự việc phạm tội; Hành vi không cấu thành tội phạm; Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; Tội phạm đã được đại xá; Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác. Trong trường hợp vụ án đã bị khởi tố thì cơ quan có thẩm quyền phải ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác hoặc báo tin về tội phạm biết rõ lý do.

1.1.3.2. Ý nghĩa của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

Khởi tố vụ án hình sự với tính chất là giai đoạn tố tụng hình sự đầu tiên có ý nghĩa rất quan trọng về mặt pháp lý và về mặt chính trị - xã hội đối với quá trình tố tụng hình sự, cụ thể như sau:

Về mặt pháp lý: Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu của quá trình tố tụng, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động tố tụng trong các giai đoạn tiếp theo để giải quyết vụ án hình sự trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền xác định sự việc xảy ra trên thực tế có dấu hiệu tội phạm. Mọi hoạt động tố tụng hình sự (trừ một số trường hợp đặc biệt) chỉ có thể được tiến hành khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự. Đồng thời, việc khởi tố vụ án hình sự sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các cơ quan có thẩm quyền như: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án... khi thực hiện các hành vi tố tụng để phát hiện nhanh chóng, chính xác và xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội. Khởi tố vụ án hình sự góp phần vào thực hiện mục tiêu chung của quá trình tố tụng, tạo điều kiện thuận lợi cho các giai đoạn tố tụng tiếp theo và đảm bảo cho toàn bộ quá trình tố tụng tiến hành đúng hướng.

Bên cạnh đó, thời điểm bắt đầu sử dụng các quy định của BLTTHS để xử lý tội phạm và người phạm tội được xác định là khi các cơ quan có thẩm quyền quyết định khởi tố vụ án hình sự. Kể từ thời điểm này, quan hệ pháp luật tố tụng hình sự giữa Nhà nước và người thực hiện tội phạm sẽ phát sinh.

Về mặt chính trị - xã hội: Khởi tố vụ án hình sự là một trong những biện pháp quan trọng nhằm phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ lợi ích của nhà nước, xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Việc khởi tố vụ án hình sự một cách kịp thời, có căn cứ và đúng pháp luật là một trong những bảo đảm để mọi hành vi phạm tội đều bị phát hiện nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra tội phạm. Ngược lại, khởi tố vụ án hình sự một cách thiếu căn cứ, không kịp thời, không đúng pháp luật có thể dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng: một mặt tội phạm không bị phát hiện, người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, các hoạt động tố tụng không được tiến hành đúng hướng, mặt khác, có thể dẫn đến việc bắt tạm giữ, tạm giam người trái pháp luật, khám xét người, đồ vật, chỗ ở một cách vô căn cứ, thậm chí dẫn đến xét xử oan người vô tội. Nói cách khác là khởi tố vụ án hình sự liên quan chặt chẽ với việc bảo đảm pháp chế, bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của công dân được pháp luật bảo hộ.

Công tác khởi tố vụ án hình sự nếu được các cơ quan có thẩm quyền thực hiện tốt sẽ góp phần quan trọng trong việc xác định sự thật của vụ án hình sự và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Việc khởi tố đúng pháp luật sẽ bảo đảm thực hiện nguyên tắc công bằng, nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội. Người thực hiện hành vi phạm tội nếu có lỗi thì phải bị trừng phạt của pháp luật bất kể thành phần, địa vị xã hội của họ. Việc khởi tố vụ án hình sự được thực hiện kịp thời, nhanh chóng và chính xác sẽ tạo sự tin tưởng của nhân dân vào sự nghiêm minh của pháp luật.

Việc khởi tố vụ án hình sự có căn cứ và kịp thời sẽ góp phần bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi công dân, bảo đảm thực hiện công bằng xã hội. Đồng thời, việc khởi tố vụ án hình sự nhanh chóng, kịp thời và chính xác có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giáo dục công dân ý thức nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, răn đe những người có ý định thực hiện hành vi phạm tội. Bên cạnh đó, việc khởi tố kịp thời các vụ án hình sự còn góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm "ẩn", khi tình trạng tội phạm "ẩn" vẫn là vấn đề ngày càng được xã hội và những nhà lập pháp quan tâm trong bối cảnh tình hình đất nước đang trong tiến trình quá độ nên chủ nghĩa xã hội, chính vì vậy việc khởi tố kịp thời các vụ án hình sự sẽ góp phần làm giảm tội phạm ẩn đang diễn ra trên đất nước ta.

1.2. Mối quan hệ giữa giai đoạn khởi tố vụ án hình sự với các giai đoạn tố tụng khác

Việc giải quyết vụ án hình sự trải qua một quá trình và theo một trình tự nhất định. Quá trình giải quyết vụ án hình sự bao gồm các giai đoạn tố tụng khác nhau (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử) do các chủ thể khác nhau thực hiện tại các thời điểm khác nhau. Các giai đoạn tố tụng đều mang tính độc lập với các giai đoạn khác, nhưng tính độc lập của các giai đoạn này trong quá trình tố tụng chỉ mang tính tương đối. Giữa các giai đoạn này có mối quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau mà trong đó, giai đoạn tố tụng trước là tiền đề cần cho việc thực hiện nhiệm vụ của giai đoạn tố tụng sau còn giai đoạn tố tụng sau sẽ kiểm nghiệm kết quả của giai đoạn tố tụng trước đó. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự thì khởi tố vụ án hình sự cũng có mối quan hệ qua lại với các hoạt động tố tụng tiếp theo là điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự.

1.2.1. Mối quan hệ giữa giai đoạn khởi tố vụ án hình sự và giai đoạn điều tra vụ án hình sự

“Điều tra là giai đoạn tố tụng hình sự, trong đó cơ quan có thẩm quyền áp dụng mọi biện pháp do BLTTHS quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án”⁶.

Khởi tố vụ án hình sự là cơ sở tiền đề để thực hiện các hoạt động điều tra. Đây là giai đoạn tố tụng hình sự cơ bản và quan trọng, phải có quyết định khởi tố vụ án trước, rồi mới được tiến hành các hoạt động điều tra, trừ một số trường hợp đặc biệt. *“Hoạt động điều tra có đạt kết quả khách quan, toàn diện, đầy đủ hay không, các quyền lợi cơ bản của công dân có được tôn trọng hay không, phụ thuộc rất nhiều vào việc thực hiện đúng đắn và nghiêm chỉnh những quy định của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự”⁷.* Tuy nhiên, khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền khởi tố chỉ dựa trên cơ sở các nguồn tin ban đầu về tội phạm như: tin báo, tin tố giác tội phạm... được gửi tới nên mới có điều kiện xác định có dấu hiệu của tội phạm. Trong khi đó, vấn đề diễn biến cụ thể của tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội, các yếu tố cấu thành tội phạm vẫn chưa được hoạt động khởi tố vụ án hình sự làm rõ. Những vấn đề cần xác định rõ ràng, cụ thể, chính xác trong vụ án hình sự là tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội thuộc về nhiệm vụ của hoạt động điều tra. Trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra phải thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định chính xác có hay không có sự việc phạm tội, thuộc điều khoản nào của BLHS cũng như xác định tất cả các tội phạm xảy ra để không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Hoạt động điều tra được thực hiện sẽ giúp kiểm tra tính chính xác của hoạt động khởi tố vụ án hình sự trước đó, đồng thời sẽ khắc phục những sai sót nếu có xảy ra trong hoạt động khởi tố vụ án. Đồng thời, hoạt động điều tra cũng góp phần ngăn chặn kịp thời việc thông qua quyết định khởi tố một cách không thận trọng, thiếu chính xác và do vậy, có thể sẽ kéo một loạt hậu quả

⁶ Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.265;

⁷ Mạc Giáng Châu, Nguyễn Chí Hiếu, Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam, Khoa Luật - Trường Đại học Cần Thơ, 2010, tr. 192.

tiêu cực tiếp theo xảy ra trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự ở các giai đoạn tố tụng hình sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 106 BLTTHS năm 2003 thì: *“Khi có căn cứ xác định tội phạm đã khởi tố không đúng với hành vi phạm tội xảy ra hoặc còn có tội phạm khác thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự”*. Bởi lẽ, không phải tất cả quyết định khởi tố vụ án hình sự đều đảm bảo tính chính xác, nên trong quá trình điều tra, cơ quan tiến hành tố tụng có thể thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện tình tiết mới.

1.2.2. Mối quan hệ giữa giai đoạn khởi tố vụ án hình sự và giai đoạn truy tố

“Truy tố là giai đoạn của tố tụng hình sự, trong đó Viện kiểm sát tiến hành các hoạt động cần thiết nhằm truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng hoặc ra những quyết định tố tụng khác để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự”⁸.

Việc khởi tố vụ án hình sự đồng nghĩa với việc cơ quan có thẩm quyền xác định sự việc xảy ra đã có dấu hiệu tội phạm cũng như xác định tội phạm xảy ra tương ứng với điều luật nào trong BLHS, đây là điều kiện cần để Viện kiểm sát xem xét có quyết định truy tố hay không. Cũng giống như hoạt động điều tra, hoạt động truy tố của Viện kiểm sát chỉ có thể được thực hiện khi vụ án đã có quyết định khởi tố. Đồng thời, hoạt động điều tra được thực hiện để xác định cụ thể người phạm tội và mức độ tội phạm như thế nào để áp dụng chính xác điều luật trong quá trình truy tố, đó là điều kiện đủ của hoạt động truy tố.

Truy tố là chức năng quan trọng của Viện kiểm sát nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của toàn bộ các hành vi tố tụng mà cơ quan có thẩm quyền đã áp dụng; để loại trừ những hậu quả tiêu cực của các sai lầm hoặc sự lạm dụng đã bị bỏ lọt trong

⁸ Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.327;

giai đoạn tố tụng hình sự trước đó. Theo quy định của BLTTHS, với tính chất là cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật, từ giai đoạn khởi tố vụ án hình sự đã có sự tham gia của Viện kiểm sát để thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động khởi tố, đảm bảo mọi tội phạm được phát hiện phải bị khởi tố, việc khởi tố đúng người, đúng tội, có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, ở giai đoạn truy tố, do đã tham gia ở giai đoạn khởi tố nên Viện kiểm sát chỉ xem xét các tình tiết vụ án để áp dụng điều luật sao cho phù hợp với tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, giữa 3 giai đoạn tố tụng này có quan hệ mật thiết với nhau, giai đoạn tố tụng này có vai trò làm cơ sở cho giai đoạn kia và ngược lại, giai đoạn tố tụng kia có vai trò giám sát và hỗ trợ cho giai đoạn tố tụng này.

1.2.3. Mối quan hệ giữa giai đoạn khởi tố vụ án hình sự và giai đoạn xét xử vụ án hình sự

“Xét xử vụ án hình sự là giai đoạn của tố tụng hình sự, trong đó Tòa án có thẩm quyền tiến hành xem xét, giải quyết vụ án, ra bản án, quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật”⁹.

Quá trình giải quyết vụ án hình sự trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, trong đó, giai đoạn xét xử vụ án hình sự đóng vai trò rất quan trọng. Tại phiên tòa hình sự, trên cơ sở kiểm tra, xem xét công khai các chứng cứ đã thu thập được, Tòa án có thẩm quyền sẽ ra bản án xác định bị cáo có tội hay không có tội; nếu có thì là tội gì, quy định tại điều khoản nào trong BLHS để quyết định chế tài hình sự đối với bị cáo. Xét xử được xem là chức năng quan trọng nhất của Tòa án nói riêng và của toàn bộ quá trình tố tụng hình sự nói chung nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định khởi tố vụ án hình sự mà cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện, nhằm loại trừ các những hậu quả tiêu cực của các sơ xuất, sai lầm

⁹ Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.345;

hoặc sự lạm dụng đã bị bỏ lọt trong giai đoạn tố tụng hình sự trước đó. Có thể nói, hoạt động xét xử vụ án hình sự sẽ phản ánh kết quả của hoạt động khởi tố, xác định việc khởi tố có đúng người, đúng tội hay không và có xảy ra tình trạng bỏ lọt tội phạm hay không.

Ở giai đoạn xét xử, Hội đồng xét xử làm việc độc lập, chỉ căn cứ vào hồ sơ vụ án và quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa để đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự và ra phán quyết. Việc khởi tố vụ án là rất cần thiết đối với giai đoạn xét xử, do vụ án được khởi tố thì mới có thể thực hiện được hoạt động xét xử. Tuy nhiên, không phải tất cả vụ án có khởi tố đều được xét xử. Vì vậy, giai đoạn khởi tố chỉ có vai trò làm tiền đề và hỗ trợ cho giai đoạn xét xử, còn việc xác định tội danh là gì còn tùy thuộc vào Hội đồng xét xử quyết định.

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án hình sự

1.3.1. Quy định pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án hình sự thời kỳ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến trước năm 1988

Ngày 21/2/1946, Nhà nước ban hành Sắc lệnh số 23 quy định thành lập tổ chức Việt Nam công an vụ với chức năng tìm kiếm, thu thập các tin tức liên quan đến an ninh chính trị, bảo vệ trật tự trị an và tiến hành các hoạt động điều tra tội phạm. Ngày 20/7/1946, Nhà nước ban hành Sắc lệnh số 131 về tổ chức tư pháp công an, trong đó quy định: “*Tư pháp công an có nhiệm vụ truy tìm tất cả các sự phạm pháp, sưu tầm các tang chứng, bắt người phạm pháp giao cho các tòa án xét xử trong phạm vi pháp luật ấn định*”. Đến ngày 16/02/1953, Nhà nước ban hành Sắc lệnh số 141 quy định về Vụ chấp pháp trong Thứ bộ Công an, trong đó nêu rõ: “*Vụ chấp pháp có nhiệm vụ điều tra, lập hồ sơ đề nghị truy tố các vụ phạm tội phản cách mạng và hình sự khác*”. Như vậy, việc xác định sự việc xảy ra có dấu hiệu của tội phạm hay không sẽ phụ thuộc vào quyết định của tổ chức Việt Nam công an vụ hoặc tư pháp công an. Căn cứ để

xác định dấu hiệu tội phạm, các thủ tục tiến hành khởi tố vụ án, thời hạn khởi tố... không được quy định hoặc quy định không rõ ràng nên rất dễ dẫn đến tình trạng oan sai, bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội. Ngoài ra, có thể nhận thấy, khởi tố vụ án hình sự trong giai đoạn này được coi là một trong những hoạt động của quá trình điều tra vụ án hình sự chứ không phải là một giai đoạn tố tụng độc lập.

Từ năm 1961, trên cơ sở các quy định của Chương VIII Hiến pháp 1959 và Luật tổ chức VKSND năm 1960, hệ thống VKSND các cấp đã được hình thành với nhiều chức năng trong đó có chức năng công tố và chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng, trong đó có hoạt động khởi tố vụ án hình sự. Theo quy định tại Điều 11 Luật tổ chức VKSND năm 1960 thì: *“VKSND có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các việc khiếu nại và tố cáo của nhân dân về việc vi phạm pháp luật và trả lời người khiếu nại hoặc tố cáo”*. Sự ra đời của hệ thống VKSND là điều kiện đảm bảo cho hoạt động tố tụng hình sự đạt hiệu quả và đúng pháp luật. Nối tiếp tinh thần của Luật tổ chức VKSND năm 1960, Luật tổ chức VKSND mới ban hành năm 1981 đã quy định cụ thể chức năng kiểm sát khởi tố - điều tra tại Chương II, cụ thể là quy định tại Điều 10: *“Kiểm sát việc khởi tố hình sự của cơ quan điều tra, khởi tố hình sự và chuyển vụ án đến cơ quan điều tra để yêu cầu tiến hành điều tra. Trong trường hợp do pháp luật quy định thì VKSND trực tiếp điều tra”*. Tuy nhiên giai đoạn này chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định một cách chặt chẽ, cụ thể về trình tự thủ tục hoạt động khởi tố, cũng như hoạt động kiểm sát việc xử lý tin báo, tố giác về tội phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, từ đó dẫn đến công tác kiểm sát hoạt động khởi tố còn gặp nhiều khó khăn.

Hoạt động khởi tố, điều tra vụ án hình sự được coi là một loại hoạt động đặc thù của Nhà nước, nó động chạm nhiều tới các quyền cơ bản của công dân. Xuất phát từ nhiệm vụ của tố tụng hình sự là vừa trấn áp tội phạm vừa bảo vệ có hiệu quả các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, Nhà nước đã ban

hành nhiều văn bản pháp luật nhằm hạn chế và loại trừ những hiện tượng tiêu cực có thể xảy ra trong quá trình khởi tố, điều tra vụ án hình sự. Ngày 20/5/1957, Nhà nước ban hành Luật số 103 bảo đảm quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của công dân và tiếp đó ngày 18/6/1957 có Sắc luật số 02 - SLT quy định về thủ tục bắt người trong trường hợp khẩn cấp và các trường hợp phạm tội quả tang. Công việc điều tra vụ án hình sự trong thời gian trước khi có Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự về cơ bản giao cho cơ quan điều tra của Bộ công an trừ một số vụ án phải có sự phối hợp giữa công an với viện kiểm sát hoặc với các cơ quan khác làm nhiệm vụ điều tra như bộ đội biên phòng, hải quan, kiểm lâm hay chỉ huy trưởng tàu biển hoặc máy bay. Điểm 2 Chương I Thông tư số 427-TTLB ngày 28/6/1963 của VKSND tối cao và Bộ công an đã quy định tạm thời một số nguyên tắc về quan hệ công tác giữa viện kiểm sát và cơ quan công an trong đó có nội dung: Căn cứ vào nhiệm vụ và tình hình hiện tại của hai ngành, cơ quan công an đảm nhiệm việc điều tra tất cả những vụ án phản cách mạng và những tội phạm phản cách mạng khác. Còn Viện kiểm sát chủ yếu làm nhiệm vụ kiểm sát điều tra đồng thời trong phạm vi, điều kiện và khả năng của mình sẽ trực tiếp điều tra một số loại phạm pháp kinh tế và hành vi phạm pháp tương đối rõ.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nước nhà thống nhất, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới được coi là nhiệm vụ cấp bách. Sau hơn 10 năm soạn thảo với sự cố gắng, nỗ lực của các chuyên gia pháp lý trong nước và sự giúp đỡ của các nhà khoa học nước ngoài, ngày 28/6/1988, BLTTHS đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội khóa VIII kì họp thứ 3 thông qua và bắt đầu có hiệu lực pháp luật từ ngày 1/1/1989.

Nhìn lại hệ thống văn bản pháp luật tố tụng của Nhà nước ta giai đoạn trước 1988 chúng ta thấy rằng các văn bản có tính pháp lý cao như luật, pháp

lệnh về cơ bản chỉ được sử dụng để quy định tổ chức bộ máy của các cơ quan tiến hành tố tụng còn trình tự, thủ tục tố tụng giải quyết vụ án hình sự lại được ghi nhận trong các văn bản dưới luật là chính. Bên cạnh đó, các văn bản dưới luật không quy định hoặc quy định không rõ ràng về các nội dung liên quan đến hoạt động khởi tố nên dẫn đến việc thực hiện khá tùy tiện các quy định pháp luật trong quá trình khởi tố vụ án hình sự. Đây là nguyên nhân dẫn tới tình trạng không thống nhất trong thực tiễn khởi tố vụ án hình sự. Sự không thống nhất trong việc áp dụng các thủ tục khởi tố vụ án rất dễ dẫn tới những sai lầm lớn như bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, xâm phạm tới các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân...

1.3.2. Quy định pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án hình sự giai đoạn từ năm 1988 đến năm 2003

Sự ra đời của BLTTHS năm 1988 đánh dấu bước phát triển của pháp luật tố tụng hình sự. Bộ luật đã kế thừa và phát triển pháp luật tố tụng hình sự của Nhà nước ta từ Cách mạng tháng tám, với tinh thần đổi mới trên mọi mặt của đời sống xã hội. Liên quan đến giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, BLTTHS 1988 đã dành một chương riêng để quy định về giai đoạn này. Cụ thể như sau:

- Nhiệm vụ của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là việc các cơ quan có thẩm quyền xác định một sự việc xảy ra trong thực tế có hay không có dấu hiệu tội phạm để quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự, đảm bảo phát hiện kịp thời, nhanh chóng tội phạm và người phạm tội, xác định sự thật khách quan của vụ án, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội và tránh làm oan người vô tội.

- Theo quy định tại Điều 87 BLTTHS 1988 thì chủ thể thực hiện các hoạt động tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự gồm:

- + Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát: là hai cơ quan trực tiếp thực hiện các hoạt động tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự;

+ Đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan, cơ quan Kiểm lâm ra quyết định khởi tố vụ án trong những trường hợp quy định tại Điều 93 BLTTHS năm 1988;

+ Toà án ra quyết định khởi tố vụ án nếu qua việc xét xử tại phiên toà mà phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra.

- Căn cứ khởi tố vụ án hình sự là sự việc có dấu hiệu của tội phạm. Việc xác định có dấu hiệu tội phạm dựa trên những cơ sở sau đây được quy định tại Điều 83 BLTTHS 1988, gồm: Tố giác của công dân; tin báo của cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội; Tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án, đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan và cơ quan Kiểm lâm trực tiếp phát hiện dấu hiệu của tội phạm; người phạm tội tự thú.

- Theo quy định tại Điều 86 BLTTHS năm 1988 thì thời hạn tố tụng dành cho giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là hai mươi ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận được tố giác và tin báo về tội phạm. Trong trường hợp sự việc bị tố giác, tin báo về tội phạm có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết có thể dài hơn, nhưng không quá hai tháng. Đây là quy định được BLTTHS năm 2003 kế thừa.

- Hoạt động tố tụng đặc trưng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Sau khi tiếp nhận thông tin về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn tin; qua đó ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự.

- Các quyết định tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự mà các chủ thể tố tụng có thể đưa ra là Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Quyết định khởi tố vụ án hình sự được các cơ

quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự đưa ra khi xác định sự việc có dấu hiệu của tội phạm.

Trong khi đó, Quyết định không khởi tố vụ án hình sự được các cơ quan có thẩm quyền đưa ra khi xác định được một trong những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự quy định tại Điều 89 BLTTHS 1988, gồm: Không có sự việc phạm tội; Hành vi không cấu thành tội phạm; Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; Tội phạm đã được đại xá; Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác.

- Cuối cùng, Điều 91 BLTTHS 1988 đã quy định cụ thể về hoạt động kiểm sát khởi tố vụ án hình sự của Viện kiểm sát, theo đó: *“Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật, bảo đảm việc khởi tố vụ án hình sự có căn cứ và hợp pháp”*. Đồng thời, nếu quyết định khởi tố của cơ quan điều tra, đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan và cơ quan Kiểm lâm không có căn cứ thì Viện kiểm sát có quyền ra quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố đó. Bên cạnh đó, nếu quyết định không khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan này không có căn cứ thì Viện kiểm sát huỷ bỏ quyết định đó và ra quyết định khởi tố vụ án. Đối với quyết định khởi tố của Toà án không có căn cứ thì Viện kiểm sát chỉ có quyền kháng nghị lên Toà án cấp trên.

So với quy định pháp luật tố tụng hình sự trước đây về khởi tố vụ án hình sự, BLTTHS 1988 chứa đựng nhiều điểm mới cả về kỹ thuật lập pháp và nội dung của các chế định, quy định về trình tự, thủ tục khởi tố vụ án hình sự. Theo đó, BLTTHS đã quy định cụ thể các căn cứ khởi tố, không khởi tố vụ án hình sự, thời hạn khởi tố, chủ thể có thẩm quyền thực hiện hoạt động khởi tố cũng như hoạt động kiểm sát khởi tố của Viện kiểm sát. Tuy trong quá trình áp dụng vào thực tiễn thì những quy định này cũng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cho dù đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 1990, 1992 và năm 2000 nhưng

BLTTHS năm 1988 được ban hành đã đánh dấu một bước đổi mới của pháp luật tố tụng hình sự nước ta khi lần đầu tiên nước ta đã có một BLTTHS hoàn chỉnh.

1.4. Quy định về khởi tố vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự một số quốc gia trên thế giới

Vấn đề khởi tố vụ án hình sự được các quốc gia quy định rất khác nhau, xuất phát từ hệ thống pháp luật và truyền thống chính trị - pháp lý của quốc gia đó. Hiện nay, không phải quốc gia nào cũng phân chia trình tự giải quyết vụ án hình sự thành nhiều giai đoạn. Đối với các quốc gia thuộc hệ thống Thông luật (Common Law) như Anh, Mỹ, Canada, Australia, New Zealand... với mô hình tố tụng tranh tụng thì trình tự tố tụng hình sự thường được chia làm hai giai đoạn chính: giai đoạn tiền xét xử và giai đoạn xét xử. Giai đoạn tiền xét xử bao gồm tất cả hoạt động tố tụng hình sự mang bản chất của khởi tố, điều tra và truy tố với vai trò rất lớn của cơ quan công tố. Ngược lại, các quốc gia thuộc hệ thống Dân luật (Civil Law) với mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn thì quá trình tố tụng được chia thành nhiều giai đoạn. Tuy nhiên, không phải quốc gia nào thuộc hệ thống Dân luật cũng xác định khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn độc lập và quy định thành một chương riêng biệt trong BLTTHS.

1.4.1. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Mô hình tố tụng hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) về cơ bản là mô hình tố tụng thẩm vấn có kết hợp với một số yếu tố của tố tụng tranh tụng. Đặc trưng điển hình của mô hình tố tụng thẩm vấn của Trung Quốc là quy định cả ba cơ quan: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án đều có quyền tiếp nhận các tin báo, tố giác về tội phạm và có quyền thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội.

Tương tự như Việt Nam, Trung Quốc cũng xác định khởi tố vụ án hình sự cũng là một giai đoạn độc lập, và quy định thành một chương riêng biệt trong

BLTTHS. Theo quy định của BLTTHS Trung Quốc, cơ sở để khởi tố vụ án hình sự bao gồm:

- Cơ quan công an hoặc VKSND phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc kẻ bị tình nghi¹⁴
- Thông báo về vụ án hoặc cung cấp thông tin của bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào sau khi phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc kẻ bị tình nghi¹⁵
- Báo cáo của người bị hại cho cơ quan công an, VKSND hoặc TAND về các dấu hiệu tội phạm hoặc tố giác kẻ bị tình nghi¹⁶
- Người phạm tội đến tự thú¹⁷.

Cơ quan công an, VKSND hoặc TAND phải tiếp nhận toàn bộ tin báo, tố giác và thông tin. Đồng thời, người tiếp nhận tin báo hoặc tố giác phải giải thích rõ cho người khiếu nại hoặc tố cáo biết trách nhiệm pháp lý phải chịu vì cáo buộc sai.

Nếu vụ án không thuộc thẩm quyền thì cơ quan tiếp nhận phải chuyển vụ án cho cơ quan có thẩm quyền và thông báo cho người đã tố giác, khiếu nại hoặc cung cấp thông tin biết vụ án đã được chuyển. Trường hợp không thuộc thẩm quyền của cơ quan mình nhưng cần thiết phải có các biện pháp khẩn cấp thì cơ quan tiếp nhận phải tiến hành các biện pháp khẩn cấp trước khi chuyển vụ án cho cơ quan có thẩm quyền.

Theo quy định tại Điều 86 BLTTHS Trung Quốc: *“Nếu thấy có dấu hiệu phạm tội và cần truy cứu trách nhiệm hình sự thì cần phải khởi tố vụ án. Nếu thấy rằng không có dấu hiệu phạm tội hoặc rõ ràng là không nghiêm trọng và không cần truy cứu trách nhiệm hình sự thì không khởi tố vụ án và thông báo cho người cung cấp thông tin biết lý do”*. Quy định này có sự khác biệt so với

¹⁴Điều 83 Bộ luật Tố tụng hình sự Trung Quốc

¹⁵Điều 84 Bộ luật Tố tụng hình sự Trung Quốc

¹⁶Điều 84 Bộ luật Tố tụng hình sự Trung Quốc

¹⁷Điều 84 Bộ luật Tố tụng hình sự Trung Quốc

quy định về căn cứ khởi tố theo quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Theo quy định tại Điều 100 BLTTHS Việt Nam thì “*khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm*” thì các cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành khởi tố vụ án hình sự. Trong khi đó, theo quy định tại Điều 86 BLTTHS Trung Quốc thì có thể hiểu: Nếu cơ quan có thẩm quyền phát hiện sự việc xảy ra có dấu hiệu phạm tội nhưng tội phạm rõ ràng là không nghiêm trọng và không cần truy cứu trách nhiệm hình sự thì sẽ không khởi tố vụ án.

Về hoạt động kiểm sát khởi tố vụ án hình sự, theo quy định tại Điều 87 BLTTHS Trung Quốc thì khi “*VKSND cho rằng cơ quan công an cần khởi tố, điều tra vụ án nhưng cơ quan công an không thực hiện hoặc khi người bị hại cho rằng cơ quan công an cần khởi tố, điều tra vụ án nhưng cơ quan công an không thực hiện và người bị hại khiếu nại đến VKSND, thì VKSND phải yêu cầu cơ quan công an nêu rõ lý do của việc không khởi tố vụ án*”. Theo quy định này thì thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự thuộc về thẩm quyền của cơ quan công an. Trong trường hợp cơ quan công an không thực hiện việc khởi tố thì phải nêu rõ lý do của việc không khởi tố vụ án cho VKSND biết. Sau đó, cũng theo quy định tại Điều 87: “*nếu VKSND cho rằng lý do không khởi tố vụ án của cơ quan công an là không đúng thì phải thông báo cho cơ quan công an không khởi tố vụ án biết, và sau khi nhận được thông báo đó, cơ quan công an phải khởi tố vụ án*”. Như vậy, yêu cầu khởi tố của VKSND đối với cơ quan công an là bắt buộc và cơ quan công an phải tiến hành khởi tố vụ án khi có thông báo của VKSND.

Bên cạnh đó, pháp luật tố tụng hình sự Trung Quốc cũng quy định về các vụ án thuộc tư tố (vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại). Đối với vụ án công tố, người bị hại có vai trò hạn chế trong quá trình tiến hành tố tụng, nhưng đối với các vụ án tư tố, người bị hại có vai trò rất lớn trong tố tụng hình sự.

Trong các vụ án công tố, người bị hại tham gia tố tụng nhằm cung cấp thông tin liên quan đến vụ án. Trong trường hợp cơ quan công an không khởi tố vụ án nhưng người bị hại cho rằng vụ án cần được khởi tố, điều tra thì họ có quyền đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp xem xét. Trường hợp người bị hại không đồng ý với quyết định miễn tố của Viện kiểm sát thì họ có quyền khiếu nại lên Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp và yêu cầu truy tố, nếu Viện kiểm sát cấp trên đồng ý với quyết định không truy tố, thì người bị hại có thể trực tiếp kiện ra Tòa án. Tại phiên tòa, người bị hại có trách nhiệm trình bày lập luận của mình về tội phạm bị cáo buộc trong cáo trạng và với sự cho phép của Thẩm phán chủ tọa, người bị hại được quyền đặt câu hỏi đối với bị cáo.

Đối với các vụ án tư tố, người bị hại có vai trò rất lớn trong tố tụng hình sự khi người bị hại có quyền trực tiếp đưa vụ án ra trước Tòa án có thẩm quyền. Nếu người bị hại chết hoặc mất năng lực hành vi, người đại diện theo pháp luật của họ và họ hàng thân thích có quyền đưa vụ án ra trước Tòa án và Tòa án phải thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật¹⁸. Ngoài ra nếu người bị hại chịu thiệt hại vật chất do hành vi phạm tội của bị cáo thì có quyền nộp đơn yêu cầu giải quyết việc bồi thường trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Chủ thể có quyền đưa ra tư tố bao gồm người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, họ hàng gần của người bị hại. Người bị hại là người bị hành vi phạm tội xâm phạm những lợi ích của mình, do vậy đối với những vụ án tư tố, người bị hại đương nhiên có quyền truy tố người phạm tội ra trước Tòa án. Người đại diện hợp pháp của người bị hại gồm có bố mẹ, người giám hộ của người bị hại trong trường hợp người bị hại là người chưa thành niên, người bị bệnh tâm thần hoặc đã chết. Họ hàng gần của người bị hại gồm có vợ, chồng, bố, mẹ, con, anh em cùng cha cùng mẹ. Đối với vụ án tư tố, nếu người bị hại đã chết hoặc bị mất khả năng tham gia tố tụng thì họ hàng gần có thể đưa ra tư tố.

¹⁸ Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự Trung Quốc

1.4.2. Cộng hòa Liên bang Đức

Cộng hòa Liên bang Đức là nhà nước liên bang, với sự tồn tại của hai hệ thống pháp luật Liên bang và pháp luật của các bang, tuy nhiên pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực hình sự và tố tụng hình sự được quy định thống nhất trên phạm vi toàn Liên bang và các bang. Pháp luật của Đức thuộc truyền thống pháp luật Châu Âu lục địa, do đó mô hình tố tụng hình sự Đức về cơ bản là mô hình tố tụng thẩm vấn, xét hỏi có kết hợp với một số đặc điểm tranh tụng và được mô tả như một hệ thống hỗn hợp hay “lai ghép”¹⁹.

Quá trình tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Đức được chia làm ba giai đoạn chính, đó là: giai đoạn tiền xét xử (gồm giai đoạn điều tra và giai đoạn truy tố); giai đoạn Tòa án tiến hành tố tụng gồm giai đoạn trung gian và xét xử tại phiên tòa; giai đoạn thi hành án. Ở giai đoạn tiền xét xử, theo quy định của BLTTHS Cộng hòa liên bang Đức thì cơ quan có thẩm quyền điều tra bao gồm: Cảnh sát, Viện công tố. Ngoài ra, Tòa án cũng tiến hành một số hoạt động tố tụng trong giai đoạn này. Thủ tục tố tụng hình sự của Đức giai đoạn tiền xét xử nhấn mạnh đặc biệt đến vai trò và chức năng của cơ quan công tố. Công tố viên của quốc gia được đánh giá cao về tính khách quan và công tâm nhất và có vai trò gần như cán bộ tư pháp [quasi judicial officers]²⁰.

Ngay từ khi bắt đầu vụ án, luật tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Đức quy định Cảnh sát tư pháp và Cơ quan công tố cùng có thẩm quyền tiến hành hoạt động điều tra trong đó Cơ quan công tố nắm vai trò chỉ đạo, kiểm soát hoạt động điều tra của Cảnh sát. Thủ tục tố tụng hình sự ở Đức được bắt đầu cũng tùy theo loại tội phạm. Đối với tội phạm ít nghiêm trọng, cảnh sát có quyền phát hiện và thẩm quyền xử lý tương đối độc lập. Nguồn thông tin để cảnh sát thực hiện quyền này của mình thông qua hoạt động tự điều tra hoặc

¹⁹Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), Số chuyên đề về luật tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Đức, Thông tin khoa học kiểm sát (5+6), tr.28;

²⁰Boyne, Shawn Marie, *The German prosecution service: Guardians of the Law*, Springer, 2013, tr.21 và các trang tiếp theo;

được báo tin. Đối với tội phạm nghiêm trọng, vai trò của công tố viên rất quan trọng và được thể hiện từ rất sớm²¹. Theo tác giả Joachim Herrmann: *“thông thường, hành vi phạm tội được báo cáo đến cơ quan cảnh sát giống như tất cả quốc gia khác. Cảnh sát tự điều tra độc lập với các tội phạm ít nghiêm trọng [misdeameanour cases], đối với các tội phạm nghiêm trọng khác [felony cases], cảnh sát phải báo cáo ngay cho cơ quan công tố”*²².

Hầu hết các cuộc điều tra được bắt đầu từ tin báo, tố giác tội phạm của quần chúng. Ngay sau khi nhận được thông tin về tội phạm, Cơ quan công tố phải xác minh các tình tiết để quyết định có khởi tố hay không²³. Hoạt động điều tra được bắt đầu bằng việc khởi tố²⁴. Trong giai đoạn này, Cơ quan công tố phải xác định thu thập cả những tình tiết buộc tội, tình tiết gỡ tội, những tình tiết quan trọng cho việc xác định hậu quả pháp lý và phải bảo đảm rằng những chứng cứ đó được thu thập một cách toàn diện, đúng luật. Để đạt được mục đích này, Cơ quan công tố có thể yêu cầu thông tin từ tất cả các cơ quan nhà nước và có thể thực hiện tất cả các hoạt động điều tra, trực tiếp hoặc thông qua các cấp có thẩm quyền và nhân viên trong lực lượng Cảnh sát. Cấp có thẩm quyền và nhân viên trong lực lượng Cảnh sát có nghĩa vụ phải tuân thủ những yêu cầu hay mệnh lệnh của Cơ quan công tố²⁵. Tuy nhiên, trên thực tế hầu hết quá trình điều tra do Cảnh sát thực hiện một cách độc lập. Cảnh sát có trách nhiệm đảm bảo độ tin cậy cao của chứng cứ trước Công tố viên. Ngay sau khi kết thúc điều tra, nhân viên cảnh sát phải ngay lập tức chuyển giao hồ sơ tới cho Cơ quan công tố. Cảnh sát cũng có thể chuyển giao trực tiếp cho Tòa án địa phương nếu thấy cần thiết phải có việc điều tra của Tòa án²⁶. Nếu Cơ quan công tố xét thấy cần thiết phải có việc điều tra của Tòa án, Cơ quan công tố

²¹Joege Martin Jehle, Criminal Justice System in Germany, 2015, xem trực tuyến tại cổng thông tin điện tử của Bộ tư pháp Đức http://www.bmjv.de/SharedDocs/Downloads/DE/Broschueren/DE/Criminal-Justice-Germany.pdf?__blob=publicationFile, truy cập ngày 18.12.2015;

²²Xem Joachim Herrmann, bài giảng về tố tụng hình sự của Đức, trực tuyến tại <http://www.joachimski.de/StPO/Rechtsvergleich/rechtsvergleich.html> truy cập ngày 19.12.2015;

²³Điều 169 Bộ luật Tố tụng Hình sự Cộng hòa liên bang Đức.

²⁴Điều 151 Bộ luật Tố tụng Hình sự Cộng hòa liên bang Đức.

²⁵Điều 160, 161 Bộ luật Tố tụng Hình sự Cộng hòa liên bang Đức.

²⁶Điều 163 Bộ luật Tố tụng Hình sự Cộng hòa liên bang Đức.

phải gửi yêu cầu tới Tòa án địa phương nơi việc điều tra được tiến hành. Nếu xét thấy cần thiết phải có các lệnh Tòa án để tiến hành điều tra tại nhiều địa phương thì cơ quan công tố phải gửi yêu cầu tới Tòa án địa phương nơi có trụ sở²⁷. Trong các trường hợp khẩn cấp, ngay cả khi không có yêu cầu Thẩm phán có thể thực hiện các hoạt động điều tra cần thiết nếu Công tố viên không thực hiện được²⁸.

Trong luật tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Đức, đối với các vụ án khởi tố theo yêu cầu từ người bị hại (vụ án tư tố) thì người bị hại có vai trò rất quan trọng với quyền tư tố thể hiện rất rõ nét. Luật tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Đức không có điều luật riêng quy định về người bị hại nhưng các quy định rải rác trong Bộ luật thể hiện người bị hại có thể cá nhân, cũng có thể là một tập đoàn, một công ty hoặc một tổ chức. Cụ thể Điều 374 BLTTHS Cộng hòa liên bang Đức quy định: *“Nếu bên bị hại là một tập đoàn, một công ty hoặc một tổ chức khác thì có thể khởi kiện tranh chấp dân sự thông qua người đại diện cho họ trong tranh chấp dân sự đó”*. Cùng với Cảnh sát và Viện Công tố, thì Tư tố viên và người bị hại là chủ thể thực hiện chức năng buộc tội; chức năng bào chữa do người bào chữa, bị can, bị cáo thực hiện; chức năng xét xử do Tòa án (Thẩm phán và Hội thẩm) thực hiện. Đối với một số loại tội ít nghiêm trọng thì người bị hại có quyền quyết định trong việc xử lý, họ có thể đưa ra yêu cầu truy tố, chỉ khi đó Cơ quan công tố mới tiến hành khởi tố và vụ án được tiến hành điều tra, xét xử theo thủ tục chung; hoặc họ có thể đưa ra yêu cầu tư tố trực tiếp tới Tòa án mà không cần phải nhờ đến Cơ quan Công tố truy tố trước, trong trường hợp này vụ án được giải quyết theo thủ tục tư tố và Tư tố viên sẽ thực hiện việc buộc tội. Về thủ tục giải quyết các vụ án mà người bị hại yêu cầu, có hai thủ tục tương ứng với hai hình thức yêu cầu của người bị hại là thủ tục truy tố công và thủ tục tư tố.

²⁷Điều 162 Bộ luật Tố tụng Hình sự Cộng hòa liên bang Đức.

²⁸Điều 165 Bộ luật Tố tụng Hình sự Cộng hòa liên bang Đức.

Đối với các vụ án mà người bị hại đưa ra yêu cầu truy tố (truy tố công) thì yêu cầu đó phải được làm thành văn bản hoặc biên bản ghi lại lời nói tại Tòa án hay cơ quan Công tố. Trường hợp yêu cầu được gửi tới một cấp có thẩm quyền khác, yêu cầu đó phải được làm thành văn bản²⁹. Cơ quan Công tố sẽ tiến hành xác minh các tình tiết và ra quyết định khởi tố, tiến hành điều tra, kết quả điều tra xác định có đủ căn cứ để tiến hành truy tố thì cơ quan Công tố sẽ lập bản cáo trạng gửi tới Tòa án có thẩm quyền, nếu không có căn cứ thì cơ quan Công tố sẽ kết thúc thủ tục tố tụng. Quá trình xét xử tại phiên tòa, Công tố viên sẽ thay mặt người bị hại thực hiện việc buộc tội.

Đối với các vụ án mà người bị hại đưa ra yêu cầu tư tố thì vụ án được giải quyết theo thủ tục tư tố, Tòa án thụ lý giải quyết mà không cần cơ quan Công tố truy tố³⁰. Tuy nhiên, cơ quan Công tố sẽ tiến hành truy tố chỉ khi vụ việc đó có liên quan tới lợi ích công. Trong thủ tục giải quyết các vụ án tư tố thì Tư tố viên thực hiện việc bảo vệ yêu cầu tư tố, địa vị pháp lý của Tư tố viên về bản chất giống như Công tố viên trong các vụ án công tố. Tư tố viên tham gia phiên tòa khi có hoạt động tư tố, mọi quyết định của Công tố viên ở các vụ án công tố sẽ được Tư tố viên tham khảo ở vụ án tư tố. Tư tố viên có thể được hỗ trợ hoặc được đại diện bởi một luật sư chỉ định trong phạm vi thẩm quyền của luật sư đó. Công tố viên tham gia vào thủ tục tư tố trong trường hợp cơ quan Công tố sẽ tiến hành truy tố khi vụ việc đó có liên quan tới lợi ích công, trong các trường hợp còn lại Công tố viên không bắt buộc phải tham gia vào thủ tục tư tố. Tòa án gửi hồ sơ cho Công tố viên nếu thấy rằng Công tố viên cần phải tiếp tục thực hiện truy tố vụ việc đó, cơ quan Công tố có thể tiếp tục

²⁹Điều 158 Bộ luật Tố tụng Hình sự Cộng hòa liên bang Đức.

³⁰Theo Điều 374 BLTTHS Đức các vụ án tư tố bao gồm: (1) Tội xâm phạm gia cư bất hợp pháp; (2) Tội xúc phạm danh dự nhân phẩm; (3) Tội vi phạm quyền tự do báo chí; (4) Tội gây thương tích (5) Tội đe dọa; (6) Tội nhận hoặc đưa hối lộ trong những giao dịch kinh doanh; (7) Tội gây thiệt hại về tài sản đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự; (8) Các tội phạm quy định tại các Điều 4, 6c, 15, 17, 18 và Điều 20 Luật chống cạnh tranh không công bằng; (9) Các tội phạm quy định tại Điều 142 khoản 1 Luật về bằng sáng chế, Điều 25 khoản 1 Luật về mô hình tiêu chuẩn, Điều 10 khoản 1 Luật về bảo vệ chất bán dẫn, Điều 39 khoản 1 Luật về bảo vệ các loài thực vật, Điều 143 khoản 1 và khoản 1a và Điều 144 khoản 1 và 2 Luật về Nhãn hiệu hàng hóa, Điều 14 khoản 1 Luật về thiết kế, Điều 106 đến Điều 108 Luật về quyền tác giả, Điều 33 Luật về quyền tác giả đối với tác phẩm nghệ thuật và nhiếp ảnh

thực hiện việc truy tố thông qua một văn bản trình bày quan điểm tại bất kỳ giai đoạn tố tụng nào trước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi Tư tố viên đưa ra quyết định truy tố và Tòa án xác định quyết định truy tố là đúng đắn, thì phải thông báo những cáo buộc đó cho bị cáo biết cùng với thời hạn để bị cáo đưa ra trả lời. Sau khi nhận được phản hồi từ phía bị cáo, hoặc sau khi hết thời hạn, Tòa án sẽ quyết định có mở phiên tòa chính thức hay huỷ bỏ lời buộc tội, trong thời hạn một tuần phải hoàn tất việc triệu tập của tư tố viên về việc tham gia phiên tòa chính thức và ngày mở phiên tòa chính thức. Tư tố viên có thể rút đơn tư tố tại bất cứ giai đoạn nào của quá trình tố tụng, khi rút đơn tư tố thì phải có sự đồng ý của bị cáo sau khi đã bắt đầu thẩm vấn bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm chính thức, thủ tục tố tụng chấm dứt trong trường hợp Tư tố viên chết. Tuy nhiên, hoạt động tư tố vẫn có thể được tiếp tục thực hiện nếu có người được uỷ quyền đưa vụ án ra tư tố. Khi Tư tố viên không phải là người bị hại, bị cáo có thể đưa ra lời phản tố đối với bên bị hại. Trong trường hợp đó, yêu cầu phản tố sẽ được tổng đạt tới bên bị hại và người bị hại sẽ được triệu tập tới phiên tòa chính thức nếu yêu cầu phản tố không được đưa ra tại phiên tòa chính thức với sự có mặt của bị hại.

1.4.3. Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ

Mô hình tố tụng hình sự Hoa Kỳ không quy định cụ thể về giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Quá trình giải quyết vụ án hình sự ở Hoa Kỳ được chia làm ba giai đoạn tố tụng hình sự, đó là: giai đoạn điều tra sơ bộ, giai đoạn truy tố và giai đoạn xét xử. Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được xem là một trong những nội dung tại giai đoạn điều tra sơ bộ.

Giai đoạn điều tra sơ bộ tội phạm được bắt đầu từ khi cảnh sát có cơ sở để tin rằng có sự kiện phạm tội xảy ra (từ khi vụ án chưa được khởi tố). Cảnh sát có thể tiến hành điều tra sơ bộ từ các nguồn thông tin sau đây: từ tố giác của nạn nhân; từ sự phát hiện của công việc tuần tra hàng ngày của cảnh sát; từ những biểu hiện nghi vấn của một người nào mà cảnh sát biết được hoặc khi

phát hiện thấy có dấu vết của tội phạm hoặc có cơ sở để tin rằng kẻ phạm tội đang chuẩn bị thực hiện tội phạm hoặc chắc chắn sẽ thực hiện phạm.

Một trong những cơ sở để cảnh sát có thể tiến hành điều tra sơ bộ là khi nạn nhân thực hiện việc tố giác bằng đơn khởi tố. Về hình thức, đơn khởi tố được quy định trong Luật (Điều 3 Quy định liên bang về tố tụng hình sự)³¹, theo đó đơn khởi tố là văn bản khẳng định các tình tiết chính về hành vi bị cáo buộc. Đơn khởi tố có hai ý nghĩa trong quá trình tố tụng hình sự. Trong trường hợp người bị buộc tội bị bắt không có lệnh, đơn khởi tố là lời buộc tội đối với bị cáo ở phiên tòa sơ bộ [initial appearance] trước thẩm phán quận/hạt. Việc chính thức đọc lời buộc tội này sẽ chuyển tư cách tố tụng của người bị tình nghi [suspect] thành bị cáo [criminal defendant] trong tố tụng hình sự. Trong trường hợp bị cáo không bị bắt và không phải ra trình diện trước tòa án, đơn khởi tố đóng vai trò là cơ sở để lệnh bắt được ban hành. Đơn khởi tố phải được bảo đảm bằng sự tuyên thệ, phải khẳng định được các tình tiết chính về hành vi bị cáo buộc dưới hình thức văn bản và phải được lập trước một nhân viên tư pháp có thẩm quyền phát động quá trình tố tụng đối với vụ án hình sự. Các nhân viên tư pháp này thường là thẩm phán [Magistrate, Justice of peace, Judge]. Thông tin trong đơn khởi tố có cơ sở từ hoạt động điều tra của nhân viên chấp pháp, hoặc từ người bị hại, người làm chứng hoặc người cấp tin. Tuy vậy, chứng cứ trong đơn khởi tố phải đủ chặt chẽ để thuyết phục thẩm phán về căn cứ pháp lí [probable cause] cho thấy hành vi phạm tội và có thể là người đã thực hiện hành vi đó³². Theo nghĩa này, đơn khởi tố có nội dung rộng và có phần khác với quyết định khởi tố vụ án hình sự ở nước ta.

Việc điều tra có thể được tiến hành bằng các biện pháp nghiệp vụ của trinh sát hoặc từ những kinh nghiệm thu thập tích lũy rút ra được trong quá trình làm việc của cảnh sát. Những biện pháp thường được áp dụng trong quá

³¹Federal Rules of Criminal Procedure of United States, xem trực tuyến tại www.uscourts.gov/file/document/rules-criminal-procedure, truy cập ngày 03.12.2015;

³²John Ferdico, Henry F. Fradella và Christopher D, *Criminal procedure for the criminal justice professional*, 10th edition, Wadsworth Cengage Learning, 2009, tr.64;

trình điều tra ở Hoa Kỳ bao gồm xem xét dấu vết, vật chứng, chứng cứ để lại nơi hiện trường xảy ra tội phạm, xét hỏi người bị tình nghi, khám người, tài sản, nơi ở của kẻ phạm tội, xem băng hình, ảnh, nghe ghi âm... Trên cơ sở điều tra sơ bộ, nếu thấy đủ chứng cứ để buộc tội người tình nghi đã thực hiện tội phạm thì cảnh sát có thể bắt giam ngay người đó. Thông thường, Cảnh sát căn cứ vào lệnh giam của Thẩm phán để bắt giam người bị tình nghi. Tuy nhiên trong thực tế công tác, hầu hết các trường hợp bắt giam không nhất thiết phải có lệnh của Thẩm phán. Luật cho phép Cảnh sát được bắt những người phạm tội nhỏ khi họ đang thực hiện tội phạm (tội vi cảnh mà không phải tội phạm hình sự như cướp của, giết người, huỷ hoại tài sản). Thường thì cảnh sát giải người bị bắt đến trụ sở để xét hỏi, lấy lời khai của người bị bắt và nhân chứng hoặc đưa đến đội cảnh sát điều tra để nạn nhân hoặc các nhân chứng nhận dạng. Khi đã có đủ căn cứ cho rằng người bị bắt phạm tội thì cảnh sát mới trình lên thẩm phán để xin lệnh giam. Những trường hợp phạm tội nhỏ, cảnh sát có thể gửi giấy triệu tập và yêu cầu người đó có mặt bất cứ lúc nào. Khi tiến hành xét hỏi, trong mọi trường hợp, cảnh sát phải chụp ảnh và lấy dấu vân tay của người phạm tội và gửi đến Cục điều tra của liên bang để xác định lý lịch tư pháp của họ đã bị can án chưa. Trước khi đưa họ vào giam để xét hỏi, cảnh sát phải thông báo cho người bị tình nghi quyền của họ được im lặng và quyền được mời luật sư bào chữa. Một thời gian ngắn sau khi bị bắt, người bị tình nghi được đưa đến Tòa tiểu hình để xem xét việc bảo lãnh. Những vụ việc vi phạm nhỏ về giao thông thì Tòa tiểu hình xem xét giải quyết ngay. Trường hợp tội phạm thông thường thì Tòa tiểu hình sẽ căn cứ vào tính chất tội phạm, mức độ phạm tội và các điều kiện bảo lãnh để xem xét việc bảo lãnh bằng tiền hoặc đặt tài sản nhằm bảo đảm sự có mặt của họ khi có giấy triệu tập trong các giai đoạn tố tụng sau. Tuy nhiên, đối với những trường hợp người phạm tội thuộc diện nghèo khó nhưng có nghề nghiệp, nhà cửa hoặc có những mối ràng buộc khác trong cộng đồng thì chỉ cần cho họ cam đoan có mặt bất cứ lúc nào mà không phải đặt tiền để bảo đảm. Cũng như hầu hết các nước phát triển,

Luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ quy định các tội phạm hình sự có tính chất nghiêm trọng như giết người, bắt cóc trẻ em thì không được áp dụng biện pháp bảo lãnh.

Như vậy, tại Hoa Kỳ, hoạt động tố tụng hình sự chính thức bắt đầu từ khi đơn khởi tố được đệ trình. Hình thức, thủ tục lập đơn khởi tố và vai trò của đơn khởi tố như là thủ tục chính thức bắt đầu đưa vụ án vào quá trình tố tụng, đồng thời chuyển địa vị pháp lí của người bị tình nghi sang bị cáo hình sự. Khởi tố vụ án hình sự không được coi là một giai đoạn độc lập trong tố tụng hình sự. Thay vào đó, khởi tố vụ án hình sự chỉ là một phần của giai đoạn điều tra (thường là các hoạt động có tính chất nghiệp vụ của cảnh sát). Về quan điểm này, ở Việt Nam, trong các giáo trình nghiệp vụ của ngành công an, giai đoạn điều tra được chia làm ba giai đoạn: giai đoạn điều tra ban đầu, giai đoạn điều tra tiếp theo, giai đoạn kết thúc điều tra và hoạt động có tính chất khởi tố vụ án hình sự, hoạt động xác minh trong giai đoạn khởi tố được xếp vào giai đoạn điều tra ban đầu.

1.4.4. Cộng hòa Pháp

Cộng hòa Pháp là quốc gia đại diện tiêu biểu cho các nước theo truyền thống luật lục địa (Civil Law), tố tụng hình sự Pháp mang đặc trưng của mô hình tố tụng thẩm vấn. Tuy nhiên, nghiên cứu các quy định cụ thể về thủ tục tố tụng hình sự Pháp, nhận thấy có một số điểm tương đồng với mô hình tố tụng hình sự tranh tụng ở các nước theo truyền thống luật án lệ. Đồng thời, thuật ngữ khởi tố cũng không hề được nhắc đến chính thức trong cả văn bản pháp luật và công trình nghiên cứu khoa học.

Pháp có 2 thủ tục điều tra là điều tra sơ bộ (*điều tra của cảnh sát*) và điều tra của Tòa án (*điều tra dự thẩm*). Theo tác giả Edwin R. Keedy, khi viết về thủ tục điều tra sơ bộ ở Pháp, ông khẳng định thủ tục điều tra sơ bộ được

quy định trong luật với thuật ngữ chính thức là “Preliminary Investigation” bao hàm các hoạt động mang bản chất của khởi tố vụ án hình sự³³.

Hoạt động điều tra sơ bộ chủ yếu do cơ quan cảnh sát và cơ quan quân cảnh tiến hành. Cơ quan cảnh sát trực thuộc Bộ Nội vụ và cơ quan quân cảnh trực thuộc Bộ Quốc phòng. Điều tra viên - người tiến hành điều tra sơ bộ dù thuộc lực lượng cảnh sát hay lực lượng quân cảnh đều tiến hành điều tra dưới sự chỉ đạo của Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Tòa sơ thẩm. Mục đích của điều tra sơ bộ là tìm kiếm người phạm tội, xác nhận dấu hiệu của tội phạm. Trong đoạn điều tra sơ bộ, cơ quan cảnh sát tư pháp có các thẩm quyền kiểm tra căn cứ, khám xét, kê biên và tạm giữ.

Các cơ sở để bắt đầu hoạt động điều tra sơ bộ đối với hành vi bị cáo buộc bao gồm: Đơn tố cáo của người bị hại; Tố giác tội phạm của người khác chứng kiến tội phạm hoặc biết về tội phạm; Báo cáo bằng văn bản của sĩ quan cảnh sát đang thi hành nhiệm vụ và biết về tội phạm.

Về thủ tục, theo quy định của luật, các tố giác và tố cáo về tội phạm có thể gửi đến một trong hai nơi: Gửi đến cho công tố viên nơi tội phạm xảy ra hoặc nơi người bị tình nghi cư trú hoặc được tìm thấy, hoặc nộp cho trợ lý của công tố viên ở cơ quan cảnh sát tư pháp. Ngoài ra, tố giác tội phạm còn có thể nộp cho thẩm phán điều tra, sau đó đơn này sẽ được chuyển lại cho công tố viên. Tuy nhiên, báo cáo về tội phạm thì chỉ có thể gửi cho công tố viên. Ngoài ra, công tố viên cũng có thể tự mình khởi động thủ tục điều tra sơ bộ mà không cần phải nhận được tố cáo, tố giác hay báo cáo về tội phạm. Điều này được tiến hành dựa trên kiến thức của công tố viên hoặc dư luận công chúng mà công tố viên biết được³⁴.

³³Edwin R. Keedy, *Preliminary Investigation in France*, Law Review of University of Pennsylvania, Vol88/4, 1940, tr. 313

³⁴Edwin R. Keedy, *Preliminary Investigation in France*, Law Review of University of Pennsylvania, Vol88/4, 1940, tr. 412;

Kể từ khi cảnh sát bắt đầu điều tra, công tố viên phải được thông báo về việc điều tra đó. Trong mọi trường hợp, công tố viên đều có quyền yêu cầu điều tra thêm nếu công tố viên cho rằng hồ sơ chưa hoàn chỉnh. Khi cảnh sát cho rằng việc điều tra đã hoàn thành, họ đã có đủ bằng chứng đưa vụ án ra Tòa hoặc họ không thể tiếp tục tiến hành điều tra thêm do thiếu những thẩm quyền đặc biệt thì lúc đó họ sẽ chuyển hồ sơ vụ án cho công tố viên có thẩm quyền. Quyết định có tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án hay không do công tố viên đưa ra và quyết định không thể bị xem xét lại.

Khi kết thúc điều tra sơ bộ, Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Tòa sơ thẩm có quyền đình chỉ vụ án, tạm thời đình chỉ vụ án, khởi tố vụ án hoặc chuyển vụ án đến Tòa án để điều tra. Nếu nhận thấy vụ án không bắt buộc phải tiến hành điều tra tại Tòa, Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Tòa sơ thẩm có thể chuyển trực tiếp vụ việc cho Tòa tiểu hình xét xử.

Bên cạnh đó, pháp luật tố tụng hình sự của Pháp cũng có quy định liên quan đến hoạt động khởi tố hoặc yêu cầu khởi tố của người bị hại. Theo đó, một vụ án hình sự có thể được phát động đầu tiên bởi một đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại tới thẩm phán điều tra với mục đích chủ yếu của người bị hại là mong muốn được bồi thường thiệt hại. Những vụ án này có thể liên quan tới hành vi làm nhục người khác, cướp tài sản hay gian lận trong buôn bán. Sau khi tiến hành điều tra ban đầu, vụ án có thể được phát động chính thức về hình sự. Tác giả Edwin R. Keedy khẳng định “*một nét thú vị của tố tụng hình sự Pháp là vụ án hình sự và việc dân sự có thể được phát động và xét xử cùng với nhau*”³⁵.

1.4.5. Liên bang Nga

Liên bang Nga là quốc gia có hệ thống pháp luật mới chuyển đổi, từ hệ thống tố tụng thẩm vấn có xu hướng thiên về công tố vào thời kỳ Xô Viết sang

³⁵Edwin R. Keedy, *Preliminary Investigation in France*, Law Review of University of Pennsylvania, Vol88/4, 1940, tr. 414;

hệ thống tranh tụng dựa trên cơ sở tính bình đẳng và công bằng, bảo vệ các quyền cá nhân và trao cho các Bồi thẩm viên quyền quyết định việc có tội hay vô tội trong những vụ án hình sự nghiêm trọng. Vai trò của cơ quan tiến hành tố tụng và của các bên trong chứng minh tội phạm cũng thay đổi theo hướng bị cáo và Công tố viên tham gia một cách bình đẳng vào tiến trình tố tụng, Thẩm phán từ vai trò tích cực trong việc buộc tội chuyển sang vai trò là một trọng tài trung lập. Tố tụng Hình sự Liên bang Nga vừa có yếu tố cơ bản của tranh tụng, vừa mang đặc điểm của tố tụng hình sự thẩm vấn.

Về các giai đoạn tố tụng, nếu như toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự của mô hình Xô viết được cấu trúc theo các giai đoạn tố tụng nối tiếp nhau thì hoạt động tố tụng theo mô hình của nước Nga mới được chia làm hai giai đoạn chính: Giai đoạn tố tụng tiền xét xử và giai đoạn tố tụng ở Tòa án, trong đó, khởi tố vụ án hình sự là một trong các thủ tục được thực hiện ở giai đoạn tố tụng tiền xét xử.

Hiện nay, pháp luật tố tụng hình sự Nga chia các vụ án hình sự thành ba loại là: vụ án công tố, vụ án tư tố và vụ án công - tư tố. Từ đó, thủ tục khởi tố và giải quyết ba loại án này cũng có sự khác nhau. Trong đó: *“Các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại các điều 115, 116, khoản 1 Điều 129 và Điều 130 BLHS được coi là các vụ án tư tố. Các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại khoản 1 các Điều 131, 132, 136, 137, 138, 139, 146, 147 và Điều 145 BLHS được coi là các vụ án công - tư tố. Những vụ án hình sự còn lại là những vụ án công tố”*³⁶.

Đối với các vụ án công tố, BLTTHS Liên bang Nga năm 2001 quy định vụ án hình sự được khởi tố vào thời điểm mà tội phạm được phát hiện cho dù đã phát hiện được người phạm tội hay chưa. Các Dự thẩm viên, Điều tra viên và Kiểm sát viên đều có thẩm quyền ban hành quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, thủ tục điều tra chính thức

³⁶Điều 20 Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga

bắt đầu và hồ sơ vụ án được Điều tra viên (hoặc Dự thẩm viên), những người sẽ tiến hành điều tra vụ án trong suốt giai đoạn điều tra, lập ra. Tài liệu đầu tiên trong hồ sơ vụ án thường là quyết định khởi tố vụ án hình sự. Tất cả mọi chứng cứ được thu thập sau đó cũng được đưa vào hồ sơ vụ án dưới hình thức một loại văn bản tố tụng chính thức gọi là biên bản. BLTTHS Liên bang Nga năm 2001 quy định rằng mỗi hoạt động tố tụng trong giai đoạn này phải được lập biên bản. Những người tham gia vào một hoạt động điều tra nhất định có quyền kiểm tra biên bản, đưa ra nhận xét và bổ sung vào biên bản. Bộ luật cũng quy định các thủ tục nhằm giữ bí mật nhân dạng của nạn nhân, các nhân chứng và một số người tham gia tố tụng khác trong biên bản như một biện pháp cần thiết để đảm bảo sự an toàn của họ. Không có đạo luật riêng nào về chứng cứ ở Nga, tất cả các nguyên tắc chứng cứ được quy định trong BLTTHS. Khi đã chính thức mở ra thủ tục tố tụng với quyết định khởi tố vụ án thì vụ án sẽ chuyển sang hoạt động điều tra theo hai kiểu điều tra là điều tra dự thẩm và điều tra sơ bộ.

Các vụ án tư tố chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ. Trong trường hợp người bị hại chết thì vụ án được khởi tố theo yêu cầu của những người họ hàng thân thích của họ hoặc kiểm sát viên khởi tố nếu người bị hại ở trong tình trạng bất khả kháng hoặc do những nguyên nhân khác mà không thể bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đối với trường hợp này kiểm sát viên sẽ chuyển vụ án để tiến hành điều tra. Đồng thời, việc kiểm sát viên tham gia vào vụ án không tước đi của các bên quyền được hoà giải³⁷. Trong trường hợp người bị hại và bị can thoả thuận, hoà giải được với nhau thì vụ án phải bị đình chỉ, nhưng việc thoả thuận chỉ được thực hiện trước khi Tòa án tiến hành nghị án để tuyên án.

Các vụ án công - tư tố chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại nhưng không thể bị đình chỉ khi có thoả thuận giữa người bị hại và bị can, trừ

³⁷Điều 318 Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga

những trường hợp quy định tại Điều 25 BLTTHS. Tuy nhiên kiểm sát viên, cũng như dự thẩm viên hoặc điều tra viên sau khi được sự đồng ý của Viện kiểm sát có quyền khởi tố vụ án hình sự về bất kỳ tội phạm nào mặc dù không có yêu cầu của người bị hại, nếu như các tội phạm đó xâm hại đến người bị hại đang ở trong tình trạng bị lệ thuộc hoặc do những nguyên nhân khác mà người đó không có khả năng tự mình sử dụng các quyền của mình³⁸.

³⁸Điều 25 Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga quy định: “Toà án, Kiểm sát viên cũng như Dự thẩm viên và Điều tra viên nếu được Viện kiểm sát đồng ý, căn cứ vào yêu cầu của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền đình chỉ vụ án hình sự đối với người bị nghi ngờ hoặc bị buộc tội là đã thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng trong các trường hợp quy định tại Điều 76 BLHS Liên bang Nga, nếu người đó tự hoà giải được với người bị hại và bồi thường thiệt hại cho người bị hại”.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tại Chương 1, tác giả nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về khởi tố vụ án hình sự, theo đó, tác giả phân tích khởi tố vụ án hình sự dưới góc độ là một giai đoạn tố tụng độc lập cũng như đây là giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng hình sự.

Trên cơ sở nghiên cứu, kế thừa và phát triển những quan điểm khác nhau của các chuyên gia pháp lý, tác giả đưa ra khái niệm về khởi tố vụ án hình sự. Từ khái niệm khởi tố vụ án hình sự, tác giả rút ra những đặc điểm của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự bao gồm: Nhiệm vụ đặc trưng của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự; căn cứ khởi tố vụ án hình sự; chủ thể khởi tố vụ án hình sự; thời hạn khởi tố vụ án hình sự; hoạt động tố tụng đặc trưng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự và các quyết định tố tụng kết thúc giai đoạn khởi tố vụ án hình sự.

Khởi tố vụ án hình sự với tính chất là giai đoạn tố tụng hình sự đầu tiên có ý nghĩa rất quan trọng về mặt pháp lý và về mặt chính trị - xã hội. Đây là giai đoạn mở đầu của quá trình tố tụng, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động tố tụng tiếp theo của quá trình giải quyết vụ án. Việc khởi tố vụ án hình sự có căn cứ và kịp thời sẽ góp phần đảm bảo hiệu quả công tác phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi công dân, bảo đảm thực hiện công bằng xã hội.

Pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án đã hình thành từ những ngày đầu Nhà nước dân chủ nhân dân được thành lập; nhưng chỉ chính thức được pháp điển hoá tại BLTTHS 1988 và được hoàn thiện trong các BLTTHS tiếp theo, thể hiện các đặc điểm của một giai đoạn tố tụng độc lập.

Đi sâu nghiên cứu quy định về khởi tố vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự của một số nước đại diện cho các mô hình tố tụng khác nhau như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức và Liên bang Nga, tác

giả rút ra một số điểm tương đồng cũng như khác biệt trong quy định pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án hình sự. Đây là những kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình xây dựng BLTTHS nói chung, hoàn thiện quy định khởi tố vụ án hình sự nói riêng.

CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VÀ BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015

VỀ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

2.1. Chủ thể khởi tố vụ án hình sự

Theo quy định của BLTTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự thì chủ thể thực hiện hoạt động khởi tố vụ án hình sự bao gồm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Cơ quan được giao thực hiện một số nhiệm vụ điều tra (Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân)³⁹.

2.1.1. Cơ quan điều tra

Căn cứ quy định tại Điều 104 BLTTHS năm 2003 thì khi xác định có dấu hiệu tội phạm, Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án. Đây là một quy định chung chung khi BLTTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự chỉ quy định cụ thể về thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra theo sự việc, theo đối tượng và theo lãnh thổ. Việc xác định thẩm quyền điều tra phải dựa trên cơ sở thẩm quyền xét xử của Tòa án⁴⁰. Các quy định khác của BLTTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự cũng không dẫn chiếu việc xác định thẩm quyền khởi tố trên cơ sở thẩm quyền điều tra nên chưa có căn cứ pháp lý rõ ràng để xác định thẩm quyền khởi tố vụ án cụ thể của Cơ quan điều tra theo sự việc, theo đối tượng và theo lãnh thổ.

Trong các giáo trình của các cơ sở đào tạo luật⁴¹, cũng như trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự thì thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan

³⁹Xem Điều 104, Điều 111 BLTTHS năm 2003 và Điều 9 đến Điều 25 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự.

⁴⁰Điều 110 BLTTHS năm 2003

⁴¹Xem giáo trình luật Tố tụng hình sự của Trường Đại học Luật Hà nội, NXB CAND năm 2010, tr 233-236 và giáo trình luật Tố tụng hình sự của Trường Đại học Luật TP.HCM, NXB Hồng Đức, năm 2012, Tr.233-234.

điều tra được xác định trên cơ sở thẩm quyền điều tra và thẩm quyền điều tra lại được xác định dựa trên thẩm quyền xét xử của Tòa án, cụ thể như sau⁴²:

- *Xác định thẩm quyền khởi tố vụ án theo đối tượng*

+ Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với tất cả các tội phạm quy định từ Chương 11 đến Chương 24 của BLHS năm 1999, trừ những tội phạm thuộc thẩm quyền khởi tố của Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân, Cơ quan điều tra của VKSND tối cao và Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát Quân sự trung ương.

+ Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với các tội phạm quy định từ Chương 11 đến Chương 24 BLHS nếu các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự.

+ Cơ quan điều tra của VKSND tối cao khởi tố vụ án về một số loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát Quân sự trung ương có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án đối với một số loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án quân sự.

- *Xác định thẩm quyền khởi tố vụ án theo lãnh thổ*

Cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra những vụ án hình sự mà tội phạm xảy ra trên địa phận của mình. Trong trường hợp không xác định được địa điểm xảy ra tội phạm thì việc điều tra thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra nơi phát hiện tội phạm, nơi bị can cư trú hoặc bị bắt.

- *Xác định thẩm quyền khởi tố vụ án theo sự việc*

⁴²Xem Điều 110 BLTTHS năm 2003.

+ Cơ quan điều tra cấp huyện, Cơ quan điều tra quân sự khu vực điều tra những vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện, Toà án quân sự khu vực;

+ Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu điều tra những vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh, Toà án quân sự cấp quân khu hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra cấp dưới nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

+ Cơ quan điều tra cấp trung ương điều tra những vụ án hình sự về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

Thẩm quyền khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra theo quy định của BLTTHS năm 2015 được quy định tại Điều 153. Theo đó, Cơ quan điều tra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với tất cả vụ việc có dấu hiệu tội phạm, trừ những vụ việc do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử đang thụ lý, giải quyết quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này. Quy định này có cụ thể hơn so với BLTTHS năm 2003 khi đã loại trừ những vụ việc có dấu hiệu tội phạm nhưng do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử đang thụ lý, giải quyết.

2.1.2. Viện kiểm sát

Theo quy định tại Điều 104 BLTTHS năm 2003 thì Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự trong hai trường hợp sau đây:

- Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố vụ án khi hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra, Bộ đội Biên phòng, Hải quan và Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội

nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành hoạt động điều tra. Trong trường hợp này khi thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động khởi tố để đảm bảo mọi tội phạm đều phải được phát hiện và xử lý, không bỏ lọt tội phạm. Khi Viện kiểm sát phát hiện sự việc xảy ra có dấu hiệu tội phạm nhưng Cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra lại ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, như vậy sẽ bỏ lọt tội phạm. Chính vì vậy, Viện kiểm sát được quyền hủy bỏ quyết định không khởi tố không có căn cứ của các cơ quan này đồng thời ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và gửi quyết định khởi tố này cho cơ quan điều tra để tiến hành điều tra.

- Khởi tố vụ án theo yêu cầu của Hội đồng xét xử, trong trường hợp qua hoạt động xét xử tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phát hiện tội phạm mới hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra.

Theo quy định tại Điều 153 của BLTTHS năm 2015 thì thẩm quyền khởi tố của Viện kiểm sát đã được mở rộng hơn, theo đó, Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp:

- *Thứ nhất*, Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

- *Thứ hai*, Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Theo quy định tại Điều 145 thì Viện kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục. Đây là một quy định mới về thẩm quyền khởi tố vụ án của Viện kiểm sát. Quy định

này giúp bảo cho Viện kiểm sát thực hiện tốt chức công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án đảm bảo không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

- *Thứ ba*, Viện kiểm sát trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc theo yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử. Nếu như trong BLTTHS năm 2003, khi trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm thì Viện kiểm sát không có thẩm quyền khởi tố mà phải kiến nghị Cơ quan điều tra khởi tố vụ án. Tuy nhiên, theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì Viện kiểm sát được quyền khởi tố vụ án khi trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm. Đây là một quy định nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của Viện kiểm sát trong việc phát hiện nhanh chóng và xử lý kịp thời mọi loại tội phạm.

2.1.3. Tòa án

Tòa án ra quyết định khởi tố vụ án hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra⁴³. Thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án qua việc xét xử tại phiên tòa thuộc về Hội đồng xét xử.

Như vậy, theo Điều 104 BLTTHS năm 2003 cho phép Hội đồng xét xử lựa chọn ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra.

Trong trường hợp Tòa án phát hiện tội phạm mới hoặc người phạm tội mới trước khi vụ án được đưa ra xét xử thì Tòa án không khởi tố vụ án mà sẽ ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung.

2.1.4. Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư

Theo quy định tại Điều 111 BLTTHS năm 2003, khi phát hiện những hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực

⁴³Xem: Đoạn 3 khoản 1, Điều 104 Bộ luật tố tụng hình sự.

quản lý của mình thì Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển có thẩm quyền:

- Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong những trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng, thì ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tiến hành điều tra và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

- Đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành những hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

Theo quy định tại Điều 19, Điều 20, 21, 22 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự thì thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển cụ thể như sau :

- Đơn vị Bộ đội biên phòng khi phát hiện dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực quản lý của mình có quyền khởi tố đối với tội phạm quy định tại Chương 11 và tội phạm quy định tại các Điều 119, 120, 153, 154, 172, 180, 181, 188, 192, 193, 194, 195, 196, 230, 232, 236, 263, 264, 273, 274, và 275 BLHS năm 1999.

- Cơ quan Hải quan khi thực hiện nhiệm vụ phát hiện dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực mình quản lý thì có quyền khởi tố đối với tội phạm quy định tại Điều 153 và Điều 154 BLHS năm 1999.

- Cơ quan Kiểm lâm có quyền khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực mình quản lý đối với tội phạm quy định tại các Điều 175, 189, 190, 191, 240 và 272 BLHS năm 1999.

- Lực lượng cảnh sát biển khởi tố vụ án khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện dấu hiệu tội phạm đối với các tội phạm quy

định tại chương 11 và các Điều 153, 154, 172, 183, 188, 194, 195, 196, 212, 213, 221, 223, 230, 231, 236, 238, 273 và 274 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngoài các cơ quan nêu trên, BLTTHS năm 2015 và Luật Tổ chức cơ quan điều tra năm 2015 đã có những quy định bổ sung thêm chủ thể mới là cơ quan Kiểm ngư có thẩm quyền khởi tố vụ án nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm. Kiểm ngư được quy định là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Theo Điều 164 BLTTHS năm 2015 và Điều 36 Luật tổ chức cơ quan điều tra thì Cơ quan Kiểm ngư khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm quy định tại các điều 111, 242, 244, 245, 246, 305 và 311 của BLHS 2015 xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Kiểm ngư quản lý thì Cục trưởng Cục Kiểm ngư, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng thì quyết định khởi tố vụ án, khám nghiệm hiện trường, khám xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, trưng cầu giám định khi cần thiết, khởi tố bị can, tiến hành các biện pháp điều tra khác theo quy định của BLTTHS, kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án; Đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì quyết định khởi tố vụ án, khám nghiệm hiện trường, khám xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

2.1.5. Các cơ quan khác trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành hoạt động điều tra

Theo quy định tại khoản 2 Điều 111 BLTTHS năm 2003 thì các cơ quan khác của lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong khi làm nhiệm vụ của mình, nếu phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm, thì có quyền khởi tố vụ án, tiến hành những hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

Theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25 của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 thì thẩm quyền khởi tố cụ thể của các cơ quan này như sau:

- Quyền hạn điều tra của các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra: Cục Cảnh sát giao thông đường bộ – đường sắt, Cục Cảnh sát giao thông đường thủy, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ – đường sắt, Phòng Cảnh sát giao thông đường thủy, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Phòng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp, Trại tạm giam, Trại giam trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này thì Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ – đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường thủy, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp, Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ – đường sắt, Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông đường thủy, Trưởng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, Trưởng Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng Phòng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp, Giám thị trại tạm giam, Giám thị trại giam ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ,

tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

- Quyền hạn điều tra của các cơ quan khác của lực lượng An ninh trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra: Các cục An ninh, các phòng An ninh ở Công an cấp tỉnh trực tiếp đấu tranh phòng, chống các tội phạm quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này, trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì Cục trưởng, Trưởng phòng các phòng An ninh ở Công an cấp tỉnh ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án; khi xét cần ngăn chặn ngay người có hành vi phạm tội chạy trốn, tiêu huỷ chứng cứ hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm thì giải ngay người đó đến cơ quan Công an và xin ngay lệnh bắt khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền; trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án phải chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan An ninh điều tra có thẩm quyền.

- Quyền hạn điều tra của các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra: Giám thị trại tạm giam, Giám thị trại giam trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra hình sự đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra quyết định khởi tố vụ án, khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra hình sự có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

Bên cạnh đó, theo quy định của Luật tổ chức cơ quan điều tra năm 2015 thì các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được bổ sung thẩm quyền khởi tố vụ án so với quy định của

Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự gồm có: Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Phòng Quản lý xuất nhập cảnh; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao⁴⁴.

2.1.6. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại

Về nguyên tắc, việc khởi tố vụ án hình sự là quyền chủ động của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, không phụ thuộc vào ý chí của bị hại hoặc người đại diện của họ. Tội phạm xảy ra làm xuất hiện quan hệ pháp luật hình sự giữa Nhà nước và người thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, chỉ Nhà nước mới có quyền truy cứu hoặc tha miễn trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, yêu cầu khởi tố của bị hại hoặc người đại diện của họ là điều kiện bắt buộc để khởi tố vụ án hình sự. Đó là các tội phạm ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, xâm phạm sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người hoặc xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không phải là rất lớn hoặc đặc biệt lớn, không có tình tiết định khung tăng nặng, nếu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chủ động khởi tố có thể gây thêm những tổn thất về tinh thần, làm lộ bí mật đời tư của bị hại, phá vỡ sự tha thứ, hoà giải và thoả thuận bồi thường giữa các bên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 105 BLTTHS năm 2003, “*người bị hại*” là chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra (khoản 1 Điều 51 BLTTHS năm 2003). Người bị hại là cá nhân chứ không phải là cơ quan, tổ chức. Cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây ra là nguyên đơn dân sự (nếu có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại) hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (nếu không có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại). Theo quy định của BLTTHS năm 2003, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không phải là chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án

⁴⁴Xem khoản 6 Điều 9 Luật Tổ chức cơ quan điều tra năm 2015.

hình sự. Vì vậy, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo khoản 1 Điều 171 BLHS năm 1999 không phải là chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Gần 4 năm sau khi BLTTHS năm 2003 có hiệu lực pháp luật, Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 29/02/2008 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ công an, Bộ tư pháp mới cho phép cơ quan, tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.⁴⁵ Như vậy, bằng một văn bản dưới luật, phạm vi chủ thể quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự được mở rộng đối với nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Phạm vi chủ thể có tư cách bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 155 BLTTHS năm 2015 được mở rộng so với quy định của BLTTHS năm 2003. Bị hại không chỉ là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản mà còn là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra (khoản 1 Điều 62 BLTTHS năm 2015). Như vậy, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo khoản 1 Điều 226 BLHS năm 2015 là chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự với tư cách bị hại chứ không phải với tư cách nguyên đơn dân sự hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vốn có phạm vi quyền hạn chế hơn so với bị hại.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 105 BLTTHS năm 2003, “*người đại diện hợp pháp của người bị hại*” là chủ thể của quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp “*người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất*”. Như vậy, phạm vi chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS năm 2003 rộng hơn so với BLTTHS năm 1988 chỉ quy định người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2003 chưa quy định

⁴⁵ Mục 3 Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 29/02/2008 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ công an, Bộ tư pháp hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

trường hợp bị hại đã chết thì người đại diện của họ có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Khoản 1 Điều 155 BLTTHS năm 2015 đã quy định bổ sung trường hợp này. Cụ thể, “*người đại diện của bị hại*” là chủ thể của quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp “*bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết*”.

Yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người đại diện của bị hại là yêu cầu độc lập, không phụ thuộc vào ý chí của bị hại. Việc người đại diện của bị hại yêu cầu khởi tố vụ án hình sự không loại trừ việc bị hại tự mình yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Do đó, quan điểm “*nếu người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất thì chỉ người đại diện hợp pháp của người bị hại mới có quyền yêu cầu*”⁴⁶ là không hợp lý.

Khoản 1 Điều 105 BLTTHS năm 2003 quy định các trường hợp chỉ được khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là các tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122, 131⁴⁷ và 171 BLHS năm 1999. Quy định này được kế thừa tại khoản 1 Điều 155 BLTTHS năm 2015, theo đó các trường hợp chỉ được khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại là các tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 266 BLHS năm 2015 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính, hiếp

⁴⁶ Nguyễn Đức Thái (2009), “Một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng chế định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại”, *Tạp chí Kiểm sát*, (09), tr. 28.

⁴⁷ Theo Nghị quyết số 33/2009/NQ-QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS, kể từ ngày 19/6/2009 người thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả quy định tại Điều 131 BLHS năm 1999 không bị xử lý về hình sự, nên không còn thuộc trường hợp chỉ được khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu.

dâm, cưỡng dâm, làm nhục người khác, vu khống, xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp).

Như vậy, mặc dù có những quan điểm đề nghị thu hẹp⁴⁸ hoặc mở rộng phạm vi các trường hợp chỉ được khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu nhằm thể hiện “*tương quan giữa công tố và tư tố*”, “*cân đối lại tương quan trong pháp luật giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội mà Nhà nước là người đại diện*”,⁴⁹ nhưng BLTTHS năm 2015 về cơ bản giữ nguyên phạm vi các trường hợp chỉ được khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu, “*trong giới hạn Nhà nước và xã hội chấp nhận được*”⁵⁰. Việc khởi tố vụ án hình sự các tội phạm không thuộc các điều khoản nói trên là quyền chủ động của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, không phụ thuộc vào ý chí của bị hại hoặc của người đại diện của họ. Vì vậy, bị hại có thể tự do lựa chọn yêu cầu hoặc không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nhưng không được từ chối giám định. Nhiều trường hợp, có kết luận giám định mới xác định được tội phạm có thuộc trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu hay không. Nếu bị hại từ chối giám định theo quyết định trưng cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải (điểm b khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm 2015). Đây là quy định mới của BLTTHS năm 2015, góp phần giải quyết tình trạng bị hại từ chối giám định, gây khó khăn cho việc chủ động giải quyết vụ án hình sự của cơ quan điều tra.

2.2. Thủ tục tố tụng trong khởi tố vụ án hình sự

Thủ tục tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự bao gồm hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và ra quyết định tố tụng kết thúc giai đoạn khởi tố vụ án hình sự.

⁴⁸ Nguyễn Đức Thái (2015), *Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, tr. 119, 120.

⁴⁹ Nguyễn Mạnh Kháng (2003), “Cải cách tư pháp và vấn đề tranh tụng”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số (10), tr. 36.

⁵⁰ Trần Quang Tiệp (2006), “Một số vấn đề lý luận về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại”, *Tạp chí kiểm sát*, (1), tr. 29.

2.2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố

Theo quy định của BLTTHS năm 2003 thì tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố là nguồn thông tin quan trọng để cơ quan có thẩm quyền xác định được sự việc xảy ra có hay không có dấu hiệu tội phạm trên cơ sở đó ra quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Theo quy định tại Điều 100 BLTTHS năm 2003 thì chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm. Việc xác định dấu hiệu tội phạm dựa trên những cơ sở sau đây: *Tố giác của công dân; tin báo của cơ quan, tổ chức, tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; cơ quan có thẩm quyền trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm và người phạm tội tự thú.* Như vậy để khởi tố vụ án hình sự cơ quan có thẩm quyền phải dựa trên các nguồn thông tin sau:

- Tố giác của công dân

Tố giác về tội phạm là những thông tin về hành vi có dấu hiệu tội phạm do công dân cung cấp cho cơ quan, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết. Trong trường hợp người bị hại tố cáo về hành vi phạm tội gây thiệt hại cho họ thì cũng thuộc trường hợp tố giác của công dân. Theo quy định tại Điều 101 BLTTHS năm 2003, công dân là chủ thể tố giác tội phạm với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án hoặc các cơ quan, tổ chức khác. Cơ quan, tổ chức khi phát hiện hoặc tiếp nhận được tố giác của công dân phải báo tin ngay về tội phạm cho Cơ quan điều tra bằng văn bản. Tố giác tội phạm là quyền và nghĩa vụ của công dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhằm tạo điều kiện để công dân thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm thì BLTTHS quy định công dân được quyền tố giác tội phạm với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án hoặc các cơ quan, tổ chức khác. Các cơ quan, tổ chức này có trách nhiệm tiếp nhận tố giác của công dân và báo tin cho Cơ quan điều tra bằng văn bản.

Công dân có quyền được tố giác dưới nhiều hình thức khác nhau, có thể tố giác bằng đơn, thư từ, bằng miệng, điện thoại... Trong trường hợp công dân tố giác bằng miệng thì cơ quan, tổ chức tiếp nhận phải giải thích cho người tố giác biết trách nhiệm của họ đối với việc tố giác sai sự thật và lập thành biên bản ghi rõ ngày tháng năm tiếp nhận, nội dung tố giác và có chữ ký của người tố giác. Trong trường hợp công dân tố giác qua điện thoại cơ quan tiếp nhận phải ghi lại họ tên, địa chỉ, số điện thoại của người tố giác, nội dung tố giác để thuận tiện cho việc liên hệ với người tố giác, kiểm tra, xác minh⁵¹.

Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 22/8/2013 quy định chủ thể tố giác là cá nhân phải có danh tính, địa chỉ rõ ràng. Như vậy, chủ thể của tố giác tội phạm trong thông tư có phạm vi rộng hơn so với quy định của BLTTHS năm 2003, không chỉ là công dân mà còn có thể là người nước ngoài, người không quốc tịch. Bên cạnh đó, điều kiện của chủ thể tố giác phải có danh tính, địa chỉ rõ ràng, điều này có thể dẫn đến cách hiểu cho rằng đối với cá nhân mà không ghi danh tính, địa chỉ rõ ràng thì những thông tin về hành vi có dấu hiệu tội phạm của họ không được xem là tố giác của công dân. Quy định này tạo ra điều kiện mang tính hạn chế việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố giác tội phạm của công dân⁵². Thực tế cho thấy có nhiều trường hợp những thông tin về hành vi phạm tội do cá nhân cung cấp nhưng không xác định được danh tính và địa chỉ. Điều này có thể lý giải ở hai khía cạnh. *Một là*, những thông tin này không đúng sự thật, người cung cấp thông tin có ý định vu khống, vu cáo người khác sợ chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. *Hai là*, những thông tin mà họ cung cấp là đúng sự thật nhưng vì họ sợ bị đe dọa trả thù nên không muốn công khai danh tính, địa chỉ. Tác giả đồng tình với quan điểm cho rằng nếu bỏ qua, không chấp nhận tố giác không có danh tính và địa chỉ rõ ràng thì sẽ hạn chế khả năng phát hiện kịp

⁵¹Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB CAND, năm 2010, tr. 242.

⁵²Đặng Văn Hùng, Kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong tố tụng hình sự Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ luật học, TP.HCM, năm 2014, tr.11.

thời tội phạm, không động viên tính tích cực của quần chúng. Các cơ quan có thẩm quyền khởi tố cần xem xét và có biện pháp xác minh, kiểm tra cả những tin báo không có danh tính và địa chỉ rõ ràng⁵³, nhất là trong bối cảnh mà BLTTHS năm 2003 chưa quy định tư cách tố tụng cho người tố giác tội phạm cũng như quy định các biện pháp bảo vệ họ khỏi sự đe dọa, trả thù từ việc tố giác tội phạm.

- Tin báo của cơ quan, tổ chức

Tin báo về tội phạm của cơ quan, tổ chức là những thông tin về hành vi có dấu hiệu tội phạm do cơ quan, tổ chức cung cấp cho cơ quan, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết.

Theo quy định của BLTTHS năm 2003 thì chủ thể của tin báo về tội phạm là cơ quan, tổ chức. Trong BLTTHS không quy định cụ thể là cơ quan, tổ chức nào, nhưng có thể hiểu cơ quan, tổ chức có quyền báo tin về tội phạm có thể là bất kỳ cơ quan, tổ chức nào như: cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế... Theo quy định tại TTLT số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 22/8/2013 thì các cơ quan, tổ chức bao gồm: Công an xã, phường, thị trấn, đồn, trạm công an; tòa án; cơ quan báo chí; các cơ quan tổ chức khác. Các cơ quan, tổ chức này trong quá trình hoạt động có thể trực tiếp phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm hoặc sau khi tiếp nhận tố giác của công dân thì báo tin bằng văn bản cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Theo quy định của BLTTHS năm 2003 thì tin báo của cơ quan, tổ chức gồm hai loại⁵⁴:

⁵³Trường Đại học Luật TP.HCM, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Hồng Đức-Hội luật Gia Việt Nam, năm 2012, tr.343.

⁵⁴Điều 101 BLTTHS năm 2003.

Một là, cơ quan, tổ chức phát hiện ra các thông tin về tội phạm và báo tin cho cơ quan có thẩm quyền để nhanh chóng kiểm tra, xác minh phát hiện tội phạm.

Hai là, cơ quan, tổ chức tiếp nhận tố giác tội phạm của công dân và báo tin bằng văn bản cho cơ quan điều tra có thẩm quyền.

BLTTHS chưa đưa ra khái niệm để phân biệt tố giác với tin báo về tội phạm. Thông qua quy định của BLTTHS thì tố giác và tin báo về tội phạm khác nhau ở yếu tố chủ thể (chủ thể của tố giác là công dân, chủ thể của tin báo là cơ quan, tổ chức) và hình thức báo tin (công dân có thể tố giác dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng cơ quan, tổ chức thì phải báo tin cho cơ quan điều tra có thẩm quyền bằng văn bản)⁵⁵.

- Tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng

Với sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng thì đây là một kênh thông tin quan trọng để cơ quan có thẩm quyền khởi tố phát hiện và đấu tranh phòng chống tội phạm có hiệu quả. Vì vậy, BLTTHS quy định tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng là một trong những nguồn thông tin để khởi tố vụ án hình sự.

Các tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, đài phát thanh, truyền hình) là kết quả xác minh của phóng viên hoặc phản ánh thư của nhân dân phát hiện tội phạm. Những tin báo này có vai trò rất quan trọng trong phát hiện tội phạm. Vì vậy, BLTTHS quy định trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền khi nhận được các tin báo về tội phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng phải xem xét, xác minh các tin báo đó. Nếu thấy có dấu hiệu tội phạm thì ra quyết định khởi tố vụ án hình sự để điều tra phát hiện tội phạm. Trong trường hợp cơ quan thông tin đại chúng đề nghị cơ quan có thẩm quyền có ý kiến trả lời bạn đọc thì cơ quan được yêu cầu phải có văn bản trả lời cơ

⁵⁵Điều 101 BLTTHS năm 2003.

quan thông tin, báo chí đã đưa tin⁵⁶. Đối với những thông tin về tội phạm được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng rất khó xác định chính xác đó có phải là tin báo về tội phạm hay không nên không phải lúc nào cơ quan có thẩm quyền cũng có thể tiếp nhận và kiểm tra, xác minh đầy đủ. Những trường hợp mà cơ quan báo chí chủ động liên hệ, cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra có thẩm quyền thì đây là tin báo về tội phạm của cơ quan, tổ chức cung cấp nên buộc cơ quan điều tra có thẩm quyền phải tiếp nhận, kiểm tra, xác minh nhằm xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm.

- Cơ quan có thẩm quyền khởi tố trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm

Khi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có những điều kiện thuận lợi để phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm. Còn các cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra có chức năng chính là quản lý nhà nước trong lĩnh vực cụ thể nhưng trong lĩnh vực công tác thường liên quan và có điều kiện dễ dàng phát hiện dấu hiệu tội phạm, do đó trong trường hợp các cơ quan này phát hiện dấu hiệu của tội phạm có trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự trong phạm vi trách nhiệm của mình, hoặc chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để khởi tố vụ án đó⁵⁷.

- Người phạm tội tự thú

Tự thú là tự mình nhận tội và khai báo hành vi phạm tội của mình trong khi chưa ai phát hiện được mình phạm tội. Người nào bị bắt, bị phát hiện về một hành vi phạm tội cụ thể, nhưng trong quá trình điều tra đã tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội khác của mình mà chưa bị phát hiện, thì cũng được coi là tự thú đối với việc tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội của mình mà chưa bị phát hiện⁵⁸. Như vậy, tự thú là việc một người tự mình đến khai báo về hành vi phạm tội của họ trước Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án hoặc cơ quan tổ chức khác.

⁵⁶Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB CAND, năm 2010, tr.243.

⁵⁷Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB CAND, năm 2010, tr.346.

⁵⁸Công văn số 81/2002 ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao.

Khi người phạm tội đến tự thú, cơ quan, tổ chức tiếp nhận phải lập biên bản ghi họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chỗ ở và những lời khai của người tự thú. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận người phạm tội tự thú có trách nhiệm báo ngay cho Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát⁵⁹.

Việc người phạm tội tự khai ra hành vi phạm tội của mình với cơ quan có thẩm quyền là biểu hiện của sự ăn năn hối cải về hành vi trái pháp luật hình sự của mình nên đáng được khoan hồng, nhưng mức độ khoan hồng tới đâu thì lại phải căn cứ vào chính sách hình sự của nhà nước; căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả đã xảy ra, thái độ hợp tác với cơ quan điều tra của người tự thú. BLHS quy định người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự nếu trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm. Trong trường hợp người phạm tội tự thú nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 25 BLHS thì được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 BLHS. Quy định này có ý nghĩa tích cực phòng ngừa, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan điều tra nhanh chóng phát hiện tội phạm và ngăn chặn những hành vi có thể tiếp tục thực hiện tội phạm. Mặt khác, tác động đến tư tưởng của những đối tượng khác đã hoặc đang có hành vi phạm tội kiềm chế hành vi và ý đồ thực hiện tội phạm của họ⁶⁰.

- Kiến nghị khởi tố vụ án hình sự

Điều 100 BLTTHS năm 2003 chưa quy định trực tiếp kiến nghị khởi tố là nguồn thông tin về tội phạm, dựa vào đó cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm để ra quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, tại Điều 103 BLTTHS năm 2003 khi quy định về nhiệm vụ giải quyết, tố giác, tin báo về tội

⁵⁹Xem: Điều 102 Bộ luật tố tụng hình sự.

⁶⁰Trường Đại học Luật TP.HCM, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Hồng Đức-Hội luật Gia Việt Nam, năm 2012, tr.347.

phạm và kiến nghị khởi tố thì kiến nghị khởi tố được quy định gián tiếp. Theo đó, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ mọi kiến nghị khởi tố do cơ quan nhà nước chuyển đến. Trong thời hạn luật định Cơ quan điều tra có thẩm quyền phải kiểm tra xác minh nguồn tin từ kiến nghị khởi tố và quyết định việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Như vậy, theo Điều 103 BLTTHS năm 2003 thì kiến nghị khởi tố cũng là một nguồn thông tin về tội phạm do cơ quan nhà nước cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án. Tuy nhiên, trong quy định của BLTTHS năm 2003 chưa quy định nguồn thông tin này là cơ sở khởi tố vụ án hình sự tại Điều 100 và cũng chưa đưa ra khái niệm về kiến nghị khởi tố, vì vậy khó phân biệt kiến nghị khởi tố với tin báo của cơ quan, tổ chức. Trong Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 22/8/2013 có đưa ra khái niệm như sau: *Kiến nghị khởi tố là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiến nghị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét, xử lý vụ việc có dấu hiệu tội phạm; cơ quan kiến nghị khởi tố phải gửi kèm theo tài liệu, chứng cứ liên quan. Kiến nghị khởi tố phải bằng văn bản.* Như vậy, qua khái niệm này có thể rút ra một số đặc điểm của kiến nghị khởi tố như sau: chủ thể của kiến nghị khởi tố là cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nội dung là yêu cầu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, xử lý vụ việc có dấu hiệu tội phạm; hình thức của kiến nghị bằng văn bản và cơ quan kiến nghị khởi tố phải gửi kèm theo tài liệu, chứng cứ liên quan.

2.2.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thủ tục tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

BLTTHS năm 2003 chưa có điều luật quy định tách bạch rõ ràng về thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Tác giả cho rằng đây là một hạn chế trong quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và thẩm quyền, thủ

tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố là khác nhau. Vì vậy, cần xây dựng để điều chỉnh ở hai điều luật khác nhau trong BLTTHS.

2.2.2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thủ tục tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

Theo quy định tại Điều 103 về giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thì trong đó cũng điều chỉnh về hoạt động tiếp nhận. Việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được quy định ở các Điều 101, 102 và 103 BLTTHS. Theo đó, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm của cá nhân, cơ quan, tổ chức và kiến nghị khởi tố do cơ quan nhà nước chuyển đến. Viện kiểm sát sau khi tiếp nhận phải chuyển ngay các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố kèm theo các tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Các cơ quan, tổ chức khác tiếp nhận tố giác của công dân. Đây là các cơ quan không chuyên trách trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm nhưng có nghĩa vụ tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm góp phần bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan tổ chức, đồng thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công dân tố giác tội phạm nên pháp luật tố tụng hình sự quy định các cơ quan, tổ chức này cũng có trách nhiệm tiếp nhận tố giác tội phạm của công dân, tiếp nhận người phạm tội tự thú, sau đó báo tin ngay bằng văn bản cho Cơ quan điều tra.

Theo Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 22/8/2013 thì thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố được quy định rõ ràng và chi tiết hơn so với quy định của BLTTHS năm 2003, cụ thể⁶¹:

⁶¹Xem Điều 5 & Điều 7 TTLT số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 22/8/2013.

+ Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm bao gồm: Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân; Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân; Cơ quan điều tra của VKSND tối cao; Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát quân sự Trung ương; Bộ đội Biên phòng; Cơ quan Hải quan; Cơ quan Kiểm lâm; Lực lượng Cảnh sát biển; Các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Các cơ quan khác của Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Viện kiểm sát; Công an xã, phường, thị trấn, đồn, trạm Công an; Tòa án; Cơ quan báo chí; Các cơ quan, tổ chức khác.

Sau khi tiếp nhận, các cơ quan trên phải phân loại tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố để giải quyết. Cơ quan điều tra sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình phải tiến hành kiểm tra, xác minh. Những tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì ngay sau khi tiếp nhận phải chuyển tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đó kèm theo các tài liệu có liên quan đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm hoặc tự phát hiện dấu hiệu của tội phạm thuộc quyền hạn điều tra của cơ quan mình thì thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, Cơ quan điều tra có thẩm quyền và tiến hành kiểm tra, xác minh. Trường hợp tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì phải chuyển ngay các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố kèm theo các tài liệu có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết. Viện kiểm sát sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố phải chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết kèm theo các tài liệu có liên quan. Các cơ quan, tổ chức khác, sau khi nhận được tố giác về tội phạm có trách nhiệm báo ngay tin đã nhận được cho Cơ quan điều tra bằng văn bản.

Trường hợp khẩn cấp có thể báo tin trực tiếp hoặc qua điện thoại và các hình thức liên lạc khác nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản.

Các cơ quan, tổ chức sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức mình phải chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; đồng thời, nếu xét thấy không gây khó khăn cho cá nhân, cơ quan, tổ chức báo tin hoặc không làm ảnh hưởng đến việc kiểm tra, xác minh, ngăn chặn ngay tội phạm thì hướng dẫn họ đến đúng cơ quan có thẩm quyền để tố giác, báo tin về tội phạm. Trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay tội phạm, thu thập chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

+ Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận kiến nghị khởi tố bao gồm: Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân; Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân; Cơ quan điều tra của VKSND tối cao; Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát quân sự Trung ương; Viện kiểm sát tiếp nhận và chuyển ngay đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết. Như vậy, chỉ có Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát mới có thẩm quyền tiếp nhận kiến nghị khởi tố. Chủ thể có thẩm quyền tiếp nhận kiến nghị khởi tố là hẹp hơn so với chủ thể có thẩm quyền tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm...

Việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố phải tuân theo quy định của pháp luật. Không được vì bất cứ lý do gì mà từ chối việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, cá nhân, đơn vị tiếp nhận không được tiết lộ nội dung tiếp nhận được cho cá nhân, cơ quan, tổ chức không có thẩm quyền. Cơ quan tiếp nhận phải giữ bí mật cho cơ quan, tổ chức, người cung cấp tin và hướng dẫn họ biện pháp, cách thức giữ bí mật những thông tin đã cung cấp, tố giác. Trường hợp xét thấy cần thiết, cơ quan tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố có trách nhiệm áp dụng hoặc đề nghị áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn về tính mạng,

sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản cho cơ quan, tổ chức đã báo tin, kiến nghị khởi tố; người đã tố giác tội phạm và những người thân thích của họ. Mọi trường hợp không làm hoặc làm trái các quy định về tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố dẫn đến không kịp thời ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ, xóa dấu vết phải bị xử lý theo quy định của pháp luật⁶².

Để đảm bảo hiệu quả của hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thì Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân và Viện kiểm sát các cấp phải tổ chức trực ban hình sự để tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; phân loại và chuyển ngay cho các đơn vị có thẩm quyền giải quyết. Địa điểm tiếp nhận phải đặt ở nơi thuận tiện, có biển ghi tên cơ quan và thông báo rộng rãi để mọi người biết. Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân, Bộ đội Biên phòng, cơ quan Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phân công cán bộ để tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Các cơ quan, tổ chức khác có trách nhiệm tiếp nhận mọi tố giác về tội phạm.

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Bộ đội Biên phòng, cơ quan Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận được tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố qua đơn thư, công văn kiến nghị hoặc nêu trên phương tiện thông tin đại chúng thì phải tiếp nhận và vào sổ tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Nếu cá nhân trực tiếp đến tố giác về tội phạm hoặc đại diện cơ quan, tổ chức trực tiếp đến báo tin về tội phạm thì lập biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm. Nếu cá nhân tố giác về tội phạm hoặc đại diện cơ quan, tổ chức báo tin về tội phạm qua điện thoại, các phương tiện thông tin khác thì phải tiếp nhận và ghi

⁶²Xem: Điều 4 TTLT số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 22/8/2013

vào sổ tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, nếu là tin quan trọng hoặc thấy cần thiết thì có thể ghi âm, ghi hình. Trường hợp người phạm tội đến tự thú thì phải lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú⁶³.

2.2.2.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự thủ tục về giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

Sau khi nhận được tố giác tin báo về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự.

Về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo quy định tại Điều 103 BLTTHS thì chỉ thuộc về Cơ quan điều tra. Viện kiểm sát và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cũng có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự nhưng lại không có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Đây rõ ràng là một điều bất hợp lý trong quy định của BLTTHS năm 2003. Và để khắc phục hạn chế này trong Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 22/8/2013 đã mở rộng phạm vi chủ thể có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Theo đó, ngoài Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết thì tại khoản 2 Điều 9 Thông tư quy định Bộ đội Biên phòng, cơ quan Hải quan, cơ quan Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý mà tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm thuộc quyền hạn điều tra của cơ quan mình thì khẩn trương tiến hành kiểm tra, xác minh, quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự; đồng thời, phải thông báo ngay bằng văn bản cho Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra của cơ quan mình. Trường hợp ra

⁶³Xem: Điều 8 TTLT số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 22/8/2013

Quyết định khởi tố vụ án hình sự thì thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 104 BLTTHS năm 2003. Việc Thông tư mở rộng phạm vi chủ thể có thẩm quyền giải quyết tin báo, tố giác phù hợp với chức năng tổ tụng của các cơ quan này, đáp ứng nhu cầu thực tiễn nhưng không phù hợp với tính hiệu lực của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, hay nói cách khác, quy định hướng dẫn trong thông tư là trái với quy định của BLTTHS năm 2003. Mặt khác, Thông tư cũng có hạn chế khi chưa quy định thẩm quyền giải quyết tin báo, tố giác cho Viện kiểm sát.

Quy định của BLTTHS năm 2003 về tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố và việc tiếp nhận, giải quyết có những hạn chế sau đây:

Thứ nhất, BLTTHS năm 2003 chưa đưa ra khái niệm để phân biệt rõ ràng giữa tố giác tội phạm với tin báo về tội phạm; giữa tin báo về tội phạm với kiến nghị khởi tố và giữa tin báo, tố giác về tội phạm với các khiếu nại, tố cáo khác. Việc BLTTHS năm 2003 không đưa ra được khái niệm và các tiêu chí để phân biệt giữa các nguồn thông tin về tội phạm nói trên gây khó khăn cho các chủ thể có thẩm quyền trong thực tiễn tiếp nhận, phân loại và giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố. Bởi vì theo quy định của pháp luật đối với mỗi nguồn thông tin về tội phạm sẽ do các chủ thể khác nhau có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết, cũng như việc xác định trách nhiệm của cá nhân khi họ không tố giác tội phạm hoặc tố giác sai sự thật và đảm bảo các quyền pháp lý của họ trong quá trình giải quyết tố giác.

Về vấn đề này BLTTHS năm 2015 đã bổ sung tại Điều 144 khi đưa ra khái niệm để xác định tố giác của cá nhân, tin báo của cơ quan, tổ chức và kiến nghị khởi tố, cụ thể: *Tố giác về tội phạm là việc cá nhân phát hiện và tố cáo hành vi có dấu hiệu tội phạm với cơ quan có thẩm quyền;*

Tin báo về tội phạm là thông tin về vụ việc có dấu hiệu tội phạm do cơ quan, tổ chức, cá nhân thông báo với cơ quan có thẩm quyền hoặc thông tin về tội phạm trên phương tiện thông tin đại chúng;

Kiến nghị khởi tố là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiến nghị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét, xử lý vụ việc có dấu hiệu tội phạm; cơ quan kiến nghị khởi tố phải gửi kèm theo tài liệu, chứng cứ liên quan. Tố giác, tin báo về tội phạm có thể bằng lời hoặc bằng văn bản; kiến nghị khởi tố phải bằng văn bản.

Mặc dù, BLTTHS đã đưa ra khái niệm để phân biệt giữa các nguồn thông tin trên nhưng theo tác giả nếu căn cứ vào khái niệm này rất khó để phân biệt giữa “hành vi có dấu hiệu tội phạm” với “thông tin về vụ việc có dấu hiệu tội phạm” do cá nhân cung cấp để phân biệt tố giác với tin báo về tội phạm. Đồng thời, quy định này cũng khó phân biệt tin báo của cơ quan nhà nước với kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước và cũng khó phân biệt giữa tố giác, tin báo về tội phạm với các khiếu nại, tố cáo khác. Tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố ngoài việc xác định rõ ràng về chủ thể tố giác, báo tin, kiến nghị khởi tố thì nội dung tố giác, tin báo phải có các căn cứ, các thông tin cụ thể về dấu hiệu tội phạm và các thông tin này phải có cơ sở xác minh điều tra làm rõ tội phạm. Do đó, quy định này của BLTTHS cần phải được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong cách hiểu về tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố cũng như phân biệt rõ ràng tố giác, tin báo về tội phạm với các thông tin tội phạm thiếu cơ sở trong đơn khiếu nại, tố cáo.

Thứ hai, theo quy định của BLTTHS năm 2003 thì chủ thể có quyền tố giác tội phạm là công dân. Theo Điều 17 Hiến pháp năm 2013, công dân Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Nếu hiểu theo quy định này thì chủ thể có quyền tố giác về tội phạm là rất hẹp, chỉ những người mang quốc tịch Việt Nam mới có quyền tố giác tội phạm trên lãnh thổ Việt Nam. Quy định về chủ thể có quyền tố giác tội phạm trong BLTTHS năm 2003 không phù hợp với thực tiễn. Bởi vì trên lãnh thổ Việt Nam ngoài Công dân Việt Nam còn có những người mang quốc tịch của một quốc gia khác hoặc người không có quốc tịch. Những người này cũng có thể phát hiện và tố cáo hành vi có dấu hiệu tội

phạm với cơ quan có thẩm quyền. Nếu quy định chủ thể tố giác tội phạm là công dân thì những thông tin về tội phạm do người nước ngoài hoặc người không quốc tịch cũng cấp sẽ không được coi là nguồn thông tin về tội phạm.

BLTTHS năm 2015 đã khắc phục hạn chế trong quy định của BLTTHS năm 2003 về phạm vi chủ thể có quyền tố giác tội phạm. Theo đó, chủ thể của tố giác là cá nhân chứ không chỉ là công dân như trong BLTTHS năm 2003. Đồng thời BLTTHS cũng quy định bổ sung kiến nghị khởi tố là cơ sở khởi tố vụ án và đưa ra khái niệm để xác định nguồn thông tin này. Theo tác giả, việc bổ sung này là rất phù hợp và đầy đủ.

Thứ ba, về chủ thể giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm BLTTHS chỉ quy định thẩm quyền giải quyết cho Cơ quan điều tra là quá hẹp. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong lĩnh vực họ quản lý nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm các cơ quan này cũng có thẩm quyền khởi tố vụ án, điều tra vụ án nhưng BLTTHS năm 2003 không quy định thẩm quyền giải quyết tin báo tố giác, kiến nghị khởi tố cho các cơ quan này trong lĩnh vực họ quản lý phù hợp với thẩm quyền điều tra của họ. Theo tác giả quy định này là chưa phù hợp, BLTTHS cần quy định quyền giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm cho cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đối với những tin báo, tố giác về tội phạm thuộc thẩm quyền khởi tố, điều tra của họ.

Mặt khác, Viện kiểm sát với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các hoạt động tư pháp đảm bảo việc phát hiện nhanh chóng kịp thời mọi hành vi phạm tội, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội nhưng BLTTHS không quy định cho Viện kiểm sát thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong một số trường hợp nhất định đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội theo tác giả là chưa phù hợp. Thực tế có nhiều trường hợp Viện kiểm sát phát hiện Cơ quan điều tra vi phạm việc tiếp nhận, giải quyết tố giác tin báo về

tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc bỏ lọt tội phạm, Viện kiểm sát đã yêu cầu nhưng Cơ quan điều tra không khắc phục. Vì vậy, để phát huy vai trò tích cực, chủ động của Viện kiểm sát, đồng thời đảm bảo tính chế ước của Viện kiểm sát đối với Cơ quan điều tra trong việc tiếp nhận và giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố tránh bỏ lọt tội phạm và làm oan người do tội thì BLTTHS cần quy định thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố cho Viện kiểm sát trong một số trường hợp nhất định. Chẳng hạn, trong trường hợp phát hiện Cơ quan điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát đã yêu cầu nhưng không được khắc phục.

Về vấn đề này, BLTTHS năm 2015 đã quy định thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố cho Viện kiểm sát và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, theo đó:

- Cơ quan điều tra giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền điều tra của mình;
- Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của mình;
- Viện kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát đã yêu cầu nhưng không được khắc phục.

Thứ tư, bên cạnh những hạn chế đã phân tích ở trên, BLTTHS năm 2003 còn những hạn chế khác như: chưa quy định rõ ràng về thủ tục tiếp nhận tin báo tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố; chưa quy định về việc các cơ quan sau khi tiếp nhận tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố nếu không thuộc thẩm

quyền của mình thì phải chuyển cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền; chưa quy định về tạm đình chỉ, phục hồi giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố và giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố. Chính những hạn chế này dẫn đến thực tiễn giải quyết tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố của các cơ quan có thẩm quyền gặp nhiều khó khăn, lúng túng và hiệu quả chưa cao.

BLTTHS năm 2015 đã bổ sung nhằm khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong BLTTHS năm 2003 về thủ tục tiếp nhận tin báo tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố; chuyển tin báo tố giác, kiến nghị khởi tố cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền; về tạm đình chỉ, phục hồi giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố và giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố khởi tố như sau:

- Về thẩm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tại Điều 145 quy định cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố gồm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; Cơ quan, tổ chức khác tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm. Về thủ tục tiếp nhận, Điều 146 quy định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền phải lập biên bản tiếp nhận và ghi vào sổ tiếp nhận; có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc tiếp nhận. Trường hợp tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố gửi qua dịch vụ bưu chính, điện thoại hoặc qua phương tiện thông tin khác thì ghi vào sổ tiếp nhận.

- Về chuyển tin báo tố giác, kiến nghị khởi tố cho cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp phát hiện tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển ngay tố

giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố kèm theo tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Viện kiểm sát có trách nhiệm chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố kèm theo tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Công an phường, thị trấn, Đoàn Công an có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Công an xã có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, lấy lời khai ban đầu và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Các cơ quan, tổ chức khác sau khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm thì chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Trường hợp khẩn cấp thì có thể báo tin trực tiếp qua điện thoại hoặc hình thức khác cho Cơ quan điều tra nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc tiếp nhận đó cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền.

Như vậy so với BLTTHS năm 2003, thì BLTTHS 2015 đã có quy định cụ thể về thẩm quyền và thủ tục tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm, chuyển tin báo tố giác, kiến nghị khởi tố cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết.

- Về phục hồi giải quyết tin báo tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Điều 149 quy định khi lý do tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không còn, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyết định phục hồi giải quyết

tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tiếp không quá 01 tháng kể từ ngày ra quyết định phục hồi. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định phục hồi cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

- Về giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Điều 150 quy định tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp giải quyết. Tranh chấp thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra do Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết.

Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra cấp tỉnh, giữa các Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu do VKSND tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương giải quyết. Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nhau, giữa các Cơ quan điều tra quân sự khu vực thuộc các quân khu khác nhau do VKSND cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi đầu tiên tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giải quyết.

Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra của Công an nhân dân, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và Cơ quan điều tra VKSND tối cao do Viện trưởng VKSND tối cao giải quyết.

Việc sửa đổi, bổ sung này xuất phát từ những hạn chế trong quy định của BLTTHS năm 2003 và từ thực tiễn áp dụng các quy định của BLTTHS trong

việc tiếp nhận, giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố nên những quy định sửa đổi này sẽ tạo cơ sở pháp lý hoàn thiện và vững chắc cho thực tiễn tiếp nhận, giải quyết các nguồn thông tin về tội phạm, đáp ứng nhu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

2.3. Các quyết định tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

Trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, các cơ quan có thẩm quyền sẽ xác định một sự việc xảy ra trong thực tế có hay không có dấu hiệu tội phạm để ra một trong hai loại Quyết định: Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Bên cạnh đó, trong quá trình tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền giải quyết sẽ ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố nếu thuộc trường hợp được quy định tại Điều 148 BLTTHS năm 2015.

2.3.1. Quyết định khởi tố vụ án hình sự

Sau khi tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố vụ án hình sự, trong thời hạn 20 ngày, đối với vụ việc phức tạp thời gian là 2 tháng, cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện các hoạt động để kiểm tra, xác minh các nguồn thông tin về tội phạm, nếu sự việc xảy ra có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Trong trường hợp kiểm tra, xác minh đối với những tội phạm thuộc trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, ngoài dấu hiệu tội phạm phải có đơn yêu cầu của người bị hại thì cơ quan có thẩm quyền mới được ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Điều 100 BLTTHS năm 2003 quy định: *Chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm.* BLTTHS năm 2003 quy định dấu hiệu

tội phạm là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nhưng hiện nay căn cứ này vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền giải thích nên trong khoa học pháp lý và thực tiễn áp dụng còn có nhiều cách hiểu khác nhau, cụ thể như sau:

- Quan điểm thứ nhất cho rằng: dấu hiệu tội phạm bao gồm tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; tính có lỗi của hành vi phạm tội; tính trái pháp luật của hành vi phạm tội; tính phải chịu hình phạt. Các dấu hiệu này có thể chưa phản ánh đầy đủ về tội phạm đã xảy ra, nhưng là căn cứ để khẳng định cần phải tiến hành tố tụng để làm rõ vụ việc. Như vậy, để quyết định khởi tố vụ án hình sự cần xác định: Có sự việc xảy ra; Sự việc đó có dấu hiệu tội phạm⁶⁴. Theo quan điểm này thì dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án hình sự được rút ra từ khái niệm tội phạm, đó là các thuộc tính của tội phạm.

- Quan điểm thứ hai cho rằng: dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố được hiểu không hoàn toàn giống các dấu hiệu của tội phạm trong khái niệm tội phạm và dấu hiệu của các yếu tố cấu thành tội phạm trong lý luận về cấu thành tội phạm. Các dấu hiệu của tội phạm được rút ra từ khái niệm tội phạm là những thuộc tính của tội phạm (tính nguy hiểm, tính có lỗi, tính trái pháp luật hình sự và tính phải chịu hình phạt). Một hành vi chỉ bị coi là tội phạm khi có đầy đủ các dấu hiệu nêu trên. Trong lý luận về cấu thành tội phạm, dấu hiệu tội phạm được hiểu là một biểu hiện, một nội dung của các yếu tố cấu thành tội phạm, các dấu hiệu thuộc về mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể của tội phạm. Trong áp dụng luật hình sự để định tội danh không chỉ dựa vào một hoặc một số dấu hiệu mà phải dựa trên tổng thể các dấu hiệu của cấu thành tội phạm. Theo quan điểm này, dấu hiệu tội phạm phải được hiểu theo nghĩa chung, khái quát, đó là những biểu hiện, những khía cạnh của tội phạm được chứng minh, xác định bằng chứng cứ cụ thể. Sự khác nhau về dấu hiệu tội phạm trong căn cứ khởi tố với dấu hiệu tội phạm trong khái niệm tội phạm là

⁶⁴Trường Đại học Luật TP.HCM, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Hồng Đức-Hội luật Gia Việt Nam, năm 2012, tr. 347.

tính đầy đủ⁶⁵. Như vậy, quan điểm này đã phân biệt được dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án hình sự với dấu hiệu tội phạm trong khái niệm tội phạm và cấu thành tội phạm.

- Quan điểm thứ ba cho rằng, dấu hiệu tội phạm là những dấu hiệu được quy định trong BLHS thể hiện trong Điều 8. Những dấu hiệu tội phạm được thể hiện trong các sự việc, sự kiện phạm tội là việc có dấu hiệu hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện. Cần phải chú ý trong giai đoạn khởi tố các cơ quan có thẩm quyền chưa thể ngay lập tức xác định được đầy đủ các dấu hiệu tội phạm. Cho nên khi có sự việc xảy ra chỉ cần xác định có hành vi nguy hiểm cho xã hội là đã có căn cứ ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Việc làm rõ, đầy đủ các dấu hiệu tội phạm phải trải qua quá trình điều tra mới xác định được⁶⁶.

Như vậy, mặc dù có những cách tiếp cận và diễn đạt khác nhau nhưng có thể thấy cả ba quan điểm trên đều thống nhất về dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án hình sự ở những nội dung sau: *Một là*, dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án chính là những dấu hiệu của tội phạm được quy định trong BLHS. Nó là căn cứ để phân biệt tội phạm với các hành vi không phải là tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác. *Hai là*, dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án chỉ khác dấu hiệu tội phạm trong BLHS ở tính đầy đủ của nó. Dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án không đòi hỏi phải xác định đầy đủ như dấu hiệu tội phạm trong khái niệm tội phạm và dấu hiệu tội phạm trong các cấu thành tội phạm trong BLHS. Dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án hình sự có thể chỉ là một hoặc một vài dấu hiệu trong mặt khách của tội phạm như dấu hiệu về hành vi, hậu quả... Kết quả điều tra, truy tố, xét xử sau đó mới xác định chính xác và đầy đủ các dấu hiệu còn lại của tội phạm giúp cơ quan có thẩm quyền định tội danh và quyết định hình phạt chính xác.

⁶⁵Phan Văn Tuyên, Khởi tố vụ án hình sự những vấn đề lý luận và thực tiễn, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP HCM, năm 2009, tr. 14&15.

⁶⁶GS.TS Đỗ Ngọc Quang, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, Học viện cảnh sát nhân dân, năm 2007, tr. 339.

Quyết định khởi tố vụ án hình sự là một văn bản tố tụng do chủ thể có thẩm quyền ban hành, theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định khi xác định có dấu hiệu tội phạm làm cơ sở để tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLTTHS năm 2003, Quyết định khởi tố vụ án hình sự phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau: Thời gian, căn cứ khởi tố, điều khoản của BLHS được áp dụng; Họ tên, chức vụ người ra quyết định.

Quyết định khởi tố vụ án hình sự là cơ sở pháp lý quan trọng định hướng cho các hoạt động tố tụng tiếp theo. Sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra và ban hành các quyết định tố tụng khác để giải quyết vụ án. Để đảm bảo việc phát hiện và xử lý nhanh chóng tội phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 104 BLTTHS năm 2003, trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự:

- Viện kiểm sát khởi tố thì quyết định khởi tố được gửi đến Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra;

- Cơ quan điều tra, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyết định khởi tố thì quyết định khởi tố vụ án phải được gửi đến Viện kiểm sát để kiểm sát việc khởi tố;

- Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố thì quyết định khởi tố được gửi đến Viện kiểm sát để xem xét, quyết định việc điều tra; yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử được gửi cho Viện kiểm sát để xem xét, quyết định việc khởi tố.

Việc khởi tố vụ án mới chỉ dựa trên những dấu hiệu ban đầu của hành vi phạm tội, vì vậy tội phạm bị khởi tố có thể không thực sự chính xác. Sau khi khởi tố vụ án, cơ quan có thẩm quyền điều tra thu thập chứng cứ, tài liệu làm

sáng tỏ hành vi phạm tội cũng như những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 63 BLTTHS năm 2003. Nếu những chứng cứ được thu thập, củng cố đưa đến kết luận rằng những nhận thức ban đầu về tội phạm khi khởi tố vụ án không đúng với hành vi phạm tội đã xảy ra hoặc còn phát hiện thêm tội phạm khác thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự cho phù hợp. Theo quy định tại Điều 106 BLTTHS năm 2003 thì khi có căn cứ xác định tội phạm đã khởi tố không đúng với hành vi phạm tội xảy ra hoặc còn tội phạm khác thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Như vậy, thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự rất rộng nhưng thẩm quyền thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự thì BLTTHS chỉ quy định cho Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát mà không quy định cho tất cả các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án.

Đối với đơn vị bộ đội biên phòng, hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển khi phát hiện hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự được khởi tố vụ án đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong những trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng, sau đó tiến hành điều tra và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn hai mươi ngày kể từ ngày khởi tố vụ án nên vấn đề thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố không đặt ra. Sau khi nhận hồ sơ vụ án, nếu thấy cần phải thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố thì Viện kiểm sát thực hiện. Đối với trường hợp tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp các cơ quan này chỉ khởi tố vụ án, tiến hành những hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án. Do đó, với thời hạn bảy ngày các cơ quan đơn vị nói trên không đủ điều kiện thu thập các tài liệu, chứng cứ đủ để thay đổi hoặc bổ sung

quyết định khởi tố vụ án. Việc bổ sung, thay đổi quyết định khởi tố trong trường hợp này do cơ quan điều tra thực hiện⁶⁷.

Đối với các cơ quan khác trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong khi làm nhiệm vụ của mình, nếu phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì quyết định khởi tố vụ án, tiến hành những hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn, bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố⁶⁸. Do vậy, với thời hạn bảy ngày, các cơ quan này không đủ điều kiện thu thập các tài liệu, chứng cứ đủ để thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án. Việc bổ sung, thay đổi quyết định khởi tố trong trường hợp này cũng do cơ quan điều tra thực hiện.

Theo quy định tại Điều 156 BLTTHS năm 2015 thì thẩm quyền thay đổi bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự đã được mở rộng cho cả cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Theo quy định tại Điều 156 BLTTHS, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự khi có căn cứ xác định tội phạm đã khởi tố không đúng với hành vi phạm tội xảy ra; ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự khi có căn cứ xác định còn tội phạm khác chưa bị khởi tố.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định kèm theo các tài liệu liên quan đến việc thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố. Tiếp theo, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi

⁶⁷Trường Đại học Luật TP.HCM, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Hồng Đức-Hội luật Gia Việt Nam, năm 2012, tr.353 &354.

⁶⁸Xem khoản 2 Điều 111 BLTTHS năm 2003.

hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát phải gửi cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra.

Việc bổ sung thẩm quyền thay đổi bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự cho các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra này là phù hợp. Vì khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực và địa bàn quản lý của mình thì đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng thì các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, tiến hành điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Nên các cơ quan này phải được quyền quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự khi có căn cứ xác định tội phạm đã khởi tố không đúng với hành vi phạm tội xảy ra hoặc ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự khi có căn cứ xác định còn tội phạm khác chưa bị khởi tố.

2.3.2. Quyết định không khởi tố vụ án hình sự

Theo quy định tại Điều 108 BLTTHS năm 2003 thì khi tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố nếu cơ quan có thẩm quyền xác định sự việc xảy ra không có dấu hiệu tội phạm hoặc có dấu hiệu tội phạm nhưng có một trong những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự được quy định tại Điều 107 BLTTHS năm 2003 thì cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Theo quy định tại Điều 107 BLTTHS năm 2003, các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự bao gồm:

- Không có sự việc phạm tội

Khi tiếp nhận các tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố các cơ quan có thẩm quyền phải kiểm tra, xác minh tin báo, tố giác. Nếu sự việc được

nêu trong tin báo, tố giác là có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền phải ra quyết định khởi tố. Còn nếu không có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Không có sự việc phạm tội có thể biểu hiện ở hai khía cạnh. *Một là*, hoàn toàn không có sự việc xảy ra như tin báo, tố giác. *Hai là*, có sự việc xảy ra nhưng sự việc đó không có dấu hiệu tội phạm, nghĩa là mặc dù có sự việc xảy ra, nhưng sự việc đó không do hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra⁶⁹.

- Hành vi không cấu thành tội phạm

Pháp luật hình sự Việt Nam chỉ quy định trách nhiệm hình sự đối với hành vi cụ thể xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ. Theo nguyên tắc hành vi thì tội phạm phải là một hành vi của con người, những gì mới chỉ có trong ý thức, tư tưởng chưa được thể hiện ra bên ngoài bằng hành vi cụ thể thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Con người bằng hành vi hoặc thông qua hành vi cụ thể của mình mới có thể gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ.

Căn cứ vào định nghĩa tội phạm được quy định tại Điều 8 BLHS thì hành vi phạm tội (hành vi cấu thành tội phạm) thỏa mãn bốn dấu hiệu sau: tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi, tính có lỗi của hành vi, tính trái pháp luật hình sự và tính phải chịu hình phạt⁷⁰. Như vậy, hành vi không cấu thành tội phạm là hành vi thiếu một trong các dấu hiệu nêu trên.

- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự

Tuổi chịu trách nhiệm hình sự là một dấu hiệu thuộc về yếu tố chủ thể trong cấu thành tội phạm trong BLHS. Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam chủ thể của tội phạm phải là người có khả năng chịu trách

⁶⁹ Giáo trình luật Tố tụng hình sự của Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB CAND năm 2010, tr. 254.

⁷⁰ GS.TS. Võ Khánh Vinh, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung), NXB CAND, Hà Nội, năm 2008, tr.124&125.

nhiệm hình sự trong trường hợp người đó thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, hành vi nguy hiểm cho xã hội được luật hình sự quy định là tội phạm. Luật hình sự tác động đến hành vi của con người, gắn trách nhiệm hình sự với khả năng của con người trong việc nhận thức và điều khiển hành vi của cá nhân. Các dấu hiệu thể hiện khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của cá nhân có ý nghĩa pháp lý hình sự bao gồm: Có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định theo luật định. Đây là hai dấu hiệu bắt buộc để coi một người là chủ thể của tội phạm. Người có các dấu hiệu đặc biệt của chủ thể được điều luật tương ứng của BLHS quy định gọi là chủ thể đặc biệt⁷¹.

Theo quy định tại Điều 12 BLHS năm 1999 sửa đổi năm 2009 thì tuổi chịu trách nhiệm hình sự được quy định như sau:

Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Vấn đề tuổi chịu trách nhiệm hình sự được quy định khác nhau giữa các quốc gia và trong pháp luật hình sự Việt Nam vấn đề này cũng có sự khác nhau trong các giai đoạn phát triển của pháp luật hình sự. Theo quy định của pháp luật hình sự có thể thấy căn cứ pháp lý cho việc quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là trên cơ sở loại tội phạm và hình thức lỗi. Cần lưu ý rằng việc quy định độ tuổi chung của việc chịu trách nhiệm hình sự là từ đủ 16 tuổi trở lên không có nghĩa là từ độ tuổi đó trách nhiệm hình sự có thể áp dụng đối với mọi tội phạm. Trong BLHS Việt Nam còn có các tội danh quy định những dấu hiệu đặc biệt của chủ thể hoặc các đặc điểm của mặt khách quan mà chỉ do người thành niên thực hiện. Ví dụ: chủ thể của tội giao cấu với trẻ em phải là người

⁷¹GS.TS. Võ Khánh Vinh, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung), NXB CAND, Hà Nội, năm 2008, tr. 208.

đã thành niên, tức là người từ đủ 18 tuổi trở lên mới là chủ thể của tội phạm này⁷². Vì vậy, khi kiểm tra căn cứ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự ngoài quy định chung tại Điều 12 BLHS thì cơ quan có thẩm quyền còn phải căn cứ vào cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong phần các tội phạm trong BLHS.

- Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật

Khoản 7 Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên quy định: “*Không ai bị đưa ra xét xử hoặc bị trừng trị lần thứ hai về cũng một tội phạm mà người đó đã bị kết án hoặc đã được tuyên trắng án phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của mỗi nước*”.

Với tư cách là một thành viên của Công ước này, Việt Nam phải nội luật hóa và thực hiện đầy đủ tinh thần của Công ước. Trong Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam tại khoản 3 Điều 31 quy định: “*Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm*”. Cụ thể hóa tinh thần của Hiến pháp, khoản 4 Điều 107 BLTTHS đã quy định căn cứ không khởi tố vụ án hình sự đối với *Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật*. Bản án, quyết định đình chỉ vụ án thể hiện quan điểm xử lý của nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước được ủy quyền căn cứ trên quy định của pháp luật và thông qua một thủ tục tố tụng thống nhất. Bản án và quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật thì phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành. Khi một người mà hành vi phạm tội của họ đã bị phán quyết bằng bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án trong các giai đoạn khác nhau của

⁷² GS.TS Võ Khánh Vinh, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung), NXB CAND, Hà Nội, năm 2008, tr.217 &218.

quá trình giải quyết vụ án hình sự thì cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự không được quyền khởi tố lần thứ hai về hành vi phạm tội mà họ đã bị xử lý trước đó. Nếu có căn cứ xác định bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đã có hiệu lực pháp luật nhưng có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có tình tiết mới làm thay đổi căn bản nội dung bản án, quyết định đình chỉ vụ án đã có hiệu lực pháp luật thì những người có thẩm quyền có thể kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự để khắc phục những vi phạm, sai lầm đó⁷³.

- Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

Theo quy định tại Điều 23 BLHS thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn mà BLHS quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là: Năm năm đối với tội phạm ít nghiêm trọng; Mười năm đối với tội nghiêm trọng; Mười lăm năm đối với tội rất nghiêm trọng; Hai mươi năm đối với tội đặc biệt nghiêm trọng.

Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn này người phạm tội lại phạm tội mới mà BLHS quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên một năm tù thì thời hạn đã qua không được tính và thời hiệu đối với tội cũ được tính lại từ ngày phạm tội mới. Nếu trong thời hạn nói trên người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã thì thời gian trốn tránh không được tính vào thời hiệu; thời hiệu được tính lại kể từ ngày người đó ra tự thú hoặc bị bắt giữ.

Điều 24 BLHS quy định không áp dụng thời hiệu đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia và tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh do đó đối với các tội phạm này không áp dụng căn cứ không khởi tố vụ án hình sự vì hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

⁷³ Giáo trình luật Tố tụng hình sự của Trường Đại học Luật Hà nội, NXB CAND năm 2010, tr. 256.

Khi hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự nêu trên, trong trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội không trốn tránh pháp luật, nhưng vì lý do nào đó mà vụ án không được cơ quan thẩm quyền khởi tố để giải quyết nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự người đã thực hiện hành vi phạm tội, thì đã thực hiện hành vi phạm tội sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện. Vì vậy, khi đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì cơ quan có thẩm quyền không được khởi tố vụ án hình sự với hành vi đó⁷⁴.

- Tội phạm được đại xá

Đại xá là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo luật định quyết định miễn trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt, hoặc thay đổi hình phạt đã tuyên bằng một hình phạt nhẹ hơn đối với một loại người phạm tội nhất định⁷⁵.

Theo quy định tại khoản 11 Điều 70 của Hiến pháp năm 2013 thì đại xá thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Hình thức và mức độ đại xá được nêu rõ trong văn bản đại xá. Trong văn bản đại xá có thể công bố vô tội, phóng thích hoặc miễn trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với một loại, hoặc một số loại can phạm nào đó. Văn bản đại xá có hiệu lực đối với những hành vi phạm tội được nêu trong văn bản này đã xảy ra trước khi ban hành văn bản đại xá. Đối với những tội phạm được đại xá đã xảy ra trước khi ban hành đại xá thì cơ quan có thẩm quyền không được khởi tố vụ án. Những vụ án đã được khởi tố, điều tra, truy tố hay đang xét xử đều được đình chỉ khi tội phạm được đại xá⁷⁶.

- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác

Việc khởi tố vụ án nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Mục đích của hình phạt được áp dụng đối với người

⁷⁴Trường Đại học Luật TP.HCM, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Hồng Đức-Hội luật Gia Việt Nam, năm 2012, tr. 358.

⁷⁵GS.TS. Võ Khánh Vinh, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung), NXB CAND, Hà Nội, năm 2008, tr. 502.

⁷⁶Trường Đại học Luật TP.HCM, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Hồng Đức-Hội luật Gia Việt Nam, năm 2012, tr. 359.

phạm tội nhằm giáo dục, cải tạo và trừng trị họ. Vì thế, khi người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết thì không cần khởi tố vụ án nữa. Việc tiến hành tố tụng đối với một người đã chết là hoàn toàn vô nghĩa. Do đó, nếu người thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội đã chết thì cơ quan có thẩm quyền không được khởi tố vụ án, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác⁷⁷.

BLTTHS năm 2015 quy định về các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự đã kế thừa các quy định của BLTTHS năm 2003. Bên cạnh những căn cứ không khởi tố vụ án đã được quy định trong BLTTHS năm 2003 như đã phân tích ở trên thì BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm căn cứ không khởi tố vụ án hình sự tại khoản 8 Điều 157: *“Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của BLHS mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố”*. Theo tác giả việc BLTTHS năm 2015 bổ sung thêm căn cứ này là phù hợp, nhằm đảm bảo tính thống nhất, tính minh thị và chặt chẽ cho việc áp dụng pháp luật.

Quyết định không khởi tố vụ án hình sự là văn bản pháp lý của người có thẩm quyền xác định nguồn tin về tội phạm không có căn cứ khởi tố vụ án hình sự. Khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 107 BLTTHS năm 2003, cơ quan có quyền khởi tố vụ án sẽ ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Nếu đã khởi tố thì ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác hoặc báo tin về tội phạm biết rõ lý do; nếu xét cần xử lý bằng biện pháp khác thì chuyển hồ sơ cho cơ quan, tổ chức hữu quan giải quyết.

Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự, và các tài liệu liên quan phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định. Cơ quan, tổ

⁷⁷Trường Đại học Luật TP.HCM, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Hồng Đức-Hội luật Gia Việt Nam, năm 2012, tr. 359.

chức, cá nhân đã tố giác hoặc báo tin về tội phạm có quyền khiếu nại quyết định không khởi tố vụ án theo quy định của BLTTHS.

Cơ quan có thẩm quyền sau khi ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, phải thông báo về quyết định này cho công dân, tổ chức xã hội, hoặc cơ quan nhà nước đã tố giác hoặc báo tin về tội phạm. Nếu xét thấy cần xử lý bằng biện pháp khác thì chuyển hồ sơ cho cơ quan hoặc tổ chức hữu quan giải quyết.

Cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước đã tố giác hoặc báo tin về tội phạm có quyền khiếu nại quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Thẩm quyền và thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định tại Chương XXXV BLTTHS năm 2003.

Như vậy, có thể thấy quy định của BLTTHS năm 2015 về quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự giống với quy định của BLTTHS năm 2003. Tuy nhiên, đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự thì Điều 154 BLTTHS năm 2015 có quy định phải ghi rõ căn cứ khởi tố, điều, khoản của BLHS được áp dụng và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này, bao gồm: Số, ngày, tháng, năm, địa điểm ban hành văn bản tố tụng; Căn cứ ban hành văn bản tố tụng; Nội dung của văn bản tố tụng; Họ tên, chức vụ, chữ ký của người ban hành văn bản tố tụng và đóng dấu. Trong khi đó, quyết định không khởi tố vụ án hình sự được quy định tại Điều 158 BLTTHS năm 2015 thì không quy định những nội dung cụ thể của quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Theo tác giả về vấn đề này cần có sự quy định để đảm bảo sự thống nhất trong quá trình áp dụng.

2.3.3. Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

Sau khi tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố vụ án hình sự, trong thời hạn 20 ngày, đối với vụ việc phức tạp thời gian là 2 tháng, cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện các hoạt động để kiểm tra, xác minh các

nguồn thông tin về tội phạm, nếu sự việc xảy ra có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh trong thời hạn quy định tại khoản này thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể gia hạn một lần nhưng không quá 02 tháng.

Tuy nhiên, sau khi đã hết thời gian gia hạn, cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa thể ra quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự vì một trong hai lý do sau:

- Đã trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả;
- Đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án nhưng chưa có kết quả.

Trong trường hợp này, theo quy định tại Điều 148 BLTTHS năm 2015, cơ quan có thẩm quyền giải quyết sẽ ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Trường hợp tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì việc giám định, định giá tài sản hoặc tương trợ tư pháp vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả. Việc bổ sung các trường hợp được tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố này sẽ khắc phục được những vi phạm về thời hạn giải quyết tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố, tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với những trường hợp nêu trên.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 148 BLTTHS năm 2015, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định tạm đình chỉ kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền

để kiểm sát và gửi quyết định tạm đình chỉ đó cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Trong trường hợp quyết định tạm đình chỉ được đưa ra nhưng không có căn cứ thì Viện kiểm sát sẽ ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ để tiếp tục giải quyết. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ, Viện kiểm sát phải gửi quyết định đó cho Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tiếp không quá 01 tháng kể từ ngày Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận được quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ.

2.4. Thời hạn khởi tố vụ án hình sự

Thời hạn tố tụng dành cho giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được luật tố tụng hình sự quy định chặt chẽ để hạn chế việc kéo dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người chịu tác động của hành vi phạm tội, đặc biệt là người bị hại, cũng như sớm lập lại trật tự kỷ cương pháp luật.

Hiện nay, liên quan đến thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, theo quy định tại Điều 103 BLTTHS năm 2003 thì: *“Trong thời hạn hai mươi ngày kể từ khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự”*. Trong trường hợp sự việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết tố giác và tin báo có thể dài hơn nhưng không quá hai tháng.

Luật quy định thời hạn cụ thể trên để kiểm tra, xác minh các tin tức về tội phạm nhằm đề cao trách nhiệm của Cơ quan điều tra khi nhận được nguồn tin về tội phạm phải chủ động áp dụng các biện pháp do luật định để làm sáng tỏ

có hay không có dấu hiệu tội phạm để khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Thời hạn kiểm tra, xác minh các tin báo về tội phạm như trên, một mặt đảm bảo vụ việc được giải quyết kịp thời. Mặt khác, đảm bảo cho cơ quan khởi tố vụ án hình sự có đủ thời gian cần thiết tiến hành các hoạt động cần thiết để Cơ quan điều tra có quyết định đúng đắn⁷⁸. Để quyết định khởi tố vụ án, đối với các nguồn tin về tội phạm, Cơ quan điều tra phải tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh. Khi kiểm tra, xác minh các tin tức về tội phạm, Cơ quan điều tra có quyền thu thập thông tin, tài liệu, đồ vật từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin; tiến hành một số hoạt động điều tra mang pháp luật tố tụng hình sự quy định cho phép thực hiện trước khi có quyết định khởi tố vụ án để xác định dấu hiệu tội phạm như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, trưng cầu giám định. Kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước phải được Cơ quan điều tra gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và thông báo cho cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác biết. Đồng thời, Cơ quan điều tra phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người đã tố giác tội phạm⁷⁹.

Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết vụ án hình sự có nhiều vụ việc tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không thể giải quyết được trong thời hạn hai tháng nên phải kéo dài dẫn đến vi phạm về thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Cơ quan điều tra, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân. Việc kéo dài thời hạn dẫn đến vi phạm có nhiều nguyên nhân, trong đó việc BLTTHS quy định thời hạn trên là quá ngắn sẽ không thể đủ thời gian để cơ quan có thẩm quyền xác minh, xử lý tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố đặc biệt là đối với các địa phương lớn có số lượng tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố nhiều. Số lượng tố giác, tin báo kiến nghị khởi tố lớn cộng với thời hạn giải quyết ngắn gây áp lực cho cơ quan có

⁷⁸ Trường Đại học Luật TP.HCM, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Hồng Đức - Hội luật Gia Việt Nam, năm 2012, tr.350.

⁷⁹ Điều 103 BLTTHS năm 2003.

thẩm quyền.

Nhận thức được những bất cập trong quy định về thời hạn giải quyết tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố trong BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 đã tăng thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố. Theo quy định tại Điều 147 BLTTHS 2015 thì: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải kiểm tra, xác minh và ra một trong các quyết định: Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định không khởi tố vụ án hình sự; Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Trong trường hợp vụ việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có thể kéo dài nhưng không quá 02 tháng. Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh trong thời hạn quy định tại khoản này thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể gia hạn một lần nhưng không quá 02 tháng. Chậm nhất là 05 ngày trước khi hết thời hạn kiểm tra, xác minh quy định tại khoản này, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh.

BLTTHS năm 2015 tăng thời hạn giải quyết tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố nhằm khắc phục tình trạng vi phạm thời hạn giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố, đảm bảo việc phát hiện và xử lý nhanh chóng kịp thời mọi tội phạm, đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

2.5. Hoạt động kiểm sát khởi tố vụ án hình sự

Hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được biểu hiện qua những biện pháp mà Viện kiểm sát sử dụng để phát hiện và yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án

khắc phục vi phạm. Theo quy định pháp luật hiện hành, việc kiểm sát khởi tố vụ án hình sự của Viện kiểm sát được thực hiện thông qua các hoạt động cụ thể như sau:

- Kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố;
- Kiểm sát quyết định khởi tố vụ án hình sự;
- Kiểm sát quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

2.5.1. Hoạt động kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố

Hoạt động kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Viện kiểm sát có vai trò quan trọng bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội đều được phát hiện và xử lý kịp thời, đúng pháp luật. Kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố là một trong những nội dung quan trọng trong hoạt động kiểm sát khởi tố vụ án hình sự của Viện kiểm sát.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 103 BLTTHS năm 2003 thì Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết của Cơ quan điều tra đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Quy định này của BLTTHS chỉ mang tính nguyên tắc định hướng cho hoạt động của Viện kiểm sát trong việc kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố. BLTTHS năm 2003 chưa quy định cụ thể nội dung, cách thức và thủ tục để Viện kiểm sát thực hiện được quyền năng pháp lý này. Thông qua quy định của BLTTHS năm 2003 về trình tự tiếp nhận và giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm thì có thể xác định được những vấn đề mà Viện kiểm sát phải kiểm sát trong việc tiếp nhận và giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố bao gồm những vấn đề sau:

- Kiểm sát việc tiếp nhận tin báo của các chủ thể có thẩm quyền đảm bảo việc tiếp nhận đầy đủ và kịp thời đối với tất cả các tin báo, tố giác, kiến nghị

khởi tố và kiểm sát việc chuyển các nguồn thông tin về tội phạm mà họ đã tiếp nhận đến cơ quan điều tra có thẩm quyền để xem xét giải quyết;

- Kiểm sát việc phân loại và thụ lý của cơ quan điều tra nhằm đảm bảo cơ quan điều tra có thẩm quyền sau khi tiếp nhận phải kịp thời phân loại và xử lý tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố theo đúng thẩm quyền mà pháp luật tố tụng hình sự quy định. Những vụ việc nào không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì phải chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét giải quyết;

- Kiểm sát thời hạn giải quyết tin báo tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo quy định tại Điều 103 BLTTHS năm 2003 nhằm đảm bảo các nguồn thông tin về tội phạm phải được giải quyết nhanh chóng kịp thời, hạn chế tình trạng giải quyết quá hạn;

- Kiểm sát các hoạt động của Cơ quan điều tra trong việc kiểm tra xác minh nguồn thông tin về tội phạm;

- Kiểm sát việc kết thúc xác minh và ra quyết định giải quyết của Cơ quan điều tra đảm bảo tính có căn cứ và hợp pháp;

- Sau khi kiểm sát việc tiếp nhận các nguồn thông tin về tội phạm, Viện kiểm sát kiểm sát thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố đảm bảo việc tuân thủ pháp luật của cơ quan điều tra trong việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Đồng thời, phát hiện kịp thời những vi phạm, sai sót của cơ quan có thẩm quyền đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội;

- Kiểm sát việc trả lời, thông báo kết quả xác minh cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã báo tin, tố giác, kiến nghị khởi tố đảm bảo cơ quan điều tra thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật⁸⁰.

Bất cập nêu trên đã được BLTTHS năm 2015 khắc phục khi BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể về đối tượng của hoạt động kiểm sát. Theo Điều 160 BLTTHS, Viện kiểm sát kiểm sát việc tiếp nhận, trực tiếp kiểm sát, kiểm

⁸⁰Nguyễn Văn Thuận, Kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự- Lý luận và thực tiễn, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật TP.HCM, năm 2013, tr .43.

sát việc kiểm tra, xác minh và việc lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; kiểm sát việc tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; kiểm sát việc phục hồi giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Đồng thời, BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể về cách thức kiểm sát và quyền hạn cụ thể khi thực hiện hoạt động kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Theo Điều 169 BLTTHS năm 2015, khi phát hiện việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động: Tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, ra quyết định giải quyết nguồn tin về tội phạm đầy đủ, đúng pháp luật; Kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; Cung cấp tài liệu về vi phạm pháp luật trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm; Khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý nghiêm người vi phạm; Yêu cầu thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra; Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm; Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm. Việc BLTTHS quy định cụ thể về những vấn đề này sẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động kiểm sát của viện kiểm sát. Đảm bảo việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố của các cơ quan có thẩm quyền là đầy đủ, đúng quy định pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong hoạt động tố tụng hình sự.

2.5.2. Hoạt động kiểm sát việc ra các quyết định trong khởi tố vụ án hình sự

2.5.2.1. Hoạt động kiểm sát việc ra quyết định khởi tố vụ án hình sự

Quyết định khởi tố vụ án hình sự là cơ sở pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật tố tụng hình sự, đảm bảo tính có căn cứ và hợp pháp cho các hoạt

động tố tụng tiếp theo, cũng như góp phần quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Chính vì vậy, để đảm bảo cho quyết định khởi tố vụ án hình sự là có căn cứ và hợp pháp thì Viện kiểm sát phải kiểm sát chặt chẽ các quyết định khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, của Hội đồng xét xử và của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 104 BLTTHS năm 2003, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án Cơ quan điều tra, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Hội đồng xét xử phải gửi quyết định khởi tố kèm theo tài liệu liên quan đến việc khởi tố vụ án hình sự tới Viện kiểm sát để kiểm sát việc khởi tố. Trong BLTTHS chưa quy định cụ thể nội dung, cách thức, thủ tục kiểm sát của Viện kiểm sát đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự. Theo Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP quy định trong thời hạn 3 ngày, kể từ khi nhận được quyết định khởi tố và các tài liệu có liên quan, nếu thấy đủ căn cứ thì Viện kiểm sát phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan điều tra biết; nếu chưa đủ căn cứ thì có văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung tài liệu, chứng cứ. Trường hợp đủ căn cứ chứng tỏ rằng quyết định khởi tố rõ ràng là không có căn cứ thì Viện kiểm sát có văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định hủy bỏ; nếu Cơ quan điều tra không nhất trí thì Viện kiểm sát căn cứ Khoản 2 Điều 109 của BLTTHS ra quyết định hủy bỏ. Như vậy, có thể thấy khi kiểm sát quyết định khởi tố vụ án hình sự thì Viện kiểm sát trước hết phải kiểm sát tính có căn cứ của quyết định khởi tố. Tính có căn cứ trong quyết định khởi tố mà viện kiểm sát phải xác định là sự việc xảy ra có dấu hiệu tội phạm hay không, nếu có thì dấu hiệu tội phạm có đúng với hành vi phạm tội bị khởi tố hay không; có bỏ lọt tội phạm và người phạm tội hay không; có căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự được quy định tại Điều 107 hay không; trong trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì có đơn yêu cầu của

người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật hay không. Bên cạnh tính có căn cứ của quyết định khởi tố vụ án thì Viện kiểm sát cũng phải kiểm sát tính hợp pháp của quyết định này. Để kiểm sát tính hợp pháp của quyết định khởi tố thì Viện kiểm sát cần phải xem xét thẩm quyền khởi tố có đúng quy định tại Điều 104 và Điều 111 BLTTHS năm 2003 hay không; hình thức và nội dung của quyết định khởi tố có đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật; các hoạt động tố tụng được thực hiện trong giai đoạn này có vi phạm pháp luật hay không; các chứng cứ được thu thập có đảm bảo các thuộc tính hay không.

Sau khi kiểm sát quyết định khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan có thẩm quyền khởi tố nếu quyết định khởi tố vụ án có căn cứ và hợp pháp thì Viện kiểm sát phân công kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án hình sự và thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã khởi tố biết. Nếu quyết định khởi tố vụ án thiếu căn cứ Viện kiểm sát có thể yêu cầu cơ quan đã ra quyết định bổ sung chứng cứ để làm rõ tính có căn cứ của việc khởi tố vụ án. Khi phát hiện những thiếu sót về tính hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án thì Viện kiểm sát kiến nghị cơ quan đã ra quyết định khởi tố vụ án có biện pháp khắc phục, giải quyết kịp thời⁸¹. Nếu quyết định khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ thì theo quy định tại khoản 2 Điều 109, Viện kiểm sát sẽ ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án đó.

Đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát phải kiểm sát để đảm bảo tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định đó. Nếu quyết định khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử là có căn cứ thì Viện kiểm sát chuyển quyết định đó và tài liệu liên quan đến cơ quan điều tra để tiến hành điều tra (khoản 3 Điều 104 BLTTHS). Nếu quyết định khởi tố vụ

⁸¹Xem mục 7 TTLT số 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003.

án hình sự của Hội đồng xét xử không có căn cứ thì Viện kiểm sát kháng nghị lên tòa án cấp trên (khoản 3 Điều 109 BLTTHS).

Đối với trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại trong hoạt động kiểm sát quyết định khởi tố vụ án hình sự của Viện kiểm sát thì về nguyên tắc Viện kiểm sát cũng tiến hành kiểm sát tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án hình sự giống như đối với các vụ án thông thường khác. Chỉ khác biệt ở chỗ Viện kiểm sát phải nghiên cứu, xem xét để xác định việc khởi tố vụ án có thuộc các trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại hay không; người bị hại có yêu cầu khởi tố hay không, nội dung và hình thức đơn đã đầy đủ hay chưa.

2.5.2.2. Hoạt động kiểm sát việc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự

Cũng giống như quyết định khởi tố vụ án hình sự thì quyết định không khởi tố vụ án cũng cần được kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 108 BLTTHS năm 2003, khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 107 BLTTHS thì người có thẩm quyền khởi tố ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự; Nếu đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự thì phải ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác hoặc báo tin biết rõ lý do; nếu xét cần xử lý bằng biện pháp khác thì chuyển hồ sơ cho cơ quan, tổ chức hữu quan giải quyết. Quyết định không khởi tố vụ án và các tài liệu liên quan phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định.

Sau khi kiểm sát quyết định không khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan có thẩm quyền nếu quyết định không khởi tố vụ án là có căn cứ và hợp pháp thì Viện kiểm sát thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự biết. Nếu quyết định không khởi tố vụ án thiếu căn cứ thì Viện kiểm sát có thể yêu cầu cơ quan đã ra quyết định bổ sung chứng cứ để làm rõ tính có căn cứ của việc không khởi tố vụ án. Khi phát hiện

những thiếu sót về tính hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án thì Viện kiểm sát kiến nghị cơ quan đã ra quyết định khởi tố vụ án có biện pháp khắc phục, giải quyết kịp thời⁸². Nếu quyết định không khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ thì căn cứ vào khoản 2 Điều 109 Viện kiểm sát sẽ ra quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố vụ án và gửi quyết định đó cho cơ quan điều tra tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật.

Quy định của BLTTHS năm 2015 về kiểm sát quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự đã có những quy định chi tiết, đầy đủ hơn so với quy định của BLTTHS năm 2003. Cụ thể:

Về kiểm sát việc khởi tố quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố, tại Điều 161 BLTTHS sửa đổi năm 2015 quy định Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, bảo đảm mọi tội phạm được phát hiện đều phải được khởi tố, việc khởi tố vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật này.

Như vậy, trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều bị phát hiện và xử lý kịp thời, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội thì Viện kiểm sát phải kiểm sát việc tiếp nhận và giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố đảm bảo việc tiếp nhận, kiểm tra xác minh và giải quyết các tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố của các cơ quan có thẩm quyền đầy đủ và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Đồng thời, Viện kiểm sát phải kiểm sát các quyết định khởi tố

⁸²Xem mục 7 TTLT số 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003.

vụ án hình sự và các quyết định không khởi tố vụ án hình sự của các chủ thể có thẩm quyền đảm bảo tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định này.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Tại Chương 2, tác giả phân tích các nội dung liên quan đến khởi tố vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015. Khi phân tích các nội dung này, tác giả chia làm năm nhóm vấn đề:

Thứ nhất, về chủ thể khởi tố vụ án hình sự. Theo quy định của BLTTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự thì chủ thể thực hiện hoạt động khởi tố vụ án hình sự bao gồm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 và Luật tổ chức cơ quan điều tra năm 2015 đã có những quy định bổ sung thêm chủ thể mới là cơ quan Kiểm ngư; Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Phòng Quản lý xuất nhập cảnh; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Thứ hai, về hoạt động tố tụng đặc trưng trong khởi tố vụ án hình sự. Hoạt động tố tụng đặc trưng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Quy định của BLTTHS năm 2003 về tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố và việc tiếp nhận, giải quyết có một số hạn chế như: Chưa đưa ra khái niệm để phân biệt rõ ràng giữa tố giác tội phạm với tin báo về tội phạm; Chủ thể có quyền tố giác tội phạm chỉ là công dân Việt Nam... BLTTHS năm 2015 được ban hành về cơ bản đã khắc phục được một số hạn chế này.

Thứ ba, về các quyết định tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, các cơ quan có thẩm quyền sẽ xác định một sự việc xảy ra trong thực tế có hay không có dấu hiệu tội phạm để ra một trong hai loại Quyết định: Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Quy định của BLTTHS năm 2015 về quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự mang tính

kế thừa các quy định của BLTTHS năm 2003. Tuy nhiên, đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự thì Điều 154 BLTTHS năm 2015 có quy định phải ghi rõ căn cứ khởi tố, điều, khoản của BLHS được áp dụng và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này, bao gồm: Số, ngày, tháng, năm, địa điểm ban hành văn bản tố tụng; Căn cứ ban hành văn bản tố tụng; Nội dung của văn bản tố tụng; Họ tên, chức vụ, chữ ký của người ban hành văn bản tố tụng và đóng dấu. Trong khi đó, quyết định không khởi tố vụ án hình sự được quy định tại Điều 158 BLTTHS năm 2015 thì không quy định những nội dung cụ thể của quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Theo tác giả về vấn đề này cần có sự quy định để đảm bảo sự thống nhất trong quá trình áp dụng.

Thứ tư, về thời hạn khởi tố vụ án hình sự. Theo quy định tại Điều 103 BLTTHS năm 2003 thì: *“Trong thời hạn hai mươi ngày kể từ khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự”*. Trong trường hợp sự việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết tố giác và tin báo có thể dài hơn nhưng không quá hai tháng. BLTTHS năm 2015 đã tăng thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố. Theo quy định tại Điều 147 BLTTHS 2015 thì: *“Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể gia hạn một lần nhưng không quá 02 tháng”*. Việc BLTTHS năm 2015 tăng thời hạn giải quyết tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố nhằm khắc phục tình trạng vi phạm thời hạn giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố, đảm bảo việc phát hiện và xử lý nhanh chóng kịp thời mọi tội phạm, đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

Thứ năm, về hoạt động kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều bị phát hiện và

xử lý kịp thời, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội thì Viện kiểm sát phải kiểm sát việc tiếp nhận và giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố đảm bảo việc tiếp nhận, kiểm tra xác minh và giải quyết các tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố của các cơ quan có thẩm quyền đầy đủ và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Đồng thời, Viện kiểm sát phải kiểm sát các quyết định khởi tố vụ án hình sự và các quyết định không khởi tố vụ án hình sự của các chủ thể có thẩm quyền đảm bảo tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định này.

CHƯƠNG 3. THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Thực tiễn khởi tố vụ án hình sự từ năm 2011 đến năm 2017

Trong những năm vừa qua, đất nước ta đã có nhiều thay đổi khi kinh tế xã hội phát triển, chất lượng cuộc sống người dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật lại ngày càng diễn biến phức tạp với tính chất nguy hiểm ngày càng tăng cao, đối tượng phạm tội ngày càng đa dạng... xảy ra với nhiều hình thức, thủ đoạn phạm tội tinh vi, xảo quyệt. Việc đánh giá đầy đủ, đúng đắn thực tiễn khởi tố vụ án hình sự là một vấn đề quan trọng để xác định những kết quả đã đạt được cũng như của những hạn chế còn tồn tại trong giai đoạn này. Trong 07 năm qua, hoạt động khởi tố vụ án hình sự đã được các cơ quan có thẩm quyền thực hiện như sau:

- Trong hoạt động khởi tố vụ án của các cơ quan có thẩm quyền

Theo số liệu báo cáo của VKSND Tối cao, từ năm 2011 đến năm 2017, tổng số vụ án hình sự mà Cơ quan điều tra các cấp đã khởi tố là 735.465 vụ án, trong đó: Năm 2011 khởi tố 87.332 vụ; năm 2012 khởi tố 89.093 vụ; năm 2013 khởi tố 96.865 vụ; năm 2014 khởi tố 108.329 vụ; năm 2015 khởi tố 115.741 vụ; năm 2016 khởi tố 118.532 vụ và 9 tháng đầu năm 2017 là 119.573 vụ⁸³. Như vậy, qua số liệu trên, chúng ta có thể thấy tỷ lệ số các vụ án được khởi tố của năm sau đều tăng so với năm trước.

Trong số các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án, Cơ quan điều tra là cơ quan chủ yếu thực hiện hoạt động khởi tố vụ án hình sự, trong khi Viện kiểm sát, Tòa án (Hội đồng xét xử) và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án hình sự với số lượng án không đáng kể. Năm 2011 là năm Viện kiểm sát khởi tố nhiều nhất cũng chỉ là 172 vụ và

⁸³ *Nguồn:* Cục thống kê tội phạm và công nghệ thông tin – VKSND tối cao

các năm về sau thì số vụ án do Viện kiểm sát khởi tố ngày càng giảm (trừ năm 2013).

Số lượng	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số vụ án VKS ra quyết định khởi tố	172	124	155	87	49	64	58

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm và công nghệ thông tin – VKSND tối cao; Tòa án nhân dân tối cao)

Các Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và ở VKSNDTC, Viện kiểm sát quân sự trung ương khởi tố với số lượng không đáng kể so với tổng số vụ án được khởi tố mỗi năm. Chẳng hạn, Cơ quan điều tra của VKSNDTC chỉ khởi tố từ 10 đến 15 vụ mỗi năm, năm khởi tố nhiều nhất là năm 2014 với 16 vụ. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hằng năm cũng tiến hành khởi tố vụ án hình sự nhưng số lượng không nhiều. Chẳng hạn, lực lượng Hải quan trong 6 năm gần đây khởi tố 62 vụ, trung bình 1 năm khởi tố xấp xỉ 10 vụ; lực lượng Kiểm lâm khởi tố trung bình 300 đến 400 vụ/năm⁸⁴.

Cơ quan khởi tố	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân	457	363	494	460	395	458	482
Cơ quan điều tra trong VKSNDTC	13	11	12	16	14	13	14

(Nguồn: Tòa án Quân sự Trung ương - VKSND tối cao)

Từ các số liệu như trên cho thấy kết luận: “Cơ quan điều tra khởi tố khoảng 95 đến 97% tổng số các vụ án đã được khởi tố, Viện kiểm sát và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chỉ khởi tố khoảng 5 đến 3% còn lại⁸⁵” là tương đối xác đáng. Cả trên phương diện lý

⁸⁴Lê Lan Chi (2010), Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong luật tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, tr.98.

⁸⁵ Vụ Công tác lập pháp Văn phòng Quốc hội - Viện Khoa học kiểm sát (2003), Những sửa đổi cơ bản của BLTTHS năm 2003, Nxb Tư Pháp, Hà Nội, tr.145.

luận và thực tiễn đều cho thấy Cơ quan điều tra là chủ thể có vai trò chính trong việc thực hiện hoạt động khởi tố vụ án hình sự.

- Trong hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

Căn cứ theo số liệu báo cáo của VKSNDTC từ năm 2011 đến năm 2017, hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của các cơ quan có thẩm quyền được thực hiện như sau:

+ Trong năm 2011, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận 103.443 tin báo, tố giác về tội phạm. Từ các tin báo, tố giác về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án đối với 87.332 vụ, ra quyết định không khởi tố vụ án đối với 14.314, còn lại chờ xác minh giải quyết;

+ Trong năm 2012, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận 110.421 tin báo, tố giác về tội phạm. Từ các tin báo, tố giác về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án đối với 89.093 vụ, ra quyết định không khởi tố vụ án đối với 15.237, còn lại chờ xác minh giải quyết;

+ Trong năm 2013, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận 118.224 tin báo, tố giác về tội phạm. Từ các tin báo, tố giác về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án đối với 96.865 vụ, ra quyết định không khởi tố vụ án đối với 17.663, còn lại chờ xác minh giải quyết;

+ Trong năm 2014, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận 129.873 tin báo, tố giác về tội phạm. Từ các tin báo, tố giác về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án đối với 108.329 vụ, ra quyết định không khởi tố vụ án đối với 18.904, còn lại chờ xác minh giải quyết;

+ Trong năm 2015, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận 135.121 tin báo, tố giác về tội phạm. Từ các tin báo, tố giác về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền

ra quyết định khởi tố vụ án đối với 115.741 vụ, ra quyết định không khởi tố vụ án đối với 18.434, còn lại chờ xác minh giải quyết.

+ Trong năm 2016, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận 136.191 tin báo, tố giác về tội phạm. Từ các tin báo, tố giác về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án đối với 114.831 vụ, ra quyết định không khởi tố vụ án đối với 20.425, còn lại chờ xác minh giải quyết.

+ Trong năm 2017, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận 132.867 tin báo, tố giác về tội phạm. Từ các tin báo, tố giác về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án đối với 113.183 vụ, ra quyết định không khởi tố vụ án đối với 17.932, còn lại chờ xác minh giải quyết⁸⁶.

Dựa vào số liệu như trên, có thể thấy được các cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố rất kịp thời, nhanh chóng và đạt tỷ lệ giải quyết rất cao (97%). Đối với các tin báo không giải quyết ngay lập tức mà đòi hỏi phải chờ xác minh giải quyết là do địa bàn xảy ra sự việc là vùng đồi núi hiểm trở, người thực hiện hành vi ở nước ngoài, hành vi liên quan đến tội phạm về tham nhũng...

- Trong hoạt động ra các quyết định tố tụng

Các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự về cơ bản đã thực hiện tốt trách nhiệm bảo đảm tính có căn cứ khi ra Quyết định khởi tố vụ án. Số vụ án được Cơ quan điều tra khởi tố sau đó bị Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự chiếm tỷ lệ rất thấp. Số lượng Quyết định khởi tố vụ án hình sự bị hủy so với số Quyết định khởi tố vụ án đúng căn cứ như sau: Năm 2011: 108 /87.332 quyết định; năm 2012: 129 /89.093 quyết định; năm 2013: 66/96.865 quyết định; năm 2014: 69/108.329 quyết định; năm 2015: 81/115.741 quyết định; năm 2016: 92/114.831 quyết định và năm 2017 là

⁸⁶ Nguồn: Cục thống kê tội phạm và công nghệ thông tin – VKSND tối cao

85/113.183 quyết định⁸⁷.

Đồng thời, trong hoạt động ban hành các Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, hầu hết các quyết định này đều có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên tỷ lệ Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định này cũng rất thấp. Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự chiếm tỷ lệ rất thấp, cụ thể: Năm 2011 là 306 quyết định; năm 2012 là 272 quyết định; năm 2013 là 268 quyết định; năm 2014 là 310 quyết định; năm 2015 là 283 quyết định; năm 2016 là 298 quyết định và năm 2017 là 261 quyết định.

Năm	VKS yêu cầu CQĐT khởi tố	VKS trực tiếp khởi tố	VKS hủy QĐ KTVA của CQĐT
2011	134 vụ	172 vụ	108 vụ
2012	148 vụ	124 vụ	129 vụ
2013	113 vụ	155 vụ	66 vụ
2014	223 vụ	87 vụ	69 vụ
2015	234 vụ	49 vụ	81 vụ
2016	219 vụ	54 vụ	92 vụ
2017	208 vụ	61 vụ	85 vụ

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm và công nghệ thông tin – VKSND tối cao)

- Về thời hạn tố tụng

Nhiều cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự đã thực hiện hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đúng theo quy định pháp luật tố tụng hình sự. Điều 103 BLTTHS năm 2003 quy định thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố là 20 ngày, trong trường hợp sự việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra xác minh tại

⁸⁷ Nguồn: Cục thống kê tội phạm và công nghệ thông tin – VKSND tối cao

nhiều địa điểm thì thời hạn giải quyết có thể nhiều hơn, nhưng không quá 2 tháng kể từ khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố quá thời hạn nêu trên thường xảy ra trong các vụ án liên quan đến kết quả hoạt động trung cầu giám định làm căn cứ để xác định việc có cấu thành tội phạm hay không như trong các vụ án về các tội gây thương tích, các tội vi phạm quy định về trật tự, an toàn giao thông, cần phải có kết luận giám định của tổ chức giám định pháp y về tỷ lệ thương tật, mức độ tổn hại sức khỏe, kết luận giám định hàm lượng và loại chất ma túy trong các vụ án ma túy, kết luận giám định về tài chính trong các vụ án kinh tế, tham nhũng... Thời gian trung cầu thường kéo dài dẫn tới thời hạn 20 ngày phải ra quyết định khởi tố không thực hiện được. Việc giám định thường phải được thực hiện tại thời điểm các thương tích đã ổn định ở mức độ tương đối, nếu giám định sớm, kết quả giám định thường không chính xác và có trường hợp phải giám định lại do người tham gia tố tụng không đồng tình với kết luận giám định ban đầu và cơ quan có thẩm quyền cũng gặp khó khăn trong việc đánh giá chứng cứ nếu có nhiều kết luận giám định về tỷ lệ thương tật khác nhau.

- Trong hoạt động kiểm sát khởi tố vụ án hình sự

Trong những năm qua, thông qua việc kiểm sát phân loại xử lý các tin báo, tố giác tội phạm của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã phát hiện nhiều vụ việc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm nên Viện kiểm sát đã yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc trong một số trường hợp, Viện kiểm sát đã trực tiếp khởi tố.

Năm	VKS yêu cầu CQĐT khởi tố	VKS trực tiếp khởi tố	VKS hủy QĐ KTVA của CQĐT
2011	134 vụ	172 vụ	108 vụ
2012	148 vụ	124 vụ	129 vụ

2013	113 vụ	155 vụ	66 vụ
2014	223 vụ	87 vụ	69 vụ
2015	234 vụ	49 vụ	81 vụ
2016	219 vụ	54 vụ	92 vụ
2017	209 vụ	61 vụ	85 vụ

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm và công nghệ thông tin – VKSND tối cao)

Qua bảng số liệu trên cho thấy, công tác kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm của Viện kiểm sát các cấp đã đạt được những kết quả rất quan trọng. Từ năm 2011 đến năm 2017, qua kiểm sát quá trình phân loại, xử lý tin báo, tố giác về tội phạm của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát các cấp đã phát hiện việc bỏ lọt nhiều vụ, việc có dấu hiệu tội phạm nên Viện kiểm sát đã yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố 1280 vụ. Kết quả trên cho thấy chất lượng của công tác kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm của Viện kiểm sát, hạn chế tình trạng bỏ lọt tội phạm.

Bên cạnh đó, trong quá trình kiểm sát quyết định khởi tố và quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát đã trực tiếp khởi tố 702 vụ án hình sự. Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố vụ án là những trường hợp Cơ quan điều tra đã khi giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, tuy nhiên Viện kiểm sát qua công tác kiểm sát trực tiếp tổng thể cũng như kiểm sát việc giải quyết đối với từng vụ việc đã kịp thời phát hiện thiếu sót của Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết, từ đó Viện kiểm sát đã có quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, đồng thời trực tiếp ra quyết định khởi tố vụ án, yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra theo quy định. Bên cạnh đó, một số trường hợp Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố vụ án hình sự là do yêu cầu của Hội đồng xét xử khi xét xử vụ án phát hiện ra tội phạm mới hoặc người phạm tội mới. Đồng thời, trong hoạt động kiểm sát quyết định khởi tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm

sát đã phát hiện 633 trường hợp khởi tố không có căn cứ pháp luật nên Viện kiểm sát đã hủy những quyết định khởi tố không có căn cứ pháp luật này.

Như vậy, trung bình mỗi năm Viện kiểm sát các cấp đã yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố đối với gần 200 vụ án, trực tiếp khởi tố khoảng 120 vụ án, hủy bỏ hơn 90 quyết định khởi tố không có căn cứ. Các vụ án do Viện kiểm sát yêu cầu khởi tố hoặc trực tiếp khởi tố đều đảm bảo có căn cứ và đúng pháp luật, chất lượng giải quyết cao. Kết quả công tác trên cho thấy, Viện kiểm sát các cấp đã bám sát quá trình tiếp nhận và giải quyết tin báo, tố giác tội phạm của các Cơ quan điều tra để nắm rõ được tình hình thực tế về vụ việc, hạn chế được nhiều tình trạng khởi tố oan sai, cũng như bỏ lọt tội phạm.

3.2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế hiệu quả khởi tố vụ án hình sự

3.2.1. Một số hạn chế còn tồn tại trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự

Bên cạnh một số kết quả đã đạt được, hoạt động khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan có thẩm quyền vẫn còn tồn tại một số hạn chế khiến hiệu quả khởi tố vụ án hình sự trong thời gian qua vẫn chưa đạt chất lượng chưa cao, cụ thể như sau:

- *Thứ nhất*, hạn chế trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự của Tòa án các cấp (Hội đồng xét xử). Tuy BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 quy định Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định khởi tố nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm nhưng thẩm quyền khởi tố vụ án của Hội đồng xét xử hầu như không thể thực hiện trong thực tế.

Hiện nay không có số liệu về việc Hội đồng xét xử khởi tố vụ án hình sự. Theo ông Nguyễn Quang Lộc, Chánh văn phòng TANDTC - đơn vị có nhiệm vụ quản lý, thống kê, lưu trữ các số liệu của ngành Tòa án, thực tế ngành Tòa án không có số liệu về việc Hội đồng xét xử khởi tố vụ án hình sự, mà nếu xét thấy có căn cứ để khởi tố thì chủ yếu là yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố. Vì vậy, TANDTC không đặt ra tiêu chí thống kê về số vụ án được Hội đồng xét xử

khởi tố hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố trong các biểu mẫu thống kê hằng năm. Thực tiễn trong những năm vừa qua cho thấy, Hội đồng xét xử chỉ yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố và sau đó, nếu xét thấy có căn cứ thì Viện kiểm sát sẽ ra quyết định khởi tố vụ án theo yêu cầu của Hội đồng xét xử⁸⁸. Như vậy, theo quy định của BLTTHS thì Hội đồng xét xử có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự nhưng việc khởi tố của Hội đồng xét xử hầu như không được thực hiện trên thực tế. Đặc biệt, hầu như tất cả các vụ án do Tòa án khởi tố đều được Cơ quan điều tra đình chỉ sau đó.

- *Thứ hai*, hạn chế trong thực hiện hoạt động tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác về tội phạm của lực lượng Công an cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là công an cấp xã), dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm. Do đặc điểm là lực lượng ở cấp cơ sở thấp nhất nên Công an xã được tiếp xúc với người dân hàng ngày, sâu sát với đời sống nhân dân nên lượng tin báo, tố giác về tội phạm nhận được là tương đối lớn. Ở những địa phương vùng sâu, vùng xa mà trình độ hiểu biết pháp luật còn rất thấp nên thông thường người dân gửi đơn tố cáo đến cho công an xã mà không gửi lên công an từ cấp huyện trở lên. Công an xã là lực lượng bán chuyên trách nên nhận thức về pháp luật còn rất yếu nên dẫn đến thực trạng lực lượng này ra giải quyết không đúng quy định pháp luật. Trong một số trường hợp, hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, phải bị khởi tố về mặt hình sự nhưng Công an xã không báo cáo, không chuyển cho Cơ quan điều tra cấp trên mà tự giải quyết như ra quyết định xử lý hành chính hay thậm chí không ra quyết định xử lý. Ví dụ như vụ án giao cấu với trẻ em xảy ra tại xã Khánh An – huyện Yên Khánh – tỉnh N.B, Nguyễn Văn H. (19 tuổi) đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với người yêu là Đinh Hồng Ng (15 tuổi) là học sinh lớp 9. Sau khi có đơn tố cáo của gia đình cháu Đinh Hồng Ng về hành vi giao cấu với trẻ em của Nguyễn Văn H. gửi đến Ban công an xã, thay vì chuyển đơn lên Công an huyện theo thẩm quyền, bởi vì đây là trường hợp có

⁸⁸Lê Lan Chi (2010), Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong luật tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, tr.97.

dấu hiệu tội phạm thì công an xã Khánh An lại trực tiếp gặp các bên để hòa giải sau đó gia đình cháu Ng. đã rút đơn tố cáo, nên vụ việc không được khởi tố. Chỉ sau khi Nguyễn Văn H. bị bắt về hành vi hiếp dâm trong một vụ án khác thì hành vi giao cấu với trẻ em của H. mới bị phát hiện⁸⁹.

- *Thứ ba*, việc số lượng Quyết định khởi tố vụ án hình sự bị Viện kiểm sát hủy chiếm tỷ lệ khá thấp do đây là những trường hợp hủy ngay sau khi khởi tố vụ án. Nếu vào sâu trong quá trình tố tụng, nếu xét thấy có các căn cứ không khởi tố vụ án theo Điều 107 BLTTHS thì các cơ quan có thẩm quyền sẽ ra quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà không phải là quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án. Giai đoạn 2011 - 2017, số vụ án bị cơ quan điều tra khởi tố nhưng sau đó cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra hoặc bị Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án là khá nhiều (6.489 vụ bị ra quyết định đình chỉ điều tra; 3.951 vụ bị ra quyết định đình chỉ vụ án). Một số trường hợp khởi tố sai mà đáng lẽ cơ quan có thẩm quyền phải ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự là do các nguyên nhân sau:

+ Khởi tố khi không có sự việc phạm tội: 146 trường hợp, trong đó, năm 2011: 31 trường hợp, năm 2012: 36 trường hợp, năm 2013: 30 trường hợp, năm 2014: 23 trường hợp, năm 2015: 26 trường hợp, năm 2016: 32 trường hợp; năm 2017: 25 trường hợp.

+ Khởi tố khi hành vi không cấu thành tội phạm: 3030 trường hợp, trong đó, năm 2011: 708 trường hợp, năm 2012: 634 trường hợp, năm 2013: 623 trường hợp, năm 2014: 516 trường hợp, năm 2015: 549 trường hợp, năm 2016: 572 trường hợp, năm 2017: 512 trường hợp.

+ Khởi tố khi người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự: 451 trường hợp;

⁸⁹Dương Tiến Mạnh (2015), Kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, tr.59;

+ Khởi tố khi đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự: 162 trường hợp.

Như vậy, số lượng trường hợp khởi tố khi hành vi chưa cấu thành tội phạm là lớn nhất, điều này phản ánh rất nhiều vấn đề chủ quan và khách quan của các chủ thể có thẩm quyền khởi tố.

- *Thứ tư*, vẫn tồn tại hiện tượng hình sự hóa các quan hệ dân sự, nói cách khác là khởi tố vụ án khi không có dấu hiệu của tội phạm mà chỉ là các vi phạm pháp luật khác. Nhiều Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã không đánh giá đúng bản chất của các mối quan hệ dân sự như vay mượn, hui họ mà chỉ dựa trên việc không thực hiện các cam kết trong việc vay mượn, trao trả tài sản đến hạn, không xem xét đến các yếu tố thuộc mặt chủ quan của bên có nghĩa vụ trả nợ, không làm rõ có hay không có ý thức chiếm đoạt, việc chưa hay họ không thực hiện các cam kết theo hợp đồng là do nguyên nhân nào, do quản lý, sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả dẫn đến không có khả năng thu hồi vốn để trả nợ hay lý do bất khả kháng... Điển hình là vụ án bà Phan Thị Th. (42 tuổi, ngụ tại Thành phố VT) được Hội đồng xét xử tuyên không phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản vì tranh chấp giữa các bên trong tranh chấp chỉ là quan hệ dân sự, không có dấu hiệu tội phạm. Theo hồ sơ vụ án, vào năm 2001, bà Phan Thị H. (em bà Th. sống ở nước ngoài) mua lô đất của ông Nguyễn T. U. với giá 194 ngàn USD, đặt cọc 30 ngàn USD, 164 ngàn USD còn lại bà H. đưa bà Th. giữ hộ để trả tiếp cho ông U. sau khi hoàn tất thủ tục mua bán. Do việc mua bán đất không thành nên ông U. trả tiền cọc lại. Vào thời điểm đó, bà H. đang ở nước ngoài nên ông U. giao tiền cho bà Th. Khi về Việt Nam, bà H. phát hiện số tiền của mình đã bị bà Th. sử dụng để mua bất động sản nên đòi lại. Bà Th. cân trừ nợ bằng 2 lô đất và viết giấy nhận còn nợ bà H. 50 ngàn USD, 50 triệu đồng và 5 lượng vàng. Bà H. không đồng ý nên đã đi báo cơ quan chức năng. Sau đó, Cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và bà Th. bị tạm giam 20 tháng. Khi vụ

án được đưa ra xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ việc dân sự, không có dấu hiệu tội phạm nên tuyên bà Th. không phạm tội và trả tự do ngay tại tòa⁹⁰.

- *Thứ năm*, vẫn còn xảy ra tình trạng bỏ lọt tội phạm khi nhiều vụ, việc có dấu hiệu tội phạm nhưng Cơ quan điều tra lại ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Thông qua hoạt động kiểm sát khởi tố, Viện kiểm sát đã phát hiện và yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc Viện kiểm sát tự mình khởi tố.

Năm	VKS yêu cầu CQĐT khởi tố	VKS trực tiếp khởi tố
2011	134 vụ	172 vụ
2012	148 vụ	124 vụ
2013	113 vụ	155 vụ
2014	223 vụ	87 vụ
2015	234 vụ	50 vụ
2016	219 vụ	54 vụ
2017	209 vụ	61 vụ

(Nguồn: Cục thống kê tội phạm và công nghệ thông tin – VKSND tối cao)

- *Thứ sáu*, hầu hết các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vi phạm quy định về hình thức của quyết định khởi tố vụ án hình sự. Theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLTTHS năm 2003 và khoản 1 Điều 154 BLTTHS năm 2015 thì “*Quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ghi rõ căn cứ khởi tố, điều, khoản của BLHS được áp dụng và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này*”. Qua thực tế khảo sát hồ sơ các vụ án hình sự đã được giải quyết tại

⁹⁰Xem <http://thanhnien.vn/thoi-su/phap-luat/hinh-su-hoa-quan-he-dan-su-mot-bi-cao-trang-an-275239.html>, cập nhật ngày 17/3/2016

Cơ quan điều tra các cấp, các địa phương trên cả nước trong những năm gần đây, chỉ có rất ít hồ sơ trong đó quyết định khởi tố có ghi chi tiết đến "khoản" của điều luật. Như vậy, khi ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, các cơ quan có thẩm quyền chỉ xác định về tội danh chứ không xác định tội phạm bị khởi tố thuộc loại tội phạm nào. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến quá trình tố tụng như xác định thời hạn điều tra, áp dụng các biện pháp ngăn chặn... khi việc áp dụng những quy định này căn cứ vào loại tội phạm bị khởi tố, đặc biệt là trong những trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại.

- *Thứ bảy*, còn nhiều trường hợp các cơ quan có thẩm quyền vi phạm thời hạn giải quyết tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố khi khoảng thời gian từ ngày tiếp nhận thông tin về tội phạm đến ngày ra quyết định khởi tố vụ án vượt xa thời hạn luật định. Tỷ lệ này có nơi lên tới 30%, ví dụ, tại Đắk Lắk, số tin báo, tố giác chưa xử lý còn tồn lại trong năm 2008 là 538/1.769 tin báo tố giác đã tiếp nhận và trong số tin báo, tố giác này, có tới 338/358 là quá hạn chiếm tỷ lệ 63%⁹¹. Tại Phú Thọ, có những tin Cơ quan điều tra kéo dài tới trên 1 năm không kết thúc⁹². Tại Hà Nội, theo ông Hoàng Ngọc Cảnh, Trưởng phòng 3 VKSND thành phố Hà Nội thì hầu hết các vụ án đều vi phạm thời hạn khởi tố.

- *Thứ tám*, theo quy định hiện hành thì Viện kiểm sát chỉ tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm và chuyển ngay cho Cơ quan điều tra mà không có thẩm quyền trực tiếp điều tra, xác minh trong các trường hợp cần thiết cũng dẫn đến những hạn chế nhất định trong công tác kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm. Bởi lẽ có những trường hợp vì nguyên nhân nào đó Cơ quan điều tra không tiến hành việc điều tra xác minh hoặc tuy có thực hiện nhưng không đảm bảo khách quan, không tích cực dẫn đến kết quả giải quyết vụ việc không chính xác. Lại có trường hợp sau khi điều tra xác minh tin báo,

⁹¹Bùi Mạnh Cường (2009), "Một số kinh nghiệm của VKSND tỉnh Đắk Lắk trong công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố", *Kiểm sát*, (12), tr.27.

⁹²Trương Bá Hùng (2009), "Một số kinh nghiệm của VKSND tỉnh Phú Thọ trong công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố", *Kiểm sát*, (12), tr.19.

tố giác về tội phạm, Cơ quan điều tra ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Viện kiểm sát sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc xét thấy quyết định không khởi tố của Cơ quan điều tra là không có căn cứ và yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án. Cơ quan điều tra đã miễn cưỡng ra quyết định khởi tố vụ án theo yêu cầu của Viện kiểm sát tuy nhiên sau đó tiến hành điều tra không tích cực, kéo dài việc điều tra, không tiến hành thu thập kịp thời những chứng cứ buộc tội nên dẫn đến hậu quả là vụ án phải đình chỉ giải quyết.

3.2.2. Nguyên nhân hạn chế hiệu quả khởi tố vụ án hình sự

Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến hiệu quả của hoạt động khởi tố vụ án hình sự vẫn còn hạn chế, trong đó có những nguyên nhân xuất phát từ quy định khởi tố vụ án hình sự vẫn còn một số vướng mắc, bất cập cho dù BLTTHS năm 2015 vừa mới được thông qua, có những nguyên nhân xuất phát từ các sai sót trong hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

3.2.2.1. Một số vướng mắc, bất cập trong quy định pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về khởi tố vụ án hình sự.

Qua phân tích các số liệu về giải quyết các vụ án hình sự từ năm 2011 đến năm 2017, phân tích tình hình báo cáo công tác hàng năm và thông báo rút kinh nghiệm trong giải quyết án của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh và trung ương trên phạm vi cả nước cũng như theo dõi các thông tin vụ án đăng tải trên các phương tiện truyền thông, tác giả nhận thấy quy định khởi tố vụ án hình sự theo pháp luật hiện hành vẫn tồn tại một số vướng mắc, bất cập khi áp dụng vào thực tiễn, cụ thể như sau:

- Trong quy định về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự

Thứ nhất, theo quy định tại khoản 4 Điều 153 BLTTHS năm 2015 thì: “Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội

phạm”.Việc quy định về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án (Hội đồng xét xử) hiện nay là không hợp lý vì những lý do sau đây:

+ Trong quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức TAND năm 2015 thì Tòa án có hai chức năng là: chức năng xét xử và chức năng thực hiện quyền tư pháp. Trong khi đó, chức năng khởi tố vụ án hình sự không phải là nội dung của một trong hai chức năng này; đó là một nội dung trong chức năng buộc tội. Theo quy định hiện hành thì Hiến pháp không cho phép Tòa án thực hiện chức năng buộc tội. Như vậy, quy định về việc Tòa án cũng có thẩm quyền khởi tố vụ án trong BLTTHS là không phù hợp với Hiến pháp và Luật tổ chức TAND về chức năng của Tòa án⁹³;

+ Quy định cho phép Tòa án khởi tố vụ án sẽ không đảm bảo tính độc lập, khách quan của Tòa án trong việc giải quyết vụ án. Việc pháp luật tố tụng hình sự cho phép Tòa án phát động tố tụng (khởi tố vụ án) sau đó cũng chính tòa án là chủ thể có thẩm quyền xét xử vụ án đó thì yếu tố độc lập, khách quan của tòa án sẽ khó được đảm bảo;

+ Thực tiễn cho thấy Tòa án hiếm khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nên quy định này hầu như không được thực hiện trên thực tế. Tòa án khởi tố rất ít; 100% các vụ án do Tòa án khởi tố đều bị đình chỉ ở giai đoạn điều tra. Lý do Tòa án hiếm khi khởi tố vụ án hình sự là vì⁹⁴: *Một là*, muốn ra được quyết định khởi tố vụ án hình sự cần phải tiến hành hoạt động kiểm tra, xác minh các thông tin về tội phạm để xác định có dấu hiệu tội phạm hay không. Việc này đòi hỏi phải có thời gian và phải tiến hành nhiều hoạt động khác nhau, có thể là những hoạt động rất phức tạp để củng cố hồ sơ, chứng cứ, tài liệu. Hơn nữa, việc quyết định khởi tố cũng rất khó chính xác nếu chưa kiểm

⁹³Bàn về thẩm quyền khởi tố vụ án của Hội đồng xét xử, nguồn:

http://moj.gov.vn/tcdcppl/tintuc/Lists/CaiCachTuPhap/View_Detail.aspx?ItemID=376, cập nhật ngày 21/12/2015.

⁹⁴Khởi tố vụ án hình sự - Một số tồn tại, bất cập và đề xuất hướng hoàn thiện, nguồn

<http://moj.gov.vn/ct/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=6818>, cập nhật ngày 20/12/2015.

tra, xác minh lại những thông tin về tội phạm và người phạm tội mới chỉ được phản ánh qua lời khai của người tham gia tố tụng hoặc những tài liệu đã có trong hồ sơ, thì việc kiểm tra xác minh lại các thông tin này bằng các hoạt động ngoài phiên tòa cũng khiến việc đưa ra quyết định khởi tố vụ án khó khăn hơn; *Hai là*, quyết định khởi tố vụ án này là quyết định không liên quan đến nội dung vụ án đang xét xử, bởi quyết định này không phải là một nội dung của vụ án mà Hội đồng xét xử phải giải quyết tại phiên tòa, nếu Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án cũng có nghĩa Hội đồng xét xử phải tập trung vào việc kiểm tra, xác minh nguồn thông tin về tội phạm mới hoặc người phạm tội mới để đảm bảo quyết định khởi tố vụ án của mình là có căn cứ. Vì vậy, công việc này sẽ có thể ảnh hưởng đến chức năng chính của Tòa án là xét xử vụ án đã được Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử, nên việc ra quyết định khởi tố vụ án ngay tại phiên tòa gây khó khăn cho chính Tòa án bởi những lí do chuyên môn và nghiệp vụ.

Thứ hai, BLTTHS năm 2015 vẫn chưa có quy định cụ thể về việc xác định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra theo cấp (cấp huyện, tỉnh, trung ương), theo hệ thống (cơ quan điều tra trong công an nhân dân, quân đội nhân dân, viện kiểm sát) và theo lãnh thổ. Mặt khác, BLTTHS năm 2015 cũng chưa quy định rõ việc xác định thẩm quyền khởi tố dẫn chiếu theo thẩm quyền điều tra. Vì vậy, theo tác giả, BLTTHS không nên quy định việc xác định thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy trình ngược như hiện nay (tức là thẩm quyền khởi tố vụ án dựa trên thẩm quyền điều tra và thẩm quyền điều tra được xác định trên cơ sở thẩm quyền xét xử). Bởi vì, việc xác định thẩm quyền khởi tố, điều tra được thực hiện trước giai đoạn xét xử. Khi chưa xác định được thẩm quyền khởi tố vụ án, thẩm quyền điều tra mà đã xác định được thẩm quyền xét xử là không hợp lý.

Thứ ba, Điều 153 BLTTHS năm 2015 quy định: “*Cơ quan điều tra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với tất cả vụ việc có dấu hiệu tội phạm, trừ*

những vụ việc do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử đang thụ lý, giải quyết quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này”. Vấn đề phát sinh liên quan đến quy định này là: Vụ việc đang được các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát và Hội đồng xét xử đang thụ lý, giải quyết nhưng không đồng nghĩa với việc vụ việc đó đương nhiên thuộc thẩm quyền khởi tố của họ. Nếu vụ việc đang được các cơ quan này thụ lý, giải quyết nhưng sau đó họ xác định vụ việc không thuộc thẩm quyền khởi tố của họ mà thuộc thẩm quyền khởi tố của Cơ quan điều tra thì Cơ quan điều tra phải có thẩm quyền khởi tố. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành thì Cơ quan điều tra lại không có quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp này. Nếu Cơ quan điều tra vẫn ra quyết định khởi tố vụ án hình sự thì sẽ có sai sót về thủ tục tố tụng.

- Trong quy định về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố

Thứ nhất, quy định của pháp luật cho thấy hoạt động phân loại, xử lý các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật của Công an xã về cơ bản chính là hoạt động phân loại, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm. Tại khoản 6 Điều 9 Pháp lệnh Công an xã của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 06/2008/PL-UBTVQH12 quy định một trong những nhiệm vụ và quyền hạn của Công an xã đó là “*Tiếp nhận, phân loại, xử lý theo thẩm quyền các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã...*”. Tại Chương II, Thông tư số 12/2010/TT-BCA của Bộ công an quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Công an xã đó là: “*Nắm tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tiếp nhận, phân loại, xử lý các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã*”. Tuy nhiên xuất phát từ bản chất đây là lực lượng bán chuyên trách nên mức độ nhận thức về pháp luật rất yếu, do đó việc giao cho lực lượng này cũng có thẩm quyền giải quyết tin

báo, tố giác về tội phạm là không phù hợp, rất dễ xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm như tác giả đã phân tích ở mục 3.2.1.

Thứ hai, về việc bảo vệ người tố giác tội phạm, người báo tin. Trong BLTTHS năm 2003 quy định tại Điều 103, Cơ quan điều tra phải áp dụng biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố giác tội phạm. Trong quy định của BLTTHS năm 2015 đã quy định tư cách tố tụng cho người tố giác, báo tin, kiến nghị khởi tố và đã quy định quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ và người thân của họ (Điều 56) và vấn đề bảo vệ họ đã được quy định cụ thể tại Chương XXXIV BLTTHS năm 2015. Tuy nhiên, theo tác giả, quy định này vẫn còn những hạn chế đó là: BLTTHS quy định tư cách tố tụng cho người tố giác, báo tin, kiến nghị khởi tố tại Điều 56 và quy định quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ cho họ và người thân của họ. Nhưng trong quy định tại Điều 484 về đối tượng được bảo vệ thì lại chỉ quy định gồm: Người tố giác tội phạm; Người làm chứng; Bị hại; Người thân thích của người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại mà không có người báo tin. Như vậy, theo quy định cụ thể tại Điều 484 BLTTHS thì người báo tin về tội phạm không thuộc đối tượng được bảo vệ. Trong quy định của BLTTHS thì người tố giác và người báo tin về tội phạm là hai đối tượng khác nhau, được phân định rõ ràng. Chính vì vậy, quy định của BLTTHS năm 2015 tại Điều 56 và Điều 484 về bảo vệ người báo tin về tội phạm chưa có sự thống nhất. Rõ ràng với vị trí, vai trò là cung cấp thông tin về tội phạm cho cơ quan có thẩm quyền thì người báo tin cũng là chủ thể cần phải được áp dụng biện pháp bảo vệ.

Thứ ba, Điều 144 BLTTHS năm 2015 quy định người nào cố ý tố giác, báo tin về tội phạm sai sự thật thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật. Như vậy, BLTTHS quy định trách nhiệm của người cố ý tố cáo, tố giác sai sự thật nhưng lại không quy định mang tính khuyến khích

những người tố giác, tố cáo đúng sự thật thì phải được khen thưởng như thế nào. Đây là hai mặt của một vấn đề, nếu luật đã quy định rõ trách nhiệm trong trường hợp cá nhân cố ý tố cáo, báo tin về tội phạm sai sự thật thì theo tác giả để khuyến khích tinh thần tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm thì BLTTHS cũng cần quy định về việc khen thưởng đối với họ.

- Trong quy định về ban hành các quyết định tố tụng

Thứ nhất, như đã phân tích ở mục 3.2.1, hầu hết các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vi phạm quy định về hình thức của quyết định khởi tố vụ án hình sự khi chỉ có rất ít hồ sơ trong đó quyết định khởi tố có ghi chi tiết đến “khoản” của điều luật trong khi quy định tại khoản 2 Điều 104 BLTTHS năm 2003 và khoản 1 Điều 154 BLTTHS năm 2015 yêu cầu: “*Quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ghi rõ căn cứ khởi tố, điều, khoản của BLHS được áp dụng và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này*”. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hạn chế như trên là bởi chính bản thân biểu mẫu số 01- QĐ ban hành theo Quyết định số 1351/QĐ-BCA (C11) của Bộ Công an ngày 18/11/2004 đã thống nhất về hình thức của Quyết định khởi tố vụ án hình sự, theo đó: “... *sau khi xác định có dấu hiệu của tội phạm... quy định tại Điều... BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Như vậy, hình thức của mẫu quyết định chỉ yêu cầu xác định sự việc xảy ra có dấu hiệu của tội phạm tại điều luật nào mà không yêu cầu xác định khoản của điều luật áp dụng nên đã dẫn đến thực tế Quyết định khởi tố vụ án cũng theo mẫu là chỉ xác định tội danh mà không xác định loại tội phạm.

Thứ hai, BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 mới chỉ quy định căn cứ người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự mà chưa quy định căn cứ người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự. Theo tác giả, đây là một điểm chưa hợp lý trong quy định của BLTTHS về căn cứ không khởi tố vụ

án hình sự liên quan đến chủ thể của tội phạm. Bởi lẽ, độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự là hai yếu tố không thể thiếu để coi một người là chủ thể của tội phạm. Một người được coi là có năng lực trách nhiệm hình sự nếu khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã đạt độ tuổi theo luật định và không thuộc những trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 13 BLHS. Nếu người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì không phải chịu trách nhiệm hình sự, đối với người này phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Vì vậy, ngoài căn cứ người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì theo tác giả, BLTTHS cần bổ sung căn cứ *người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự* là căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự. Việc BLTTHS không quy định rõ căn cứ này là căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự dẫn đến thực tiễn áp dụng khi người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự thì những cơ quan có thẩm quyền sẽ không có căn cứ để ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Cũng có thể cho rằng nhà làm luật khi xây dựng Điều 107 căn cứ *hành vi không cấu thành tội phạm* đã bao gồm căn cứ người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự⁹⁵. Nên khi người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự thì cơ quan có thẩm quyền áp dụng căn cứ tại khoản 2 Điều 107 *hành vi không cấu thành tội phạm* để ra quyết định không khởi tố vụ án. Tuy nhiên, cách áp dụng này sẽ không phù hợp, bởi vì tuổi chịu trách nhiệm hình sự và năng lực trách nhiệm hình sự là hai yếu tố bắt buộc, có vị trí và vai trò quan trọng như nhau để coi một người là chủ thể của tội phạm. Trong khi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự được quy định là một căn cứ không khởi tố vụ án hình sự thì không có năng lực trách nhiệm hình sự lại

⁹⁵Phan Thị Thanh Mai, Căn cứ không khởi tố vụ án hình sự và một số quy định liên quan, Tạp chí luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 7/2010, tr. 21.

không được quy định là một căn cứ không khởi tố vụ án. Còn nếu cho rằng người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự là căn cứ thuộc nội hàm của khoản 2 Điều 107 BLTTHS năm 2003 thì không có sự thống nhất với dấu hiệu chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Mặt khác, ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm thì căn cứ không khởi tố vụ án hình sự ở khoản 2 Điều 107 là căn cứ tòa án sơ thẩm phải ra bản án tuyên bị cáo vô tội (xét xử sơ thẩm) hoặc hủy án sơ thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án (xét xử phúc thẩm). Nhưng căn cứ tại khoản 3 Điều 107 BLTTHS năm 2003 là “*người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự*” thì tòa án sơ thẩm đình chỉ vụ án, còn tòa án phúc thẩm thì hủy án sơ thẩm và đình chỉ vụ án mà không tuyên bố bị cáo không phạm tội. Như vậy, hướng giải quyết và hậu quả pháp lý của hai yếu tố độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự trong quy định của BLTTHS được áp dụng không thống nhất.

Thứ ba, mặc dù nguyên tắc “*không ai bị đưa ra xét xử hoặc bị trừng trị lần thứ hai về cùng một tội phạm mà người đó đã bị kết án hoặc đã được tuyên trắng án phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của mỗi nước*” đã được ghi nhận trong Công ước quốc tế quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 nhưng ở mỗi quốc gia khác nhau cũng có những cách hiểu, giải thích và áp dụng khác nhau. Có quốc gia quy định công dân của quốc gia đó nếu phạm tội ở nước ngoài mà đã bị tòa án nước ngoài xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật thì quốc gia đó sẽ không truy cứu trách nhiệm hình sự với công dân của họ nữa (chẳng hạn như trong BLHS của Nga). Nhưng cũng có quốc gia quy định họ vẫn truy cứu trách nhiệm hình sự (quy định của BLHS Trung Quốc). Ở Việt Nam, quy định của Hiến pháp và pháp luật tố tụng hình sự không giới hạn bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực là của Tòa án Việt Nam hay Tòa án nước ngoài. Theo quy định tại Điều 6 BLHS của Việt Nam thì *công dân Việt Nam phạm tội ở ngoài lãnh thổ Việt Nam có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo bộ luật này*. Tuy nhiên, một vấn đề được đặt ra là:

Nếu công dân của Việt Nam phạm tội ở nước ngoài và đã bị tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại xử lý hành vi phạm tội đó bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì Việt Nam có khởi tố về hành vi phạm tội đó nữa hay không? Vấn đề này trong quy định của pháp luật Việt Nam cũng như các Hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam đã ký kết với các quốc gia cũng chưa được xác định rõ.

- *Trong quy định về thời hạn tố tụng*

Thứ nhất, về thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Như đã phân tích ở trên, quy định của BLTTHS năm 2003 quy định về thời hạn giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố quá ngắn nên thực tiễn giải quyết các cơ quan có thẩm quyền không đủ thời gian kiểm tra, xác minh nguồn thông tin về tội dẫn đến vi phạm thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố. BLTTHS sửa đổi năm 2015 đã tăng thêm thời hạn giải quyết tin báo tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố tại Điều 147. Tuy nhiên, theo tác giả việc quy định về thời hạn giải quyết tố giác tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong quy định của BLTTHS năm 2015 vẫn còn những hạn chế.

+ *Một là,* BLTTHS chưa quy định rõ trường hợp vụ việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp bao gồm những trường hợp nào? Việc BLTTHS quy định chung chung “*trong trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp*” sẽ rất khó để phân định thời hạn giải quyết tin báo tố giác, kiến nghị khởi tố thông thường, với trường hợp phức tạp. Quy định không rõ ràng như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền nhưng có thể dẫn đến sự tùy tiện và gây khó khăn cho việc kiểm sát thời hạn giải quyết tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố của Viện kiểm sát, cũng như khó đảm bảo được quyền khiếu nại của người đã báo tin, tố giác kiến nghị khởi tố, rất khó để họ xác định được hết 20 ngày nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa ra quyết định giải quyết thì đã vi phạm thời hạn giải quyết hay chưa để họ

khiếu nại? Vì không thể xác định được trường hợp nào có nhiều tình tiết phức tạp.

+ Hai là, BLTTHS 2015 quy định “*Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh trong thời hạn quy định tại khoản này thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể gia hạn một lần nhưng không quá 02 tháng*”. Theo tác giả, cần quy định chặt chẽ lý do mà các Cơ quan có thẩm quyền chưa thể kết thúc kiểm tra, xác minh trong thời hạn luật định để Viện kiểm sát xem xét gia hạn hoặc không gia hạn tránh sự tùy tiện, đảm bảo tính chặt chẽ trong việc áp dụng.

+ Ba là, tác giả đồng tình với quan điểm cho rằng BLTTHS năm 2015 mới chỉ dừng lại ở việc tăng thêm thời hạn giải quyết tố giác, tin báo mà chưa đảm bảo được tính hợp lý, đảm bảo sự phù hợp, tương ứng giữa thời hạn và tính chất phức tạp của tố giác, tin báo cần phải giải quyết. Do đó, cần thiết bổ sung quy định về thời hạn giải quyết tố giác theo hướng quy định những thời hạn khác nhau, tương ứng với tính chất phức tạp của tin báo, độ rộng, hẹp của phạm vi, đối tượng cần phải xác minh, điều tra để làm rõ các vấn đề liên quan để xử lý chính xác tố giác tội phạm. Cần có sự phân hóa về thời hạn giải quyết các loại tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Việc quy định một thời hạn chung đối với mọi tố giác, tin báo về tội phạm như BLTTHS sẽ không phù hợp với thực tiễn áp dụng. Thực tế áp dụng pháp luật cho thấy tố giác, tin báo về tội phạm rất đa dạng, khác biệt nhau về tính chất phức tạp, chủ thể bị tố giác, báo tin phạm tội⁹⁶ ... Việc quy định như trên có thể dẫn đến tình trạng vi phạm thời hạn giải quyết tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố.

Thứ hai, BLTTHS 2015 chưa có quy định về thời hạn kiểm tra xác minh ban đầu của các cơ quan có thẩm quyền. Thực tiễn áp dụng pháp luật hiện nay sau khi cá nhân, cơ quan, tổ chức báo tin, tố giác, kiến nghị khởi tố không phải

⁹⁶Phạm Văn Gòn, Sửa đổi, bổ sung các quy định về điều tra trong Bộ luật Tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, tạp chí kiểm sát số 9/2015. Nguồn: <http://csnd.vn/Home/Nghien-cuu-Trao-doi/1096/Sua-doi-bo-sung-cac-quy-dinh-ve-dieu-tra-trong-Bo-luat-To-tung-hinh-su-dap-ung-yeu-cau-trong-tinh-hinh-moi>.

bao giờ cơ quan có thẩm quyền cũng vào sổ thụ lý ngay. Bởi vì, thông tin do các cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp không phải thông tin nào cũng xác định ngay được có phải là tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố hay không để vào sổ thụ lý. Vì vậy, sau nhận được thông tin Cơ quan có thẩm quyền phải nhanh chóng phân loại, xác minh thông tin về tội phạm có phải là tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố hay không để thụ lý giải quyết. Nhưng BLTTHS năm 2015 lại không quy định thời gian kiểm tra, xác minh ban đầu đối với các nguồn thông tin về tội phạm trong thời hạn bao nhiêu ngày, nên trên thực tế có trường hợp Cơ quan điều tra để kéo dài không thụ lý giải quyết và thường viện lý do đang xác minh có khó khăn nên chưa thụ lý. Chính vì vậy, BLTTHS cần quy định rõ thời hạn để cơ quan có thẩm quyền phân loại, kiểm tra, xác minh ban đầu, tránh tình trạng việc kiểm tra, xác minh kéo dài mà cơ quan có thẩm quyền không vào sổ thụ lý.

Thứ ba, về thời hạn giải quyết tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố khi tội phạm thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Theo quy định tại Điều 147 BLTTHS sửa đổi năm 2015 thì trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, trường hợp vụ việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có thể kéo dài nhưng không quá 02 tháng. Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh trong thời hạn quy định tại khoản này thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể gia hạn một lần nhưng không quá 02 tháng. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải kiểm tra, xác minh và ra một trong các quyết định: Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định không khởi tố vụ án hình sự; Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Đồng thời, tại Điều 157 quy định căn cứ không khởi tố vụ án hình sự là những tội phạm quy

định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của BLHS mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 lại không có quy định về thời hạn cụ thể mà người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố hoặc không yêu cầu khởi tố. Trong thực tiễn nếu sau khi kiểm tra, xác minh tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền xác định sự việc xảy ra có dấu hiệu tội phạm và tội phạm thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại nhưng trong thời hạn giải quyết tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố nêu trên người bị hại chưa yêu cầu khởi tố, nhưng cũng không có văn bản hoặc hành vi cụ thể thể hiện ý chí là họ sẽ từ bỏ quyền yêu cầu khởi tố vụ án thì trong trường hợp hết thời hạn giải quyết tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố được quy định ở trên cơ quan có thẩm quyền khởi tố phải ra quyết định gì hoặc phải giải quyết như thế nào? Những trường hợp này Cơ quan có thẩm quyền khởi tố không thể ra quyết định khởi tố vụ án vì chưa có yêu cầu khởi tố của người bị hại và cũng không thể ra quyết định không khởi tố vụ án vì chưa xác định được việc người bị hại không yêu cầu khởi tố. Theo chúng tôi BLTTHS năm 2015 cần phải có quy định cụ thể để giải quyết đối với trường hợp này để tránh khó khăn trong thực tiễn áp dụng.

- *Trong quy định về kiểm sát khởi tố vụ án hình sự*

Trước đây, trong quy định của BLTTHS năm 2003 về kiểm sát khởi tố vụ án hình sự vẫn còn nhiều bất cập như: Viện kiểm sát không có quyền kiểm sát việc thụ lý, tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm, nên trên thực tế Viện kiểm sát đã không nắm được đầy đủ về số lượng tin báo, tố giác về tội phạm mà Cơ quan điều tra đã thụ lý; Viện kiểm sát tiến hành kiểm sát trực tiếp việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm chỉ tiến hành kiểm tra trên sổ thụ lý nên kết quả công tác này chưa đạt hiệu quả cao và có khả năng bỏ lọt tội phạm... Những bất cập này đã làm hạn chế hiệu quả hoạt động kiểm sát vụ án hình sự nhưng đã được khắc phục bởi những quy định của BLTTHS năm 2015. Nội dung của

BLTTHS năm 2015 về kiểm sát việc giải quyết nguồn thông tin về tội phạm và kiểm sát quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự đã có những quy định chi tiết, đầy đủ hơn so với quy định của BLTTHS năm 2003.

Tuy nhiên, quy định của BLTTHS năm 2015 về kiểm sát khởi tố vụ án hình sự vẫn còn hạn chế. Để đảm bảo việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm được nhanh chóng, kịp thời và chính xác, công tác kiểm sát của VKSND cần phải được thực hiện ngay từ khi Cơ quan điều tra tiến hành phân loại, xác minh sơ bộ thông tin nhận được xem có phải là tin báo, tố giác về tội phạm hay không tuy nhiên quy định pháp luật tố tụng hình sự hiện nay chưa cho phép Viện kiểm sát thực hiện vấn đề này. Thực tế ở một số địa phương đã có sự chủ động phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc xác minh, phân loại ban đầu nhưng công tác phối hợp này chỉ có được ở một số đơn vị giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có mối quan hệ tốt mà chưa được thực hiện có hệ thống trên cả nước.

3.2.2.2. Những nguyên nhân khác làm hạn chế hiệu quả khởi tố vụ án hình sự

Bên cạnh những nguyên nhân liên quan đến những bất cập, vướng mắc trong quy định pháp luật, trong thực tiễn thực hiện hoạt động khởi tố vụ án hình sự còn tồn tại một số nguyên nhân xuất phát từ hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền đã làm hạn chế hiệu quả hoạt động khởi tố, cụ thể như sau:

Thứ nhất, mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền chưa được thống nhất, đồng bộ trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự. Công tác phối hợp liên ngành giữa các cơ quan tư pháp hình sự, đặc biệt là giữa Viện kiểm sát với Cơ quan điều tra trong việc giải quyết các vụ án hình sự chưa chặt chẽ, chất lượng chưa cao. Tuy pháp luật tố tụng hình sự hiện hành đã quy định Cơ quan điều tra phải thực hiện các yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát nhưng chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra, từ đó có quan điểm cho rằng đây thực ra chỉ là sự ràng buộc về thủ tục pháp lý, còn nội dung tiến hành các hoạt động điều tra như thế nào, thu thập chứng cứ gì chủ yếu do

Điều tra viên dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra quyết định cho nên việc quy định chế độ trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra như hiện nay làm cho Viện kiểm sát không thực quyền. Trên thực tế, nhiều nơi vẫn còn tình trạng Viện kiểm sát thụ động chờ đợi kết quả điều tra và quan điểm đường lối giải quyết vụ án của Cơ quan điều tra hay nói cách khác, hoạt động của Viện kiểm sát còn dựa trên hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra. Trong hoạt động khởi tố, việc né tránh, ngại va chạm giữa cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đó là một trong những nguyên nhân hạn chế chất lượng công tác kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm của các cơ quan có thẩm quyền.

Thứ hai, công tác quản lý, chỉ đạo của lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp vẫn còn nhiều hạn chế. Ở nhiều địa phương, thông thường các lãnh đạo Viện kiểm sát quan tâm đến công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hơn và coi đây là khâu mũi nhọn trong ngành. Do không đánh giá hết được vai trò quan trọng của công tác kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm nên dẫn đến nhiều vụ án bị oan sai ngay từ đầu hoặc bỏ lọt tội phạm gây nhiều bức xúc trong dư luận. Đồng thời, công tác chỉ đạo nghiệp vụ trong ngành đối với hoạt động kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm đôi khi còn chưa đáp ứng được yêu cầu, Viện kiểm sát cấp trên chưa thực sự quan tâm trả lời các thỉnh thị, hướng dẫn cụ thể liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của Viện kiểm sát cấp dưới. Đối với các thỉnh thị nghiệp vụ về các lĩnh vực khác như thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử thì chất lượng và thời gian xử lý rất nhanh nhưng đối với kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm thì không đáp ứng được yêu cầu như cần thiết.

Thứ ba, ở nhiều địa phương, vẫn còn tình trạng hoạt động khởi tố vụ án hình sự không căn cứ vào quy định pháp luật hình sự mà bị chi phối bởi sự can thiệp của nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức quản lý ở địa phương, vẫn còn tồn tại tình trạng can thiệp bằng công văn của các ngành có cán bộ vi phạm để "xử lý

nội bộ", "rút kinh nghiệm sâu sắc". Chẳng hạn vụ án liên quan đến tham ô tài sản tại Hà Giang. Qua xác minh đơn tố cáo công dân, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm kinh tế, chức vụ công an tỉnh Hà Giang phát hiện trong hai năm 2012, 2013, ông Phạm Ngọc Thành, Giám đốc Trung tâm cứu trợ trẻ em tàn tật, thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Giang đã chỉ đạo bà Nguyễn Thị Lan Anh (kế toán trung tâm) và Trịnh Thu Hương (thủ quỹ trung tâm) không phát hết số tiền hỗ trợ cho trẻ khuyết tật đến khám sàng lọc năm 2012, 2013 và giữ lại số tiền gần 151 triệu đồng. Tiếp đó ông Thành đã chỉ đạo lập chứng từ khống để quyết toán chiếm hưởng số tiền nói trên. Bên cạnh đó, ông Thành đã chỉ đạo bà Nguyễn Thị Lan Anh nâng khống giá trị các trang thiết bị để hưởng chênh lệch với số tiền hơn 31 triệu đồng. Sau khi nhận tiền, ông Thành, bà Nguyễn Thị Lan Anh đã sử dụng tiêu xài vào mục đích cá nhân. Với hồ sơ đã được làm rõ, Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hà Giang xác định: "đây là vụ việc có dấu hiệu phạm tội tham ô tài sản", gồm các tình tiết tăng nặng như "phạm tội có tổ chức", "số tiền chi sai và chiếm hưởng với số lượng lớn lên đến 181.950.000 đồng". Tuy nhiên, ngày 04/10/2013, ông Lý Quang Thái, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Giang đã có công văn gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đề nghị *"không khởi tố vụ án hình sự đối với các cá nhân sai phạm liên quan đến vụ việc nêu trên và chuyển hồ sơ để Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xử lý cán bộ theo thẩm quyền"* vì *"Hà Giang là tỉnh nghèo, có rất nhiều trẻ em tàn tật cần được hỗ trợ. Nếu cơ quan điều tra khởi tố hình sự, thì các tổ chức, cá nhân sẽ biết chuyện, không hỗ trợ cho nữa. Việc không khởi tố là để góp phần ổn định chính trị tại địa phương..."*. Sau đó, VKSND tỉnh, Công an tỉnh Hà Giang đã họp và thống nhất không khởi tố theo đề nghị từ công văn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Giang⁹⁷. Chỉ đến khi Văn phòng Chính phủ ra Công văn số 10737/ VPCP - V.I ngày 20/12/2013 chỉ đạo giải

⁹⁷Xem <http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/21866902-khong-khoi-to-tham-o-la-gop-phan-on-dinh-chinh-tri-dia-phuong.html>, truy cập ngày 24/02/2016.

quyết vụ việc thì Cơ quan điều tra công an tỉnh Hà Giang mới ra quyết định khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản⁹⁸. Như vậy, có thể nói việc ra quyết định khởi tố trong vụ án này không phụ thuộc vào quy định pháp luật mà phụ thuộc vào các công văn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Giang và Văn phòng Chính phủ.

Thứ tư, hạn chế về trình độ, năng lực của một số Điều tra viên, Kiểm sát viên trong các cơ quan tiến hành tố tụng. Hiện nay vẫn còn một số Điều tra viên, Kiểm sát viên vừa yếu về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ vừa yếu về kiến thức pháp luật khi chưa hiểu rõ quy định của luật hình sự cũng như luật tố tụng hình sự, không cập nhật các văn bản pháp luật đặc biệt là các thông tư liên tịch hướng dẫn xử lý các tội phạm cụ thể. Chẳng hạn trong hoạt động xác định tội danh, thực tiễn khởi tố vụ án hình sự cho thấy ngoài nguyên nhân khách quan do tính phức tạp của hoạt động định tội danh, còn có nguyên nhân về nhận thức pháp luật thiếu căn bản, thiếu cập nhật của một bộ phận những người tiến hành tố tụng đã dẫn đến việc xác định tội danh chưa chính xác, có nhiều nhầm lẫn giữa tội danh này với tội danh khác, giữa vi phạm hành chính với tội phạm, tập trung trong một số tội phạm như: tội Giết người (Điều 93) với tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95), tội Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96) và tội Cố ý gây thương tích trong trường hợp dẫn đến chết người (Điều 104); tội Cướp tài sản (Điều 133) và Cưỡng đoạt tài sản (Điều 135), Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139) và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140);... dẫn đến việc khởi tố sai về tội danh. Ngoài ra, nhiều cơ quan tiến hành tố tụng còn chưa xác định đúng tội danh hoặc bỏ lọt tội phạm trong trường hợp phạm nhiều tội, trường hợp tội phạm này là phương tiện để thực hiện tội phạm khác...

Tình trạng một số Điều tra viên chỉ giỏi về nghiệp vụ điều tra và làm sai quy định về tố tụng và ngược lại, tình trạng kiểm sát viên không biết về nghiệp

⁹⁸Xem <http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/tin-tuc-su-kien/item/21970502-chinh-phu-chi-dao-giai-quyet-vu-chiem-dung-tien-tre-em-khuyet-tat-ha-giang.html>, truy cập ngày 24/02/2016.

vụ điều tra và khi kiểm sát điều tra chủ yếu là phát hiện và khắc phục các thiếu sót về tố tụng hiện nay vẫn còn tồn tại. Một số Điều tra viên, Kiểm sát viên thiếu chủ động trong việc thực hiện các hoạt động ở giai đoạn khởi tố vụ án hình sự khiến việc giải quyết vụ án không bảo đảm thời hạn, tiến độ cũng như không xác định rõ được các vấn đề cần chứng minh, nghiên cứu đánh giá chứng cứ không toàn diện, không khách quan... nên dẫn tới những hệ quả như: bỏ lọt tội phạm, gây lãng phí, thiệt hại về tài sản, công sức cho chính bản thân cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan hỗ trợ tư pháp cũng như các cơ quan - tổ chức khác và những người có liên quan trong vụ án.

Bên cạnh đó, một số người có thẩm quyền trong việc khởi tố vụ án hình sự có sự suy thoái về đạo đức nghề nghiệp. Một số Kiểm sát viên và Điều tra viên không có bản lĩnh vững vàng, kiên quyết đấu tranh chống tội phạm đã bị kẻ xấu lợi dụng mua chuộc để che giấu tội phạm bằng việc không khởi tố để xử lý trước pháp luật, việc làm đó đã ảnh hưởng tới hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Theo số liệu của Bộ Công an trong báo cáo tổng kết 4 năm thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ Chính trị, lực lượng Cảnh sát điều tra có 24.454 cán bộ với 10.140 Điều tra viên, tuy nhiên, qua chuyên đề Bắt, giam giữ, xử lý án, thu giữ, xử lý vật chứng, đã xử lý kỷ luật 647 cán bộ chiến sĩ, đặc biệt, qua công tác tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã xử lý 2.097 cán bộ chiến sĩ. Những con số này phần nào cho thấy tình trạng suy thoái đạo đức của một bộ phận trong hệ thống tư pháp hình sự, là nguyên nhân dẫn đến các hiện tượng tiêu cực của bộ máy tư pháp, dẫn đến khiếu nại trong tố tụng hình sự gia tăng và diễn biến phức tạp. Theo báo cáo của Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo: *“Trong lĩnh vực điều tra, chủ yếu khiếu nại về việc khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và khiếu nại về kết luận điều tra”*⁹⁹.

⁹⁹ Đoàn Giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2008), *Báo cáo kết quả giám sát việc thi hành pháp luật về*

Thứ năm, nhiều Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát chưa kịp thời bổ sung biên chế, dẫn đến tình trạng một Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện hoạt động khởi tố, kiểm sát khởi tố số lượng vụ án quá lớn, đặc biệt là ở các thành phố trực thuộc trung ương như Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh hay một số thành phố trực thuộc tỉnh trong khi yêu cầu chứng minh và thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự ngày càng đòi hỏi chặt chẽ hơn, tránh để xảy ra oan, sai trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Tình hình tội phạm diễn biến phức tạp; quy mô tính chất mức độ phạm tội ngày càng nghiêm trọng; thủ đoạn hoạt động phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt; số lượng các vụ án hình sự xảy ra nhiều và có chiều hướng gia tăng, năm sau cao hơn năm trước trong khi lực lượng, biên chế, điều kiện, phương tiện phục vụ công tác của đa số các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Hiện nay ở cấp huyện, cấp giải quyết phần lớn tin báo, tố giác về tội phạm phát sinh hàng ngày đều không có phương tiện ô tô, không có các phương tiện kỹ thuật hỗ trợ để sử dụng khi thực hiện một số hoạt động như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi... dẫn đến những công tác trên khó thể đảm bảo được đầy đủ, chính xác, kịp thời. Có thể nói, điều kiện vật chất và phương tiện làm việc chưa tương xứng với tính chất và yêu cầu công việc của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị đã từng đánh giá: *“Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở cấp huyện nhiều nơi trụ sở còn rất chật chội, phương tiện làm việc vừa thiếu lại vừa lạc hậu; chính sách đối với cán bộ tư pháp chưa tương xứng với nhiệm vụ và trách nhiệm vụ được giao”*¹⁰⁰ nhưng đến thời điểm hiện tại, tình trạng này vẫn chưa được khắc phục đáng kể.

kiểu nại, tố cáo, ngày 20/8/2008, Hà Nội.

¹⁰⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.

Đồng thời, việc khởi tố vụ án hình sự rất cần các chứng cứ từ các hoạt động giám định liên quan đến khoa học pháp y, khoa học kỹ thuật hình sự, khảo cổ, văn hóa, tài chính... làm cơ sở xác định mức độ tổn hại sức khỏe, giá trị tài sản... để khẳng định hành vi có cấu thành tội phạm hay không để quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Thực tế hiện nay, với quy định cơ quan nào trung cầu giám định, cơ quan đó chi trả kinh phí giám định, trong khi đó, như đối với Viện kiểm sát, chi phí giám định nằm trong tổng mức kinh phí khoán chi hằng năm đã dẫn tới những hiện tượng “đùn đẩy” trách nhiệm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc “trả hồ sơ” để cơ quan thụ lý trước đó phải trung cầu giám định lại hoặc giám định bổ sung, thậm chí chỉ cấp giấy giới thiệu cho người tham gia tố tụng đến tổ chức giám định và người được trung cầu giám định phải trả những khoản phí chính thức và không chính thức cho cơ quan giám định. Điều này khiến cho kết quả giám định rất dễ bị sai lệch dẫn tới các quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự có khả năng bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả khởi tố vụ án hình sự

3.3.1. Nhu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động khởi tố vụ án hình sự

Khi nhận định về tình công tác tư pháp, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02.01.2002 của Bộ Chính trị đã nêu: *“chất lượng công tác tư pháp nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân; còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do và dân chủ của nhân dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các cơ quan tư pháp”*. Từ đó, Đảng đã xác định những nguyên nhân gây nên tình trạng đó và đề ra nhiệm vụ để các cơ quan tư pháp thực hiện, bao gồm các nhiệm vụ *“thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chuyên trách điều tra với các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để phục vụ tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm”* và *“Viện kiểm sát các cấp thực*

hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ”.

Để tiếp tục thực hiện chủ trương cải cách tư pháp đã đề ra, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 nêu phương hướng “*Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước Pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người*”. Đồng thời, Bộ chính trị đề ra các nhiệm vụ “*Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp*”.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI tiếp tục khẳng định: “*Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp*”.

Như vậy, Chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với công tác cải cách tư pháp là công tác này phải có những chuyển biến mạnh mẽ, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải bảo đảm mọi tội phạm và người phạm tội được phát hiện kịp thời, đầy đủ, xử lý nghiêm

minh, có căn cứ và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội nhưng phải bảo đảm không để làm oan người vô tội. Việc hoàn thiện quy định pháp luật tố tụng hình sự nói chung và quy định khởi tố vụ án hình sự nói riêng phải trên cơ sở quán triệt đầy đủ quan điểm, chủ trương cải cách tư pháp thể hiện trong các nghị quyết, văn kiện của Đảng nêu trên.

Trong những năm qua, tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, số lượng các vụ án hình sự được phát hiện, khởi tố điều tra năm sau luôn cao hơn năm trước với tính chất, mức độ và hậu quả ngày càng nghiêm trọng. Tình hình đó đòi hỏi hoạt động tố tụng hình sự ngày càng phải được nâng cao về chất lượng. Việc giải quyết vụ án hình sự có thể trải qua nhiều giai đoạn tố tụng khác nhau, trong đó giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu tiên của tố tụng hình sự, mở đầu cho quá trình chứng minh vụ án. Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng rất quan trọng, đóng vai trò tiền đề cho các giai đoạn tố tụng tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Việc khởi tố vụ án hình sự sẽ tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động tố tụng tiếp theo và hầu hết các hoạt động tố tụng hình sự chỉ có thể được tiến hành sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự. Nếu việc khởi tố vụ án hình sự được thực hiện một cách kịp thời, có căn cứ và đúng pháp luật sẽ góp phần đảm bảo cho phát hiện và xử lý tội phạm được nhanh chóng, tránh tình trạng truy cứu trách nhiệm hình sự oan sai đối với người vô tội. Ngược lại, nếu việc khởi tố vụ án hình sự không kịp thời sẽ có thể dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm, còn việc khởi tố vụ án không chính xác thì sẽ dẫn đến oan sai cho người vô tội, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tính nghiêm minh của pháp luật cũng như trật tự xã hội.

Khởi tố vụ án hình sự là một trong những vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng trong khoa học Luật tố tụng hình sự. Quy định này được pháp điển hoá đầu tiên trong BLTTHS năm 1988, tiếp tục được bổ sung, phát triển trong BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015. BLTTHS quy định trình tự, thủ

tục khởi tố vụ án hình sự khá đầy đủ và cụ thể, trở thành cơ sở pháp lý quan trọng, đã và đang phát huy vai trò tích cực trong thực tiễn. Tuy nhiên, sau một thời gian dài áp dụng, các quy định về khởi tố vụ án hình sự cũng dần bộc lộ những vướng mắc, bất cập nhất định do còn nhiều điểm chưa hợp lý và thiếu đồng bộ, thống nhất; chưa dự liệu và điều chỉnh hết những trường hợp xảy ra trong thực tiễn tố tụng hình sự; chưa thực sự đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự. Những hạn chế này gây không ít khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc nhận thức và áp dụng quy định pháp luật, dẫn đến tình trạng khởi tố oan sai người vô tội hoặc bế tắc trong việc phát hiện và xử lý tội phạm. Do đó, việc hoàn thiện các quy định về khởi tố vụ án hình sự là vấn đề hết sức cấp thiết cần phải thực hiện nhằm xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người phù hợp với các yêu cầu, nhiệm vụ của Chiến lược cải cách tư pháp mà đặt ra.

3.3.2. Một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khởi tố vụ án hình sự

3.3.2.1. Giải pháp về pháp luật

Trong những năm vừa qua, quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự trong BLTTHS năm 2003 đã đáp ứng phần nào yêu cầu về cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Những thành công của việc thực hiện Bộ luật này đã khẳng định và nêu cao trách nhiệm của Nhà nước với công dân, đảm bảo các quyền tự do dân chủ của nhân dân; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan tố tụng, đảm bảo xử lý nhanh gọn, kịp thời hành vi phạm tội nhưng vẫn đảm bảo tính có căn cứ và đúng pháp luật trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, như đã phân tích nêu trên, trong quá trình áp dụng trên thực tiễn, BLTTHS năm 2003 vẫn còn nhiều tồn tại nhiều vướng mắc, bất cập khiến hiệu quả của hoạt động khởi tố vụ án hình sự vẫn còn hạn chế. Tuy một số vướng mắc, bất cập đã được khắc phục bởi BLTTHS năm 2015 nhưng

vẫn còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập mà quy định của BLTTHS năm 2015 vẫn chưa giải quyết được. Những điểm cần được xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và đáp ứng được việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác khởi tố vụ án hình sự bao gồm:

- Trong quy định về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự

Thứ nhất, cần sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 153 BLTTHS năm 2015 theo hướng bãi bỏ quy định cho phép Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm. Quy định về việc Hội đồng xét xử có thẩm quyền khởi tố vụ án trong BLTTHS năm 2015 không phù hợp với Hiến pháp và Luật tổ chức TAND về chức năng của Tòa án, không đảm bảo tính độc lập, khách quan của Tòa án trong việc giải quyết vụ án cũng như phù hợp với thực tiễn khi Hội đồng xét xử hầu như không ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trên thực tế. Vì vậy, theo quan điểm của tác giả thì BLTTHS chỉ nên quy định quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự cho Hội đồng xét xử mà không nên quy định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự. Tác giả kiến nghị sửa đổi khoản 4 Điều 153 BLTTHS năm 2015 với nội dung như sau: “*Hội đồng xét xử yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm*”.

Thứ hai, BLTTHS năm 2015 phải bổ sung quy định về việc xác định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra theo cấp (cấp huyện, cấp tỉnh), theo hệ thống (cơ quan điều tra trong công an nhân dân, quân đội nhân dân, viện kiểm sát) và theo lãnh thổ. Khi bổ sung quy định này, BLTTHS cần xây dựng các tiêu chí để xác định thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự theo quy trình xuôi, tức là xây dựng tiêu chí để xác định thẩm quyền khởi tố vụ án trước, trên cơ sở đó xác định thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử. Các tiêu chí phân định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan điều tra được xây dựng trên cơ sở thẩm quyền theo sự việc, thẩm quyền theo đối tượng và thẩm

quyền theo lãnh thổ. Dựa trên các tiêu chí này, tác giả đề xuất bổ sung quy định về xác định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra với nội dung như sau:

“Điều... Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra

1. Cơ quan điều tra cấp huyện và Cơ quan điều tra quân sự khu vực khởi tố những vụ án hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng, trừ những tội phạm:

a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;

b) Các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh;

c) Các tội quy định tại các điều 123, 125, 126, 227, 277, 278, 279, 280, 282, 283, 284, 286, 287, 288, 337, 368, 369, 370, 371, 399 và 400 của BLHS;

d) Các tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cơ quan điều tra cấp tỉnh và Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu khởi tố những vụ án:

a) Vụ án hình sự về các tội phạm không thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra cấp huyện và Cơ quan điều tra quân sự khu vực;

b) Vụ án hình sự có người thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, bị hại, đương sự ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan đến vụ án ở nước ngoài;

c) Vụ án hình sự thuộc thẩm quyền khởi tố của Cơ quan điều tra cấp huyện và Cơ quan điều tra quân sự khu vực nhưng có nhiều tình tiết phức tạp khó đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; vụ án mà người thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, người có chức sắc trong tôn giáo hoặc có uy tín cao trong dân tộc ít người.

Điều... Thẩm quyền theo đối tượng

1. Cơ quan điều tra của Công an nhân dân có quyền khởi tố tất cả các tội phạm, trừ những tội phạm thuộc thẩm quyền khởi tố của Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và Cơ quan điều tra VKSND tối cao.

2. Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân khởi tố các tội phạm mà người phạm tội là:

a) Quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu; dân quân, tự vệ phối thuộc với Quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và những người được trưng tập làm nhiệm vụ quân sự do các đơn vị quân đội trực tiếp quản lý;

b) Những người không thuộc các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này mà phạm tội có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại cho Quân đội.”

3. Cơ quan điều tra VKSND tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương khởi tố tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm về tham nhũng, chức vụ quy định tại Chương XXIII và Chương XXIV của BLHS xảy ra trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp.

Điều ... Thẩm quyền theo lãnh thổ

1. Cơ quan điều tra có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự là Cơ quan điều tra nơi tội phạm được thực hiện. Trường hợp tội phạm được thực hiện tại nhiều nơi khác nhau hoặc không xác định được nơi thực hiện tội phạm thì Cơ quan điều tra có thẩm quyền khởi tố là Cơ quan điều tra nơi phát hiện tội phạm, nơi người thực hiện hành vi cư trú hoặc bị bắt.

2. Hành vi phạm tội ở nước ngoài nếu bị phát hiện ở Việt Nam thì Cơ quan điều tra cấp tỉnh nơi cư trú cuối cùng của người thực hiện hành vi ở trong nước khởi tố. Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng ở trong nước của người thực hiện hành vi thì tùy trường hợp, Cơ quan điều tra Bộ công an ra quyết định giao cho Cơ quan điều tra thành phố Hà Nội hoặc Cơ quan điều tra thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cơ quan điều tra thành phố Đà Nẵng khởi tố.

Người phạm tội ở nước ngoài nếu thuộc thẩm quyền khởi tố của Cơ quan điều tra quân đội nhân dân thì Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu khởi tố theo quyết định của Thủ trưởng Cơ quan điều tra Bộ quốc phòng.

Điều... Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự đối với tội phạm xảy ra trên tàu bay, tàu biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang hoạt động ngoài không phận hoặc ngoài lãnh hải của Việt Nam

Tội phạm xảy ra trên tàu bay hoặc tàu biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang hoạt động ngoài không phận hoặc ngoài lãnh hải của Việt Nam thuộc thẩm quyền khởi tố của Cơ quan điều tra Việt Nam nơi có sân bay hoặc bến cảng trở về đầu tiên hoặc nơi tàu bay, tàu biển đó được đăng ký”.

Thứ ba, sửa đổi khoản 1 Điều 153 BLTTHS năm 2015 theo hướng cho phép Cơ quan điều tra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với tất cả vụ việc có dấu hiệu tội phạm. Việc sửa đổi như trên sẽ khắc phục được bất cập trong quy định tại khoản 1 Điều 153 BLTTHS hiện nay: Nếu vụ việc đang được cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát thụ lý, giải quyết nhưng sau đó các cơ quan này xác định vụ việc không thuộc thẩm quyền khởi tố của họ mà thuộc thẩm quyền khởi tố của Cơ quan điều tra thì Cơ quan điều tra lại không có quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Do đó, để đảm bảo tính đầy đủ và chặt chẽ, tác giả đề xuất sửa quy định tại khoản 1 Điều 153 BLTTHS năm 2015 như sau: *Cơ quan điều tra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với tất cả vụ việc có dấu hiệu tội phạm.*

- Trong quy định về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố

Thứ nhất, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 484 BLTTHS về đối tượng được áp dụng biện pháp bảo vệ bao gồm cả người báo tin về tội phạm cho phù hợp với quy định tại Điều 56 BLTTHS năm 2015, góp phần đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho người đã báo tin về tội phạm, khuyến khích và tạo điều kiện cho họ tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm. Khoản 1 Điều 484 BLTTHS được bổ sung như sau:

“Điều 484. Người được bảo vệ

1. Những người được bảo vệ gồm:

a) Người tố giác tội phạm;

b) Người báo tin tội phạm

c) Người làm chứng;

d) Bị hại;

e) Người thân thích của người tố giác tội phạm, người báo tin tội phạm, người làm chứng, bị hại”.

Đồng thời bổ sung quy định tại Điều 145 BLTTHS về trách nhiệm của Cơ quan điều tra có thẩm quyền phải áp dụng mọi biện pháp do pháp luật tố tụng hình sự quy định để bảo vệ người tố giác, người báo tin về tội phạm và người thân của họ. Quy định này nhằm cụ thể hóa quyền được bảo vệ của người tố giác tội phạm, người báo tin về tội phạm tại Điều 56 BLTTHS và đề cao trách nhiệm của Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong việc kịp thời xem xét và áp dụng các biện pháp cần thiết do pháp luật quy định để bảo vệ tính mạng, sức

khỏe, danh dự, nhân phẩm quyền, lợi ích hợp pháp khác cho người tố giác, người báo tin về tội phạm và người thân của họ. Điều 145 BLTTHS được bổ sung như sau:

“Điều 145. Trách nhiệm tiếp nhận và thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

.

5. Cơ quan có thẩm quyền giữ bí mật việc tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ, người thân thích của họ khi bị đe dọa.”

Thứ hai, bổ sung quy định mang tính khuyến khích những người tố giác, tố cáo đúng sự thật thì phải được khen thưởng nhằm khuyến khích tinh thần tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm của họ. Quy định này sẽ tạo ra sự tương xứng trong các quy định của các ngành luật khác như luật phòng chống tham nhũng, luật khiếu nại tố cáo... Trong các ngành luật này, người tố cáo được khen thưởng theo quy định của pháp luật trong khi người tố giác, báo tin về hành vi phạm tội thì BLTTHS lại không có quy định tương xứng. Do đó, tác giả đề xuất bổ sung quy định về khen thưởng tại Điều 56 và Điều 144 BLTTHS, cụ thể như sau:

“Điều 56. Người tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố

1. Cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm; cơ quan, tổ chức đã báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố có quyền:

d) Được khen thưởng theo quy định của luật.

....

Điều 144. Tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

...

6. *Người tố giác, báo tin về tội phạm đúng sự thật được khen thưởng theo quy định của luật”.*

Thứ ba, sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 9 Pháp lệnh Công an xã của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 06/2008/PL-UBTVQH12 về nhiệm vụ và quyền hạn của Công an xã. Theo quy định này thì công an xã có quyền “tiếp nhận, phân loại, xử lý theo thẩm quyền các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã...”. Với quy định trên cho thấy hoạt động phân loại, xử lý các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật của Công an xã về cơ bản chính là hoạt động phân loại, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm. Tuy nhiên, do công an xã là lực lượng bán chuyên trách nên mức độ nhận thức về pháp luật còn yếu, vì vậy việc giao cho lực lượng này cũng có thẩm quyền giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm là không hợp lý, rất dễ xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Do đó, vai trò của Công an cấp xã đối với tin báo, tố giác về tội phạm chỉ nên dừng lại ở việc tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Vì vậy, tác giả đề xuất sửa đổi khoản 6 Điều 9 Pháp lệnh Công an xã như sau:

“Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xã

...

6. Tiếp nhận, chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã;

...”

- Trong quy định về ban hành các quyết định tố tụng

Thứ nhất, sửa đổi mẫu số 01- QĐ ban hành theo Quyết định số 1351/QĐ-BCA (C11) của Bộ Công an ngày 18/11/2004 về hình thức của Quyết định khởi tố vụ án hình sự. Do hình thức của mẫu quyết định chỉ yêu cầu xác định sự việc xảy ra có dấu hiệu của tội phạm tại điều luật nào mà không yêu cầu xác

định khoản của điều luật áp dụng nên đã dẫn đến việc các cơ quan có thẩm quyền khi ra quyết định khởi tố vụ án cũng theo mẫu, tức là chỉ xác định tội phạm bị khởi tố theo điều luật nào chứ không xác định khoản nào bị áp dụng. Do đó, tác giả đề xuất sửa mẫu số 01- QĐ ban hành theo Quyết định số 1351/QĐ-BCA (C11) của Bộ Công an ngày 18/11/2004 về hình thức của Quyết định khởi tố vụ án hình sự, theo đó: “... sau khi xác định có dấu hiệu của tội phạm... quy định tại khoản... Điều... BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Thứ hai, bổ sung căn cứ “*người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự*” là một trong các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự. Theo quy định của pháp luật hình sự thì độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và năng lực trách nhiệm hình sự là hai yếu tố không thể thiếu để coi một người là chủ thể của tội phạm. Trong trường hợp một người đủ tuổi nhưng rơi vào trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thì người này sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, không thể khởi tố vụ án để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người này. BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 mới chỉ quy định căn cứ người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự mà chưa quy định căn cứ người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự nên dẫn đến bất cập là các cơ quan có thẩm quyền sẽ không có căn cứ để ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Do đó, tác giả đề xuất bổ sung quy định tại Điều 157 BLTTHS, cụ thể như sau:

“Điều 157. Căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

Không được khởi tố vụ án hình sự khi có một trong các căn cứ sau:

....

4. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự

....”

Thứ ba, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về trường hợp công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài và đã bị tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại xử lý hành vi phạm tội đó bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có khởi tố về hành vi phạm tội đó nữa hay không. Tại khoản 3 Điều 31 Hiến pháp 2013 quy định: *“Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm”*. Ở Việt Nam, quy định của Hiến pháp và pháp luật tố tụng hình sự không giới hạn bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực là của Tòa án Việt Nam hay Tòa án nước ngoài. Theo quan điểm của tác giả, việc có khởi tố vụ án hình sự hay không thì cần phải chia làm hai trường hợp:

+ *Trường hợp 1, nếu việc kết án của nước sở tại phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của Việt Nam thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ không khởi tố vụ án hình sự.*

+ *Trường hợp 2, nếu việc kết án của nước sở tại không phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của Việt Nam thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có quyền khởi tố vụ án hình sự nếu hành vi phạm tội xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam.*

Như vậy, nếu hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự của nước sở tại đối với người phạm tội là công dân Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ không khởi tố vụ án hình sự nhằm tránh tình trạng *“kết án hai lần về một hành vi phạm tội”*. Tuy nhiên, nếu hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự của nước sở tại đối với người phạm tội là công dân Việt Nam lại không phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam trong khi hành vi phạm tội xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của đất nước thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có quyền

khởi tố vụ án hình sự. Việc khởi tố vụ án trong trường hợp này nhằm bảo vệ cho lợi ích của quốc gia. Đồng thời, việc quy định như trên cũng sẽ phù hợp với quy định tại Khoản 7 Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên: *“Không ai bị đưa ra xét xử hoặc bị trừng trị lần thứ hai về cùng một tội phạm mà người đó đã bị kết án hoặc đã được tuyên trắng án phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của mỗi nước”*.

- Trong quy định về thời hạn tố tụng

Thứ nhất, về thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, BLTTHS cần quy định cụ thể trường hợp tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp. Theo quan điểm của tác giả, những trường hợp tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp bao gồm những trường hợp sau đây:

+ Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm do nhiều người thực hiện, có dấu hiệu phạm tội có tổ chức hoặc có dấu hiệu phạm nhiều tội;

+ Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc nhiều địa phương;

+ Trường hợp vụ việc có nhiều tài liệu, có các chứng cứ mâu thuẫn với nhau cần có thêm thời gian để nghiên cứu hoặc tham khảo ý kiến của cơ quan chuyên môn.

Đồng thời cần quy định cụ thể trường hợp nào hết thời hạn giải quyết tố giác tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố nhưng chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền được quyền gia hạn, trường hợp nào không được quyền gia hạn.

Bên cạnh đó, BLTTHS cần có sự phân hóa trong quy định về thời hạn giải quyết các loại tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố trên cơ sở tội

phạm, tính chất phức tạp, chủ thể bị tố giác, báo tin phạm tội, phạm vi xác minh.

Thứ hai, BLTTHS cần quy định cụ thể thời gian kiểm tra, xác minh ban đầu đối với các nguồn thông tin về tội phạm hạn chế tình trạng việc kiểm tra, xác minh kéo dài mà cơ quan có thẩm quyền không vào sổ thụ lý.

Thứ ba, cần quy định cụ thể hướng giải quyết trong trường hợp hết thời hạn giải quyết tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền xác định có dấu hiệu tội phạm nhưng tội phạm thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại mà người bị hại chưa có đơn yêu cầu khởi tố và cũng không có hành vi cụ thể về việc sẽ từ bỏ quyền yêu cầu khởi tố của mình. Về vấn đề này, theo tác giả có thể có hai phương án để lựa chọn.

+ *Phương án một*, BLTTHS quy định cụ thể thời hạn để người bị hại phải quyết định việc yêu cầu khởi tố hoặc không yêu cầu khởi tố và thời hạn này phù hợp với thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Tuy nhiên, quy định này sẽ hạn chế thời gian xem xét, quyết định yêu cầu khởi tố của người bị hại. Hiện nay BLTTHS không quy định thời hạn mà người bị hại yêu cầu khởi tố hoặc không yêu cầu khởi tố theo đó thời hạn yêu cầu khởi tố sẽ tồn tại khi còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ *Phương án hai*, nếu không quy định hạn chế thời hạn yêu cầu khởi tố của người bị hại thì hết thời hạn kiểm tra xác minh mà người bị hại không thể hiện rõ ý chí của họ là yêu cầu hoặc không yêu cầu thì nên quy định cơ quan có thẩm quyền được ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố (bổ sung căn cứ này vào Điều 148 BLTTHS). Đến khi nào người bị hại thể hiện rõ ý chí thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Còn nếu hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

- ***Trong quy định về kiểm sát khởi tố vụ án hình sự***

BLTTTHS năm 2015 cần bổ sung quy định liên quan đến công tác kiểm sát của Viện kiểm sát. Hoạt động kiểm sát khởi tố vụ án hình sự của Viện kiểm sát cần phải được tiến hành ngay từ khi các cơ quan có thẩm quyền tiến hành phân loại, xác minh sơ bộ thông tin nhận được xem có phải là tin báo, tố giác về tội phạm hay không. Do lượng thông tin về tội phạm tiếp nhận được hiện nay là rất lớn, tuy nhiên không phải thông tin nào cũng là tin báo, tố giác về tội phạm mà có rất nhiều loại chỉ là tranh chấp về dân sự, hay tin báo nặc danh, không có căn cứ, nếu đưa tất cả nhưng thông tin trên vào đúng quy trình giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm theo luật định thì sẽ rất vất vả cho các cơ quan tố tụng, lãng phí công sức. Do đó ngay từ khi tiếp nhận thông tin về tội phạm, cần thiết phải bổ sung quy định cơ quan có thẩm quyền phải phối hợp với Viện kiểm sát tiến hành phân loại, xác minh sơ bộ ban đầu, nếu xác định những thông tin đó là tin báo, tố giác về tội phạm thì mới tiến hành giải quyết. Theo quan điểm của tác giả, nội dung cần phải được bổ sung là: *“Kể từ ngày nhận được thông tin về tội phạm, Cơ quan điều tra, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phối hợp với Viện kiểm sát tiến hành phân loại, xác minh sơ bộ ban đầu, nếu đó là tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền của mình thì trong phạm vi trách nhiệm phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự”*.

3.3.2.2. Các giải pháp khác

Bên cạnh những giải pháp khắc phục những bất cập, vướng mắc trong quy định pháp luật, tác giả đề xuất một số giải pháp khác nâng cao hiệu quả hoạt động khởi tố vụ án hình sự, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, nâng cao vai trò của Viện kiểm sát trong chỉ đạo, giám sát hoạt động khởi tố vụ án. Trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, hoạt động kiểm sát

của Viện kiểm sát không chỉ đối với các quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự (vẫn thường làm từ trước đến nay), mà toàn bộ hoạt động khởi tố, bao gồm cả tiếp nhận tin báo, tố giác; hoạt động kiểm tra, xác minh của cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình Viện kiểm sát thực hiện hoạt động kiểm sát khởi tố vụ án hình sự, để đảm bảo Viện kiểm sát thực hiện công tác có hiệu quả thì quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát là hết sức cần thiết. Công tác kiểm sát khởi tố vụ án hình sự đạt kết quả cao nhất khi Viện kiểm sát luôn đảm bảo bám sát quá trình giải quyết của Cơ quan điều tra, và để làm tốt điều này đòi hỏi giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát phải có sự phối hợp thường xuyên. Trong quá trình giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm của Cơ quan điều tra thường phát sinh nhiều hoạt động nghiệp vụ khác nhau như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét, đối chất, nhận dạng..., là những hoạt động cần thiết phải có sự kiểm sát của Viện kiểm sát, ngoài vai trò để kiểm sát việc tuân theo pháp luật, còn là phối hợp với Cơ quan điều tra xác định những vấn đề cần phải làm rõ. Giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát luôn phải đảm bảo sự phối hợp có hiệu quả từ việc giải quyết vụ việc đơn lẻ, đến việc hợp liên ngành, tổng kết rút kinh nghiệm, cùng nhau tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi nhiệm vụ, từ đó đưa ra giải pháp giải quyết phù hợp. Hiện nay BLTTHS mới chỉ quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, do vậy các cơ quan có thẩm quyền cần sớm có văn bản hướng dẫn chi tiết, cụ thể hóa quy định của pháp luật về mối quan hệ này nhằm bảo đảm nhận thức thống nhất giữa các bên. Đồng thời, cần ban hành các quy định nhằm đảm bảo cơ chế ràng buộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra phải thực hiện các yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát, tránh tình trạng các yêu cầu, quyết định này được Viện kiểm sát đưa ra nhưng không được Cơ quan điều tra thực hiện một cách nghiêm túc, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động khởi tố vụ án hình sự.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo của lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp. Với những đặc điểm của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu quá trình tố tụng, xác định những thông tin đầu tiên về tội phạm, làm căn cứ mở ra hàng loạt hoạt động điều tra sau này. Công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp có ý nghĩa rất quan trọng trong việc định hướng đường lối giải quyết, đảm bảo vụ việc có thể giải quyết nhanh chóng, kịp thời. Làm tốt công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành sẽ đảm bảo phát huy tối đa khả năng, trí tuệ của từng cán bộ, công chức, sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các đơn vị trong ngành, kịp thời phát hiện những thiếu sót, tồn tại trong quá trình thực hiện để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời. Do đó để nâng cao được chất lượng công tác kiểm sát hoạt động khởi tố vụ án hình sự thì lãnh đạo của VKSND các cấp cần phải:

+ Quan tâm chỉ đạo, kiểm tra hoạt động kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm của cấp dưới với tác phong sâu sát, cụ thể, kịp thời và điều hành quyết liệt. Phải luôn xác định bản thân phải chịu trách nhiệm trước hết về mọi khuyết điểm, vi phạm xảy ra đối với công tác mà mình phụ trách.

+ Công tác giải quyết tin báo, tố giác tội phạm là một công tác khó, phức tạp đòi hỏi cán bộ thực hiện phải có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, ngoài kiến thức pháp lý ra người đó cũng cần phải có kiến thức xã hội sâu rộng do đó bản thân người quản lý, lãnh đạo cần phải nhìn nhận, lựa chọn, phân công cán bộ phù hợp để giải quyết công việc này. Ngoài ra người quản lý, lãnh đạo cần tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, kiểm tra định kỳ, kiểm tra bất thường giữa cấp trên và cấp dưới, giữ thủ trường và nhân viên để kịp thời phát hiện những thiếu sót, bất cập trong quá trình giải quyết từ đó xác định rõ nguyên nhân để kịp thời có phương án chỉ đạo khắc phục.

+ Cần đánh giá đúng đắn vai trò quan trọng của công tác kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, tránh tình trạng hoạt động “*qua loa*” dẫn đến nhiều vụ án bị oan sai ngay từ đầu hoặc bỏ lọt tội phạm gây nhiều bức

xúc trong dư luận. Bên cạnh đó, phải đảm bảo công tác chỉ đạo nghiệp vụ trong ngành đối với hoạt động kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm đạt yêu cầu về cả chất lượng và thời gian trả lời các thỉnh thị, hướng dẫn cụ thể liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của Viện kiểm sát cấp dưới.

Thứ ba, phải thường xuyên sàng lọc, xử lý nghiêm minh những trường hợp can thiệp bằng công văn của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, ngành có cán bộ vi phạm để “xử lý nội bộ”, “rút kinh nghiệm sâu sắc” nhằm bao che, bênh vực cho nhau nhân danh “uy tín, danh dự của ngành” sẽ dẫn tới sự dung túng và lệch lạc về nhận thức, ý thức trách nhiệm cũng như gây mất niềm tin vào sự nghiêm minh của pháp luật từ người dân. Phải xử lý hình sự đối với những cá nhân có hành vi xâm phạm hoạt động tư pháp như không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội, ra quyết định trái pháp luật, ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật, làm sai lệch hồ sơ vụ án... để răn đe mạnh mẽ trong toàn bộ hệ thống tư pháp, tránh tình trạng khởi tố không phụ thuộc vào pháp luật mà lại căn cứ vào công văn chỉ đạo của các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác.

Bên cạnh đó, phải tăng cường các cơ chế thanh tra, kiểm tra nội bộ, đặc biệt là hoạt động thanh tra các hành vi, quyết định tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Những hành vi, quyết định tố tụng không có căn cứ hoặc trái pháp luật của Cơ quan điều tra trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự như: Quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự... có thể bị phát hiện song hành cùng với hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát. Các quyết định xử lý vi phạm hành chính của Cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cũng có thể là đối tượng bị thanh tra, qua việc kiểm tra tính có căn cứ của các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan này có thể tìm được những trường hợp bỏ lọt tội phạm mà đáng lẽ phải khởi tố vụ án, đáng lẽ phải xử lý hình sự đã bị chuyển sang xử lý hành chính. Với các thẩm quyền riêng, các biện pháp nghiệp vụ riêng, cơ quan thanh tra chuyên ngành có những lợi

thể nhất định so với Viện kiểm sát trong việc phát hiện và xác định vi phạm, tiêu cực của Cơ quan điều tra.

Thứ tư, nâng cao trình độ nhận thức pháp luật, trình độ nghiệp vụ, rèn luyện phẩm chất đạo đức, bảo đảm chế độ đãi ngộ cho các Kiểm sát viên, Điều tra viên. Để nâng cao chất lượng khởi tố vụ án hình sự, một đòi hỏi khách quan là phải tiếp tục nâng cao trình độ pháp lý và nghiệp vụ cho các Điều tra viên, Kiểm sát viên, là những người trực tiếp thực hiện công tác khởi tố vụ án hình sự. Trong điều kiện cải cách tư pháp hiện nay, việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là yêu cầu được đặt ra hết sức cấp bách. Bản thân người làm công tác điều tra, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các chủ thể khác thì đương nhiên phải là những người nắm vững pháp luật, bên cạnh đó cần phải có sự đề linh hoạt, sáng tạo trong quá trình giải quyết nhiệm vụ được giao. Các Điều tra viên, Kiểm sát viên không những phải học tập để nâng cao trình độ học vấn của mình theo đúng tiêu chuẩn mà còn đòi hỏi phải được trau dồi nhiều kỹ năng nghiệp vụ. Công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các Điều tra viên, Kiểm sát viên cần chú trọng một số vấn đề sau:

+ Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát các cấp cần tiến hành các buổi họp giao ban kết hợp với việc phổ biến tới các Điều tra viên, Kiểm sát viên những văn bản pháp luật mới liên quan đến công tác của ngành, các hướng dẫn, thông báo rút kinh nghiệm. Qua đó để các Điều tra viên, Kiểm sát viên có điều kiện trao đổi, rút kinh nghiệm và học tập lẫn nhau góp phần nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ trong công tác khởi tố vụ án hình sự;

+ Về phía các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ của ngành cần phải đổi mới nội dung, chương trình theo hướng tập trung đào tạo bồi dưỡng kỹ năng điều tra, kỹ năng kiểm sát các hoạt động tư pháp trong đó có kỹ năng giải quyết các công việc thực tế trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự; tránh tình

trạng các Điều tra viên, Kiểm sát viên chỉ nắm lý thuyết mà không có được các kỹ năng thực hiện công việc trên thực tế;

+ Khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ Điều tra viên, Kiểm sát viên đi học để nâng cao trình độ, có chế độ ưu đãi phù hợp đối với nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên giỏi, có khả năng và tâm huyết với công việc.

Bên cạnh đó, vấn đề xây dựng, rèn luyện phẩm chất đạo đức là đòi hỏi có tính thường xuyên, liên tục đối với cán bộ tư pháp nói chung và đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên nói riêng. Một trong những đặc thù trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự là phải thường xuyên tiếp xúc với những mặt trái của xã hội, tiếp xúc với nhiều loại vi phạm và tội phạm, nếu đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên không trau dồi đạo đức và rèn luyện ý thức chính trị của mình thì rất dễ bị cám dỗ bởi vật chất, kinh tế, công tác khởi tố vụ án hình sự sẽ không còn khách quan dẫn đến nhiều sai lầm trong quá trình giải quyết.

Đồng thời, cần có chế độ lương và phụ cấp mang tính ưu đãi hơn, thỏa đáng hơn dành cho những người tiến hành tố tụng, nhất là đối với đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên. Một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng bỏ lọt tội phạm chính là yếu tố chủ quan từ phía những người có thẩm quyền khởi tố vụ án (tham nhũng, vụ lợi và những động cơ tiêu cực khác) do thu nhập chính đáng, hợp pháp không đủ để bảo đảm đời sống tương xứng với yêu cầu và điều kiện công việc. Như đã phân tích ở trên, hoạt động xử lý vụ án ở giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng này buộc các Điều tra viên, Kiểm sát viên luôn phải đối diện với tội phạm, với những vi phạm pháp luật và đối diện với những cám dỗ vật chất. Khi thu nhập chính đáng không đủ sống, một bộ phận người có trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự đã tìm kiếm thu nhập bất chính từ vị trí, nghề nghiệp của mình, từ các đối tượng phạm tội và gia đình, luật sư của các đối tượng phạm tội.

Song song với việc bảo đảm thu nhập cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, cần phải xử lý nghiêm minh các trường hợp sai phạm, cụ thể hóa trách

nhiệm cá nhân đối với người thực hiện hành vi tố tụng sai, ra quyết định tố tụng sai trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự. Phải áp dụng các hình thức truy cứu trách nhiệm phù hợp đối với các sai phạm của Điều tra viên, Kiểm sát viên như: Bồi hoàn, công khai xin lỗi, kỷ luật công tác, kỷ luật Đảng, truy cứu trách nhiệm hình sự... trong các trường hợp gây ra oan sai. Điều này đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải thể hiện tinh thần kiên quyết dám thẳng nhìn vào sự thật và dám làm trong sạch bộ máy.

Thứ năm, Phải bổ sung đầy đủ biên chế trong các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, tránh tình trạng một Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện hoạt động khởi tố, kiểm sát khởi tố số lượng vụ án quá lớn, dễ xảy ra oan, sai trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Đồng thời, phải trang bị đầy đủ các phương tiện, điều kiện làm việc cho các cơ quan tiến hành tố tụng, kinh phí tố tụng để nâng cao chất lượng khởi tố vụ án hình sự.

Hoạt động khởi tố vụ án hình sự là hoạt động đầu tiên nhằm xác định dấu hiệu tội phạm để tiến hành xử lý. Hoạt động này được tiến hành nhanh chóng, khẩn trương để kịp thời thu thập các dấu vết, thông tin về tội phạm, để ngăn chặn hành vi phạm tội đang diễn ra cũng như ngăn ngừa và giảm bớt tác hại của tội phạm, nếu thực hiện chậm trễ sẽ dẫn đến việc mất các dấu vết của tội phạm, gây khó khăn cho các hoạt động thu thập chứng cứ và chứng minh sau này. Xác định được tầm quan trọng đó, Nghị quyết số 08 -NQ/TW của Bộ chính trị đã nêu rõ: *“Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có cơ chế chính sách hợp lý đối với cán bộ tư pháp. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa các cơ quan tư pháp...”*.

Trong giai đoạn sắp tới, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cần phải được trang bị các phương tiện giao thông, liên lạc để tiện di chuyển tới hiện trường, kết nối thông tin; đây là yêu cầu có ý nghĩa quyết định tới thành công của việc

xác định có dấu hiệu của tội phạm trong giai đoạn đặc biệt này. Nhiều Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cấp huyện không được trang bị đầy đủ phương tiện cần thiết để di chuyển nhanh chóng tới hiện trường, những hiện tượng Kiểm sát viên tới được hiện trường thì Cơ quan điều tra đã hoàn tất việc khám nghiệm hoặc phải đi nhờ xe của Công an để tới hiện trường kiểm sát khám nghiệm không phải là hiếm trong thực tế tố tụng hiện nay đã phản ánh rất chân thực những đòi hỏi chính đáng về trang thiết bị làm việc của cơ quan tiến hành tố tụng.

Đồng thời, nhằm tránh tình trạng "đùn đẩy" trách nhiệm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, "trả hồ sơ" để cơ quan thụ lý trước đó phải trung cầu giám định lại hoặc giám định bổ sung do quy định cơ quan nào trung cầu giám định, cơ quan đó chi trả kinh phí giám định khiến cho kết quả giám định rất dễ bị sai lệch dẫn tới các quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự có khả năng bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội, cần phải dành một khoản kinh phí độc lập, đáng kể cho việc chi trả phí giám định.

Cuối cùng, cần thực hiện "số hóa" việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm ở các cơ quan tiếp nhận; thống nhất về hệ thống biểu mẫu, sổ sách ghi chép việc tiếp nhận, xử lý thông tin về tội phạm để bảo đảm tính thống nhất, gọn nhẹ của các loại sổ sách, tạo điều kiện cho công tác kiểm sát, giám sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần áp dụng mô hình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm qua mạng Internet với hình thức hòm thư điện tử tiếp nhận tin báo, tố giác. Hình thức cung cấp thông tin về tội phạm này tương đối phổ biến ở một số nước có trình độ phát triển cao về công nghệ thông tin. Trong một lộ trình xây dựng chính phủ điện tử ở Việt Nam, cần phải thực hiện việc ưu tiên về công nghệ thông tin cho các cơ quan tiến hành tố tụng, tạo tiền đề cho công tác thống kê hình sự và kiểm soát các thông tin về tội phạm một cách nhanh nhất và chính xác nhất, khắc phục tình trạng tội phạm ẩn, tình trạng số liệu thống kê không

thống nhất, không rõ ràng hoặc lợi dụng tình trạng không minh bạch về thông tin để thoái thác trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự, tiết kiệm tối đa cho ngân sách Nhà nước trong hoạt động này và bảo đảm các quyền tố tụng của người tham gia tố tụng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Nội dung Chương 3 đánh giá tình hình hoạt động khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan có thẩm quyền trong 7 năm, từ năm 2011 đến năm 2017. Từ các số liệu thực tiễn, tác giả đã tổng kết một số kết quả đã đạt được cũng như nêu ra một số hạn chế còn tồn tại trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự. Sau đó, tác giả phân tích những nguyên nhân khác nhau dẫn đến hiệu quả của hoạt động khởi tố vụ án hình sự vẫn còn hạn chế, bao gồm những nguyên nhân xuất phát từ quy định khởi tố vụ án hình sự vẫn còn một số vướng mắc, bất cập cho dù BLTTHS năm 2015 vừa mới được thông qua và những nguyên nhân xuất phát từ các sai sót trong hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

Trên cơ sở quan điểm của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự trong điều kiện cải cách tư pháp được nêu trong Nghị quyết 08-NQ/TW, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XI, tác giả đưa ra hai nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khởi tố vụ án hình sự, bao gồm giải pháp về pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền.

Thứ nhất, đối với nhóm giải pháp về pháp luật, tác giả đưa ra các giải pháp như sau:

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 153 BLTTHS năm 2015 theo hướng bãi bỏ quy định cho phép Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm.

- Bổ sung quy định về việc xác định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra theo cấp (cấp huyện, cấp tỉnh), theo hệ thống (cơ quan điều tra trong công an nhân dân, quân đội nhân dân, viện kiểm sát) và theo lãnh thổ với tiêu chí để xác định thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự theo quy trình xuôi, tức là xây dựng tiêu chí để xác định thẩm quyền khởi tố vụ án trước, trên cơ sở đó xác định thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử.

- Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 484 BLTTHS về đối tượng được áp dụng biện pháp bảo vệ bao gồm cả người báo tin về tội phạm cho phù hợp với quy định tại Điều 56 BLTTHS năm 2015; Bổ sung quy định tại Điều 145 BLTTHS về trách nhiệm của Cơ quan điều tra có thẩm quyền phải áp dụng mọi biện pháp do pháp luật tố tụng hình sự quy định để bảo vệ người tố giác, người báo tin về tội phạm và người thân của họ; Bổ sung quy định mang tính khuyến khích những người tố giác, tố cáo đúng sự thật thì phải được khen thưởng nhằm khuyến khích tinh thần tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm của họ.

- Sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 9 Pháp lệnh Công an xã của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 06/2008/PL-UBTVQH12 về nhiệm vụ và quyền hạn của Công an xã theo hướng vai trò của Công an cấp xã đối với tin báo, tố giác về tội phạm chỉ nên dừng lại ở việc tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Sửa đổi mẫu số 01- QĐ ban hành theo Quyết định số 1351/QĐ-BCA (C11) của Bộ Công an ngày 18/11/2004 về hình thức của Quyết định khởi tố vụ án hình sự như sau: “... sau khi xác định có dấu hiệu của tội phạm... quy định tại khoản... Điều... BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

- Bổ sung căn cứ “*người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự*” là một trong các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự.

- Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về trường hợp công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài và đã bị tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại xử lý hành vi phạm tội đó bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có khởi tố về hành vi phạm tội đó nữa hay không. Theo quan điểm của tác giả, việc có khởi tố vụ án hình sự hay không thì cần phải chia làm hai trường hợp:

+ Trường hợp 1, nếu việc kết án của nước sở tại phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của Việt Nam thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ không khởi tố vụ án hình sự.

+ Trường hợp 2, nếu việc kết án của nước sở tại không phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của Việt Nam thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có quyền khởi tố vụ án hình sự nếu hành vi phạm tội xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam.

- Quy định cụ thể trường hợp tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp.

- Quy định cụ thể thời gian kiểm tra, xác minh ban đầu đối với các nguồn thông tin về tội phạm, hạn chế tình trạng việc kiểm tra, xác minh kéo dài mà cơ quan có thẩm quyền không vào sổ thụ lý.

- Quy định cụ thể hướng giải quyết trong trường hợp hết thời hạn giải quyết tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền xác định có dấu hiệu tội phạm nhưng tội phạm thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại mà người bị hại chưa có đơn yêu cầu khởi tố và cũng không có hành vi cụ thể về việc sẽ từ bỏ quyền yêu cầu khởi tố của mình.

- Bổ sung quy định liên quan đến công tác kiểm sát của Viện kiểm sát, cụ thể: “Kể từ ngày nhận được thông tin về tội phạm, Cơ quan điều tra, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phối hợp với Viện kiểm sát tiến hành phân loại, xác minh sơ bộ ban đầu, nếu đó là tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền của mình thì trong phạm vi trách nhiệm phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự”.

Thứ hai, nhóm các giải pháp khác nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền khởi tố gồm:

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo của lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp.
- Sàng lọc, xử lý nghiêm minh những trường hợp can thiệp bằng công văn của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, ngành có cán bộ vi phạm để “xử lý nội bộ”, “rút kinh nghiệm sâu sắc” nhằm bao che, bênh vực cho nhau nhân danh “uy tín, danh dự của ngành” sẽ dẫn tới sự dung túng và lệch lạc về nhận thức, ý thức trách nhiệm cũng như gây mất niềm tin vào sự nghiêm minh của pháp luật từ người dân.
- Nâng cao trình độ nhận thức pháp luật, trình độ nghiệp vụ, rèn luyện phẩm chất đạo đức, bảo đảm chế độ đãi ngộ cho các Kiểm sát viên, Điều tra viên.
- Bổ sung đầy đủ biên chế trong các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, trang bị đầy đủ các phương tiện, điều kiện làm việc cho các cơ quan tiến hành tố tụng, kinh phí tố tụng để nâng cao chất lượng khởi tố vụ án hình sự.

KẾT LUẬN

Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu của quá trình tố tụng, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động tố tụng trong các giai đoạn tiếp theo để giải quyết vụ án hình sự. Mặc dù là một trong những vấn đề trọng tâm của khoa học Luật tố tụng hình sự, lại là vấn đề phức tạp trong công tác áp dụng pháp luật nhưng những vấn đề về lý luận và thực tiễn của hoạt động khởi tố vụ án hình sự vẫn chưa được quan tâm và nghiên cứu sâu sắc. Vì vậy, tác giả đã quyết định chọn đề tài: “**Khởi tố vụ án trong tố tụng hình sự Việt Nam**” làm đề tài nghiên cứu ở cấp độ Tiến sĩ nhằm để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hoạt động này. Với khả năng vẫn còn hạn chế, tác giả đã cố gắng nghiên cứu và đạt được một số kết quả như sau:

1. Tại Chương 1, tác giả nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về khởi tố vụ án hình sự, theo đó, tác giả phân tích khởi tố vụ án hình sự dưới góc độ là một giai đoạn tố tụng độc lập cũng như đây là giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng hình sự. Trên cơ sở nghiên cứu, kế thừa và phát triển những quan điểm khác nhau của các chuyên gia pháp lý, tác giả đưa ra khái niệm về khởi tố vụ án hình sự như sau: *Khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng hình sự đầu tiên, trong đó cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự nhằm xác định có hay không dấu hiệu tội phạm để quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án. Giai đoạn khởi tố bắt đầu từ việc tiếp nhận thông tin về tội phạm hoặc phát hiện dấu hiệu tội phạm và kết thúc bằng một quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự.*

Từ nội hàm khái niệm khởi tố vụ án hình sự đã nêu trên, tác giả rút ra những đặc điểm riêng biệt của khởi tố vụ án hình sự. Đồng thời, tác giả phân tích ý nghĩa quan trọng về mặt pháp lý và về mặt chính trị - xã hội của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Bên cạnh đó, tác giả đánh giá hệ thống văn bản pháp luật tố tụng của Nhà nước ta giai đoạn trước năm 2003. Qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy các văn bản về tố tụng hình sự trong thời kỳ này không

quy định hoặc quy định không rõ ràng về các nội dung liên quan đến hoạt động khởi tố nên dẫn đến việc áp dụng tùy tiện các quy định pháp luật trong quá trình khởi tố vụ án hình sự, làm bỏ lọt tội phạm, gây oan sai, xâm phạm tới các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, Nhà nước.

Cuối cùng, tác giả đã phân tích quy định về khởi tố vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự một số quốc gia trên thế giới, trong đó đi sâu nghiên cứu quy định về khởi tố vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự của Trung Quốc, Hoa Kỳ, Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức và Liên bang Nga. Đây những quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển và đã từng có ảnh hưởng nhất định đến pháp luật Việt Nam trong lịch sử cũng như tại thời điểm hiện tại. Qua đó, tác giả rút ra một số khác biệt trong quy định pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án hình sự. Đây là những kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình xây dựng BLTTHS nói chung, hoàn thiện quy định khởi tố vụ án hình sự nói riêng

2. Tại Chương 2, tác giả phân tích các nội dung liên quan đến khởi tố vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015. Khi phân tích các nội dung này, tác giả chia làm năm nhóm vấn đề:

Thứ nhất, về chủ thể khởi tố vụ án hình sự. Theo quy định của BLTTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự thì chủ thể thực hiện hoạt động khởi tố vụ án hình sự bao gồm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân. BLTTHS năm 2015 và Luật tổ chức cơ quan điều tra năm 2015 đã có những quy định bổ sung thêm chủ thể mới là cơ quan Kiểm ngư; Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Phòng Quản lý xuất nhập cảnh; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao. Tác giả đã phân tích cụ thể về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của các chủ thể này.

Thứ hai, về hoạt động tố tụng đặc trưng trong khởi tố vụ án hình sự. Tác giả phân tích hoạt động tố tụng đặc trưng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, bao gồm hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Thứ ba, về các quyết định tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, các cơ quan có thẩm quyền sẽ xác định một sự việc xảy ra trong thực tế có hay không có dấu hiệu tội phạm để ra một trong hai loại Quyết định: Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Bên cạnh đó, BLTTHS năm 2015 còn bổ sung thêm loại quyết định thứ ba, đó là Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Tác giả đã tiến hành phân tích các trường hợp mà các cơ quan có thẩm quyền sẽ ra các loại quyết định này cũng như hình thức và nội dung của các loại quyết định.

Thứ tư, về thời hạn khởi tố vụ án hình sự. Tác giả phân tích về thời hạn để giải quyết tố giác và tin báo theo quy định của BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015. Đồng thời, tác giả cũng phân tích cụ thể những trường hợp gia hạn thời hạn giải quyết tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố theo BLTTHS năm 2015.

Thứ năm, về hoạt động kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Tác giả đã phân tích các quy định về việc Viện kiểm sát phải kiểm sát việc tiếp nhận và giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố đảm bảo việc tiếp nhận, kiểm tra xác minh và giải quyết các tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố của các cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời, tác giả cũng phân tích quy định về hoạt động của Viện kiểm sát khi kiểm sát các quyết định khởi tố vụ án hình sự và các quyết định không khởi tố vụ án hình sự của các chủ thể có thẩm quyền nhằm đảm bảo tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định này.

3. Tại Chương 3, tác giả đã đánh giá tình hình hoạt động khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan có thẩm quyền trong 7 năm, từ năm 2011 đến năm

2017. Qua đó, tác giả tổng kết một số kết quả đã đạt được, nêu ra một số hạn chế còn tồn tại đồng thời phân tích những nguyên nhân khác nhau dẫn đến hiệu quả của hoạt động khởi tố vụ án hình sự vẫn còn hạn chế. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khởi tố vụ án hình sự, bao gồm giải pháp về pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền.

Thứ nhất, đối với nhóm giải pháp về pháp luật, tác giả đưa ra các giải pháp như sau:

- Giải pháp liên quan đến chủ thể khởi tố vụ án hình sự: *Một là*, sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 153 BLTTHS năm 2015 theo hướng bãi bỏ quy định cho phép Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm; *Hai là*, bổ sung quy định về việc xác định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra theo cấp (cấp huyện, cấp tỉnh), theo hệ thống (cơ quan điều tra trong công an nhân dân, quân đội nhân dân, viện kiểm sát) và theo lãnh thổ với tiêu chí để xác định thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự theo quy trình xuôi, tức là xây dựng tiêu chí để xác định thẩm quyền khởi tố vụ án trước, trên cơ sở đó xác định thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử.

- Giải pháp liên quan đến hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố: *Một là*, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 484 BLTTHS về đối tượng được áp dụng biện pháp bảo vệ bao gồm cả người báo tin về tội phạm cho phù hợp với quy định tại Điều 56 BLTTHS năm 2015; *Hai là*, bổ sung quy định tại Điều 145 BLTTHS về trách nhiệm của Cơ quan điều tra có thẩm quyền phải áp dụng mọi biện pháp do pháp luật tố tụng hình sự quy định để bảo vệ người tố giác, người báo tin về tội phạm và người thân của họ; *Ba là*, bổ sung quy định mang tính khuyến khích những người tố giác, tố cáo đúng sự thật thì phải được khen thưởng nhằm khuyến khích tinh thần tham gia đấu tranh phòng chống tội

phạm của họ; *Bốn là*, sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 9 Pháp lệnh Công an xã của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 06/2008/PL-UBTVQH12 về nhiệm vụ và quyền hạn của Công an xã theo hướng vai trò của Công an cấp xã đối với tin báo, tố giác về tội phạm chỉ nên dừng lại ở việc tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Giải pháp liên quan đến các quyết định tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự: *Một là*, sửa đổi mẫu số 01- QĐ ban hành theo Quyết định số 1351/QĐ-BCA (C11) của Bộ Công an ngày 18/11/2004 về hình thức của Quyết định khởi tố vụ án hình sự như sau: “... *sau khi xác định có dấu hiệu của tội phạm... quy định tại khoản... Điều... BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”; *Hai là*, bổ sung căn cứ “*người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự*” là một trong các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự; *Ba là*, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về trường hợp công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài và đã bị tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại xử lý hành vi phạm tội đó bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có khởi tố về hành vi phạm tội đó nữa hay không.

- Giải pháp liên quan đến thời hạn khởi tố vụ án hình sự: *Một là*, quy định cụ thể trường hợp tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp; *Hai là*, quy định cụ thể thời gian kiểm tra, xác minh ban đầu đối với các nguồn thông tin về tội phạm, hạn chế tình trạng việc kiểm tra, xác minh kéo dài mà cơ quan có thẩm quyền không vào sổ thụ lý; *Ba là*, quy định cụ thể hướng giải quyết trong trường hợp hết thời hạn giải quyết tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền xác định có dấu hiệu tội phạm nhưng tội phạm thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại mà người bị hại chưa có đơn yêu cầu khởi tố và cũng không có hành vi cụ thể về việc sẽ từ bỏ quyền yêu cầu khởi tố của mình.

- Giải pháp liên quan đến hoạt động kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Theo tác giả, phải bổ sung quy định liên quan đến công tác kiểm sát của Viện kiểm sát, cụ thể: *“Kể từ ngày nhận được thông tin về tội phạm, Cơ quan điều tra, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phối hợp với Viện kiểm sát tiến hành phân loại, xác minh sơ bộ ban đầu, nếu đó là tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền của mình thì trong phạm vi trách nhiệm phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự”*.

Thứ hai, các giải pháp khác nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền khởi tố gồm:

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo của lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp.
- Sàng lọc, xử lý nghiêm minh những trường hợp can thiệp bằng công văn của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, ngành có cán bộ vi phạm để “xử lý nội bộ”, “rút kinh nghiệm sâu sắc” nhằm bao che, bênh vực cho nhau nhân danh “uy tín, danh dự của ngành” sẽ dẫn tới sự dung túng và lệch lạc về nhận thức, ý thức trách nhiệm cũng như gây mất niềm tin vào sự nghiêm minh của pháp luật từ người dân.
- Nâng cao trình độ nhận thức pháp luật, trình độ nghiệp vụ, rèn luyện phẩm chất đạo đức, bảo đảm chế độ đãi ngộ cho các Kiểm sát viên, Điều tra viên.

- Bổ sung đầy đủ biên chế trong các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, trang bị đầy đủ các phương tiện, điều kiện làm việc cho các cơ quan tiến hành tố tụng, kinh phí tố tụng để nâng cao chất lượng khởi tố vụ án hình sự.

Với các giải pháp nêu trên, tác giả hy vọng Luận án sẽ góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động khởi tố vụ án hình sự, đảm bảo phát hiện nhanh chóng, chính xác và xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, tránh tình trạng bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội. Tuy nhiên, khởi tố vụ án hình sự là một vấn đề phức tạp nên Luận án vẫn còn những khiếm khuyết, sai sót nhất định. Tác giả mong muốn nhận được những đóng góp của các chuyên gia, những người tiến hành tố tụng trực tiếp làm công tác thực tiễn giúp luận án sẽ hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội;
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020;
4. Quốc Hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hiến pháp Việt Nam năm 1946;
5. Quốc Hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hiến pháp Việt Nam năm 1959;
6. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp Việt Nam năm 1980;
7. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp Việt Nam năm 1992;
8. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp Việt Nam năm 2013;
9. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, BLHS nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);
10. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, BLTTHS nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1988;
11. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, BLTTHS nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003;

12. Nguyễn Ngọc Anh chủ biên (2011), Bình luận khoa học BLTTHS năm 2003, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội;

13. Nguyễn Hòa Bình, (2014), “*Sửa đổi BLTTHS đáp ứng yêu cầu của Hiến pháp xây dựng nền tư pháp công bằng, nhân đạo, dân chủ, nghiêm minh, trách nhiệm trước nhân dân*”, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, (6).

14. BLTTHS Liên bang Nga năm 2006 (bản dịch tiếng Việt), xem tại: http://tks.edu.vn/law/detail/1028_0_Bo-luat-to-tung-hinh-su-Lien-Bang-Nga.html;

15. BLTTHS Cộng hòa Pháp năm 2005 (bản dịch tiếng Việt), xem tại: http://tks.edu.vn/law/detail/1281_0_Bo-luat-to-tung-hinh-su-cong-hoa-Phap.html;

16. BLTTHS Nhật Bản (bản dịch tiếng Việt), xem tại: http://tks.edu.vn/law/detail/1280_0_Bo-luat-to-tung-hinh-su-Nhat-Ban.html;

17. Bộ Tư pháp (1999), Thông tin khoa học pháp lý, số chuyên đề “Tư pháp hình sự so sánh”;

18. Bộ tư pháp (2003), Tố tụng tranh tụng và tố tụng xét hỏi, Thông tin khoa học xét xử (01)

19. Các nguyên tắc liên bang về tố tụng hình sự của Hoa kỳ (bản dịch tiếng Việt), xem tại: http://www.tks.edu.vn/law/detail/1030_0_Cac-nguyen-tac-lien-bang-ve-to-tung-hinh-su-cua-hop-chung-quoc-Hoa-ky.html;

20. Các văn kiện quốc tế về quyền con người (1998), NXB Chính trị quốc gia, Hà nội;

21. Lê Cẩm (2004), “*Một số vấn đề lý luận chung về các giai đoạn tố tụng hình sự*”, Tạp chí Kiểm sát (02);

22. Lê Văn Cân (2008), “*Một số vướng mắc khi giải quyết vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại*”, Tạp chí Kiểm sát (04);

23. Lê Lan Chi (2010), Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong luật tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội;

24. Lê Tiến Châu (2002), “*Tìm hiểu các kiểu (hình thức) tố tụng hình sự*”, Tạp chí khoa học pháp lý, (08).

25. Lê Tiến Châu (2007), “*Người bị hại trong tố tụng hình sự*”, Tạp chí Khoa học pháp lý (01(28));

26. Chương trình đối tác tư pháp (2012), Những mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới, NXB Hồng Đức, Hà nội

27. Nguyễn Đăng Dung (2004), Một số vấn đề về cải cách tư pháp ở Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội;

28. Trần Ngọc Đường (2011), Quyền con người, quyền công dân trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội;

29. Nguyễn Thanh Hải (2003), “*Góp ý xây dựng BLTTHS (sửa đổi) khởi tố theo yêu cầu của người bị hại*”, Tạp chí Kiểm sát (08);

30. Thu Hằng, Phiên họp lần thứ 3 Ban Chỉ đạo CCTP Trung ương, Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam ngày 22/12/2001, xem tại: http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/Preview/PrintPreview.aspx?co_id=0&cn_id=497806;

31. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (2006), Từ điển pháp luật hình sự, NXB Tư pháp, Hà Nội.

32. Phạm Văn Huân (2010), *Những căn cứ và cơ sở khởi tố vụ án hình sự*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội.

33. Nguyễn Mạnh Hùng (2012), Thuật ngữ pháp lý, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội;

34. Vũ Thế Hùng và các tác giả khác (dịch từ tiếng Anh) (2006), Khái quát hệ thống pháp luật Hoa Kỳ, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội;

35. Luật điều tra và tố tụng hình sự 1996 của vương quốc Anh (bản dịch tiếng Việt), xem tại: http://www.tks.edu.vn/law/detail/1279_0_Luat-dieu-tra-va-to-tung-hinh-su-1996-cua-vuong-quoc-Anh.html;

36. Dương Tuyết Miên (2005), “*Nạn nhân của tội phạm dưới góc độ tội phạm học*”, Tạp chí Tòa án nhân dân (24);

37. Trần Đình Nhã (1995), *Về đổi mới tổ chức Cơ quan điều tra*, Kỷ yếu-Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam, VKSND tối cao;

38. Ngôn ngữ học Việt Nam (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Thanh niên, Hà nội;

39. Võ Thị Kim Oanh chủ biên (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh;

40. Võ Thị Kim Oanh và Nguyễn Ngọc Kiện (2010), “*Thực trạng pháp luật và thực tiễn về người bị tình nghi trong BLTTHS năm 2003*”, Tạp chí khoa học pháp lý, (06).

41. Nguyễn Thái Phúc (2009), “*Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (TP. Hồ Chí Minh).

42. Đỗ Ngọc Quang (2012), “*Hoàn thiện thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong Tố tụng hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp*” Tạp chí kiểm sát (08);

43. Sắc lệnh ngày 10/10/1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xem tại: http://www.vbqtpl.moj.gov.vn/law/vi/1945_to_1950/1945/194510/194510100001;

44. Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về cải cách bộ máy Tư pháp và Luật Tố tụng, xem tại: http://www.vbqtpl2.moj.gov.vn/law/vi/1945_to_1950/1950/195005/195005220003;

45. Hồ Sỹ Sơn (2010), “*Nguyên nhân của oan sai trong tố tụng hình sự*”, Tạp chí Tòa án nhân dân,(01).

46. Lê Việt Sơn (2006), Cơ sở khởi tố vụ án hình sự, Luận văn cử nhân Luật học, Trường Đại học Luật Tp.Hồ Chí Minh;

47. Lê Hữu Thế, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thủy (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

48. Trần Quang Tiệp (2003), Lịch sử luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội;

49. Nguyễn Trương Tín (2009), “*Một số vấn đề lý luận về chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự và vấn đề sửa đổi, bổ sung BLTTHS 2003 liên quan đến chức năng buộc tội*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (08)

50. Tòa án nhân dân tối cao (1976), Tập hệ thống hóa luật lệ về tố tụng hình sự, Hà nội;

51. Nguyễn Đức Thái (2015), Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Tp.Hồ Chí Minh;

57. Lê Nguyên Thanh (2012), Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh;

52. Lê Hữu Thế (chủ biên) (2008), Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra, NXB Tư pháp, Hà nội;

53. Phan Văn Tuyến (2009), Khởi tố vụ án hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Tp.Hồ Chí Minh;

54. Trường Đại học Luật Hà Nội (2000), Những nguyên tắc cơ bản trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội;

55. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), Giáo trình Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội;

56. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội;

57. Trường Đại học Luật TP HCM (2015), Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Hồng Đức, TP HCM;

58. Trường Đại học New York - khoa Luật (2007), *Những vấn đề cơ bản của luật pháp Mỹ (Fundamentals of American Law)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

59. VKSND tối cao (2007), Số chuyên đề về luật tố tụng hình sự Cộng hòa Pháp, Thông tin khoa học kiểm sát (số 5+6);

60. VKSND tối cao (2007), Số chuyên đề về luật tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Đức, Thông tin khoa học kiểm sát (5+6);

61. VKSND tối cao (2007), Số chuyên đề về luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ, Thông tin khoa học kiểm sát (5+6).

62. VKSND tối cao (2008), Số chuyên đề về so sánh pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và một số nước trên thế giới, Thông tin khoa học kiểm sát (3+4);

63. VKSND tối cao (2010), Số chuyên đề về mô hình tố tụng hình sự Việt Nam, Thông tin khoa học kiểm sát (5+6);

64. VKSND tối cao (2011), Số chuyên đề về mô hình tố tụng hình sự một số nước trên thế giới, Thông tin khoa học kiểm sát (1+2);

65. Viện khoa học pháp lý Bộ Tư pháp (2001), Bình luật khoa học BLTTHS, Hà nội;

66. Trương Quang Vinh (2008), *Tội phạm và hình phạt trong Hoàng Việt Luật lệ*, NXB Tư Pháp, Hà Nội;

67. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học BLTTHS*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội;

Tài liệu tiếng Anh

68. Ana Medarska (2009), *Rights of crime victims under the European convention on Human rights: invading defendants's rights*, Central European University, Hungary, at: http://www.etd.ceu.hu/2010/medarska_ana.pdf

69. American Bar Association (2006), *The victim in the criminal justice system*, at: <http://meetings.abanet.org/webupload/commupload/CR300000/newsletterpubs/victimsreport.pdf>

70. **Boyne**, Shawn Marie, *The German prosecution service: Guardians of the Law*, Springer, 2013.

71. Craig M. Bradley (2007), *Criminal procedure: a world study*, Published: Carolina Academic Press, Durham, North Carolina, USA, at: <http://www.cap-press.com/pdf/1632.pdf>

72. Cole, George F., Frankowski, Stanislaw J., & Gertz, Marc G. eds. *Major Criminal Justice Systems: A Comparative Survey* (2d ed., Newbury Park, CA: Sage Publications, 1987).

73. C. Van Den Wyngaert (1993), *Criminal Procedure Systems in the European Community*, Published: Bloomsbury Professional, United Kingdom.

74. Delmas-Marty, Mireille & Spencer, J.R. *European Criminal Procedures* (Cambridge; New York: Cambridge University Press, 2002).

75. Daniel Klerman, *Settlement and the decline of private prosecution in thirteenth century England*, *Law and History Review*, 2001, Vol19/1; University of Illinois.

76. Daniel Hall: Criminal law and procedure, 5th edition, Delmar Cengage Learning, 2009.

77. Douglas E. Beloof, Paul G. Cassell, Steven J. Twist (2010), Victims in Criminal Procedure, Published: Carolina Academic Press, USA, at: <http://www.cap-press.com/pdf/2103.pdf>

78. Edwin R. Keedy, *Preliminary Investigation in France*, Law Review of University of Pennsylvania, Vol88/4.

79. Federal Rules of Criminal Procedure of United States, at www.uscourts.gov/file/document/rules-criminal-procedure;

80. Floyd Feeney, German and American Prosecutions: an approach to statistical comparison, US Department of Justice, Office of Justice Program, 1998;

81. George F.Cole, Andrew Sanders, *Criminal prosecution in England: Evolution and Change*, Connecticut Law Review, Vol.14/23.

82. James. W.H McCord và Sandra L.McCord, *Criminal law and procedure: a systems approach*, 3th edition, West Legal Studies, 2006

83. Jacqueline Hogdson, French criminal justice: A comparative account of investigation and prosecution of crime in France, Oxford and Portland Oregon, 2005

84. Jeremy Gans, Terese Henning, Jill Hunter và Kate Wamer, “*Criminal process and human rights*”, New South Wales Inc, Australia, 2011.

85. John Ferdico, Henry F. Fradella và Christopher D, *Criminalprocedure for the criminal justice professional*, 10th edition, Wadsworth Cengage Learning, 2009.

86. John M. Andrew, “*Human rights in the English criminal trial- Human rights in criminal procedure*”, United Kingdom National Committee of Comparative Law, 1982.

87. John M. Scheb, *Criminal procedure and Law*, 7th edition, Wadsworth Cengage Learning, 2011.

88. Joege Martin Jehle, *Criminal Justice System in Germany*, 2015, at http://www.bmjv.de/SharedDocs/Downloads/DE/Broschueren/DE/Criminal-Justice-Germany.pdf?__blob=publicationFile

89. John William Stickels, “*Victim satisfaction: A model of the Criminal Justice System*”, Texas University, USA, 2003.

90. Katja G. Sugman, Slovenia, principles of criminal procedure and their application in disciplinary proceedings, *Revue internationale dedroit pénal* 3/2003 (Vol. 74), p.1063-1076.

91. Markus Loffelmann (2008), *The victim in criminal proceedings: A systematic portrayal of victim protection under German Criminal Procedure*, at: http://www.unafei.or.jp/english/pdf/RS_No70/No70_06VE_Loffelmann1.pdf

92. Michael Zanders, *English Prosecution system*, Hội thảo về hệ thống công tố ở Rome, ngày 29-30/09/2008.

93. National Institute of Justice, US. Department of Justice, *Criminal Prosecution Rationalization of Criminal Justice*, Final Report, 1991.

94. Outline of criminal procedure in Japan, at http://www.courts.go.jp/english/judicial_sys/criminal_contents/criminal_text/index.html.

95. Pavisic Berislav (2004), *Transition of criminal procedure systems*, Published: Pravni fakultet Sveucilista, Croatia.

96. Robert A. Carp and Rosald Stidhan, *Judicial process in America*, Congressional Quarterly, In, 2001.

97. Russell L. Weaver, Leslie W. Abramson, John M Burkott, Catherine Hancock, "*Principle of Criminal Procedure*", Thomson West Inc, 2004.

98. Stephanos Stavros, "*The guarantees for accused person under Article 6 of the European Convention on Human Rights*", Sweet & Maxwell Inc, England, 1993.

99. Tom O'Connor, Online Lectures for Criminal Procedure, <http://www.faculty.ncwc.edu/TOConnor/325/325lects.htm> - 3k.

100. Toshihiro Kawaide (2008), Victim's participation in the criminal trial in Japan, at: <http://www.sota.j.u-tokyo.ac.jp/info/Papers/kawaide.pdf>

101. Tyrone Kirchengast (2006), *The victim in criminal law and justice*, Publisher: Palgrave Macmillan, USA

102. United Nations Asia and Far East Institute (UNAFEI), *Criminal Justice in Japan*, 2014.

103. United Nations office on Drugs and Crime (2006), *Compendium of UN standards and norms in crime prevention and criminal justice*, at: http://www.unodc.org/pdf/criminal_justice/Compendium_UN_Standards_and_Norms_CP_and_CJ_English.pdf

104. UN General Assembly, *Declaration of Basic Principles of Justice for Victims of Crime and Abuse of Power*, A/RES/40/34 29 November 1985 96th plenary meeting, at: <http://www.un.org/documents/ga/res/40/a40r034.htm>